

CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THÉ KỶ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

TP.HCM, tháng 3 năm 2021

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	ii
GIỚI THIỆU CHUNG	1
I. TỔNG QUAN.....	1
II. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN	16
III. BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH	25
IV. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG – XÃ HỘI	34
V. QUẢN TRỊ RỦI RO.....	49
VI. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN	55
VII. CỔ PHIẾU VÀ QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ.....	56
VIII. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	62
IX. BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT	73
X. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN	78
XI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN HỢP NHẤT.....	81

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BCTN	Báo cáo thường niên	GTGT	Giá trị gia tăng
BKS	Ban kiểm soát	HĐQT	Hội đồng quản trị
CBCNV	Cán bộ công nhân viên	HSX, HOSE	Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh
CP	Cổ phần, cổ phiếu	IMF	Quỹ tiền tệ thế giới
DN	Doanh nghiệp	POY	Partially Oriented Yarn
DTY	Drawn Textured Yarn	PTBV	Phát triển bền vững
FDY	Fully Drawn Yarn	TGD	Tổng giám đốc
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội	THPT	Trung học phổ thông
GRS	Global Recycle Standard (tiêu chuẩn tái chế toàn cầu)	TNCN	Thu nhập cá nhân
GPM	Biên lợi nhuận gộp	ROE	Tỷ suất sinh lợi trên vốn
y-o-y	So sánh với cùng kỳ năm ngoái	ROS	Tỷ suất sinh lợi trên doanh thu
		ROA	Tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản

GIỚI THIỆU CHUNG

CHỦ ĐỀ BÁO CÁO

VƯỢT ĐÓC

Năm 2020 là năm đánh dấu chặng đường 20 năm hình thành và phát triển của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ. Mặc dù bối cảnh vĩ mô không được thuận lợi do nhiều yếu tố bất ngờ, Công ty vẫn khẳng định được khả năng ứng phó với nghịch cảnh và phục hồi một cách ngoạn mục. Với những kết quả đã đạt được, Sợi Thế Kỷ sẽ tiếp tục không ngừng theo đuổi mục tiêu và phát triển một cách bền vững.

THÀNH PHẦN CỦA BÁO CÁO

- Báo cáo thường niên
- Báo cáo quản trị Công ty
- Báo cáo phát triển bền vững
- Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất
- Báo cáo tài chính kiểm toán chuẩn quốc tế

PHẠM VI CỦA BÁO CÁO

Niên độ báo cáo: từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÁC CHUẨN MỤCC ÁP DỤNG

- Thông tư 96/2020/TT-BTC
- Chuẩn mực kế toán Việt Nam VAS
- Chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS
- Thẻ điểm quản trị ASEAN
- Các quy trình theo chuẩn mực ISO
- Chứng chỉ GRS, Oeko-Tex100.

TRÁCH NHIỆM ĐẢM BẢO BÁO CÁO CHÍNH XÁC VÀ TRUNG THỰC

- Dữ liệu tài chính: thống nhất với BCTC năm 2020 đã được Công ty TNHH E&Y kiểm toán độc lập.
- Dữ liệu về ngành trong nước và quốc tế: dữ liệu hải quan-xuất nhập khẩu của các nước đối chiếu; các báo cáo kinh tế-ngành dệt may được đăng tải công khai.¹
- Dữ liệu liên quan đến hoạt động Công ty
- Dữ liệu về HĐQT, BKS: thống nhất với Báo cáo quản trị năm 2020.
- Dữ liệu về cổ đông: Trung tâm lưu ký Việt Nam cung cấp

¹ <https://www.worldbank.org/en/publication/global-economic-prospects>
<https://www.mckinsey.com/industries/retail/our-insights/state-of-fashion>
<https://store.textileexchange.org/product/2020-preferred-fiber-materials-report/>

I. TỔNG QUAN

I.1 Thông tin khái quát về Công ty

Tên công ty: Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ

Tên tiếng Anh: Century Synthetic Fiber Corporation

Tên giao dịch: Century Corp.

Mã chứng khoán: STK (HSX)

Trụ sở chính: B1-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành Phố Hồ Chí Minh

Chi nhánh: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh

Văn phòng đại diện: 102-104-106 Bàu Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ: 707.269.440.000 đồng

Điện thoại: + 84.028 3790 7565 / +84.276 389 9536

Fax: 84.028 3790 7566 / +84.276 389 9537

Email: csf@century.vn

Website: www.thekey.vn

Mã số thuế doanh nghiệp: 0302018927

I.2 Thành tựu nổi bật năm 2020

Tỷ trọng sợi tái chế trên doanh thu

đạt
44%

Số lượng chai nhựa gián tiếp tái chế

2,06 tỷ chai nhựa

Vốn điều lệ

~707 tỷ đồng

Công suất

60.000 tấn/năm



Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết năm 2020 do HOSE tổ chức

Đạt Top **05** doanh nghiệp niêm yết có vốn hóa vừa (mid-cap) có tình hình quản trị tốt nhất

Đạt giải Báo cáo phát triển bền vững tốt nhất **đáng tin cậy**.



Cuộc bình chọn top 100 Doanh nghiệp PTBV Việt Nam

Đạt Top **100** Doanh nghiệp PTBV Việt Nam (lần thứ 5 liên tiếp)

I.3 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Quý Cổ đông và Nhà đầu tư kính mến,

Trước hết, với tư cách Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị mới được bầu chọn tôi xin trân trọng chào đón quý cổ đông, nhà đầu tư và hân hạnh được chia sẻ với Quý vị Báo cáo thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ. Tôi hi vọng báo cáo này sẽ mang đến cho Quý vị những thông tin hữu ích về tình hình hoạt động kinh doanh của STK trong năm qua và tầm nhìn và chiến lược kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

Năm 2020 sẽ đi vào lịch sử với sự tác động kinh hoàng của đại dịch Covid 19 ở khắp nơi trên thế giới. Để ngăn ngừa sự lây lan của dịch bệnh nguy hiểm này, nhiều quốc gia đã thực hiện các biện pháp giãn cách xã hội, dẫn đến sự đảo lộn trong cuộc sống của người dân: người lớn làm việc tại nhà hoặc mất việc, học sinh nghỉ học hoặc học trực tuyến, các cơ sở kinh doanh thương mại và dịch vụ bị đóng cửa. Hệ quả là nhiều người lao động bị thất nghiệp và mất thu nhập, thương mại quốc tế bị sụt giảm nghiêm trọng và các chuỗi cung ứng toàn cầu bị tê liệt. Trong bối cảnh đó, ngành dệt may toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Tuy nhiên nhờ khả năng kiểm soát dịch bệnh tốt của Việt Nam, nên so với các đối thủ cạnh tranh như Trung Quốc, Ấn Độ, ngành dệt may Việt Nam đã hạn chế được sự sụt giảm kim ngạch xuất khẩu hàng may mặc ở các thị trường lớn như Mỹ và Nhật².

Do những khó khăn trong việc bán hàng trong giai đoạn Quý 2 và Quý 3-2020 khi các thị trường tiêu thụ sản phẩm may mặc chính như Mỹ, EU và Nhật Bản chìm trong bệnh dịch, doanh thu và lợi nhuận năm 2020 của Sợi Thế Kỷ đã sụt giảm với tỷ lệ tương ứng là 20.8% (doanh thu) và 33.1% (lợi nhuận) so với năm 2019.

Tuy rằng thành quả năm 2020 chưa đạt được như mong đợi nhưng khả năng duy trì được sự tăng trưởng dương của doanh thu và lợi nhuận ở mảng sợi tái chế cũng như việc phát triển mảng sợi dành cho công nghiệp ô tô cũng khẳng định sự đúng đắn trong định hướng chiến lược của STK cùng với sự nỗ lực vượt bậc của ban điều hành và cán bộ công nhân viên STK cũng đóng vai trò không kém phần quan trọng.

Công ty sẽ tiếp tục định hướng phát triển bền vững trong những năm tới đây với việc chú trọng vào các mảng sợi thân thiện với môi trường như sợi tái chế, sợi dope dyed, và sợi có tính năng đặc biệt. Bên cạnh đó để tiếp tục đáp ứng nhu cầu sợi do làn sóng dịch chuyển đơn hàng may mặc tới Việt Nam, STK sẽ triển khai các dự án tăng công suất trong các năm tới.

Hơn nữa, trong công tác quản trị công ty STK đã thực hiện một thay đổi lớn năm 2020 là tách bạch 2 chức danh Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám Đốc. Công ty sẽ được tiếp tục kiện toàn công tác quản trị trong các năm tới nhằm nâng cao lợi ích cho các bên có liên quan.

² Theo số liệu của OTEXA, kim ngạch xuất khẩu dệt may năm 2020 của Việt Nam sang Mỹ giảm 7.2% trong khi xuất khẩu của Trung Quốc sang thị trường này giảm 30.6%. Theo số liệu của JP e-stat, kim ngạch xuất khẩu hàng may mặc năm 2020 của Việt Nam sang Nhật giảm 10.37% trong khi xuất khẩu của Trung Quốc sang thị trường này giảm 17.9%

Với sự nỗ lực vượt bậc của Ban điều hành, CBCNV Công ty và sự ủng hộ mạnh mẽ của Quý Cổ đông và Nhà đầu tư, tôi tin rằng STK sẽ duy trì nâng cao sự phát triển bền vững trong những năm tới.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**ĐẶNG MỸ LINH****I.4 Thông điệp của Tổng giám đốc**

Quý Cổ đông và Nhà đầu tư kính mến,

Năm 2020 khép lại với nhiều mất mát và nỗi buồn do dịch Covid 19 gây ra nhưng khủng hoảng không làm chúng ta gục ngã. Trái lại, với nghị lực và sự sáng suốt, nhân loại sẽ tìm ra được lối đi để vượt qua khó khăn và tiếp tục phát triển.

Sự phục hồi của ngành dệt may toàn cầu nói chung và Việt nam nói riêng trong Quý 4 -2020 minh chứng cho điều này. Sau khi doanh thu bị sụt giảm mạnh trong quý 2 và quý 3 do hậu quả của các biện pháp giãn cách xã hội tại các thị trường Mỹ, EU, Nhật Bản nhằm kiểm chế dịch Covid 19, các thương hiệu thời trang hàng đầu như Nike, Adidas, H&M, Inditex, v.v. đã thúc đẩy sự phát triển của kênh thương mại điện tử, kiện toàn chuỗi cung ứng và phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường, đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng để duy trì khả năng tăng trưởng.

Trong bối cảnh thị trường cạnh tranh khốc liệt, STK đã không ngừng kiện toàn hoạt động sản xuất nhằm hạ giá thành trong khi vẫn duy trì chất lượng sản phẩm vượt trội và khả năng cung ứng đơn hàng nhanh. Ngoài ra, công ty tiếp tục nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, mở rộng mạng lưới khách hàng, thị trường mới và đặc biệt là chủ động tiếp cận các nhãn hàng lớn để trở thành nhà cung ứng đáng tin cậy trong chuỗi cung ứng của họ. Bên cạnh đó, STK đã tích cực thúc đẩy bán sản phẩm sợi tái chế. Năm 2020, Công ty đã thực hiện tăng tỷ trọng sợi tái chế trên doanh thu lên đến 44%, thông qua đó Công ty đã gián tiếp tái chế 708 triệu chai nhựa đã qua sử dụng, góp phần giảm rác thải nhựa trên Trái Đất, đồng thời tạo nên thương hiệu – nhà cung ứng nguyên liệu dệt may thân thiện với môi trường.

Nhờ các nỗ lực này, mặc dù doanh thu và lợi nhuận của mảng sợi nguyên sinh bị sụt giảm so với năm 2019 nhưng doanh thu và lợi nhuận của mảng sợi tái chế đã tăng 0,05% (doanh thu) và 3% (lợi nhuận).

Năm 2021 thị trường vẫn chưa phục hồi hoàn toàn vì vẫn còn những đợt bùng phát dịch bệnh ở các thị trường lớn. Mặc dù vậy, chúng tôi vẫn tin tưởng vào triển vọng tăng trưởng của ngành dệt may Việt Nam nói chung và của STK nói riêng trong các năm tới. Các lợi thế về thuế quan của Việt Nam trong các hiệp định thương mại đã ký với Nhật Bản, Hàn Quốc, CPTPP và Hiệp định tự do thương mại Việt Nam EU (“EVFTA”), cũng như khả năng kiểm soát bệnh dịch của Việt nam sẽ là lực hút các đơn hàng dệt may dịch chuyển về Việt Nam. Với bối cảnh thị trường đó, STK sẽ tiếp tục tập trung vào chiến lược sản phẩm và lấy khách hàng làm trọng tâm, tận dụng cơ hội để mở

rộng mạng lưới khách hàng, đa dạng hoá sản phẩm với các tính năng khác nhau, kiện toàn chuỗi cung ứng nguyên liệu-thành phẩm, nhằm đạt được những thắng lợi mới trong năm 2021.

Công ty cũng sẽ triển khai một số dự án mở rộng công suất trong thời gian tới nhằm đáp ứng nhu cầu sợi đang tăng lên của các khách hàng hiện hữu. STK cũng sẽ tiếp tục tăng tỷ trọng sợi tái chế trong tổng doanh thu và triển khai các dự án điện mặt trời áp mái để đáp ứng nhu cầu bảo vệ môi trường của các thương hiệu lớn và người tiêu dùng cuối cùng. Công ty cũng rất kiên định trong việc thực hiện các chính sách bảo vệ môi trường, thúc đẩy việc sản xuất và tiêu thụ bền vững.

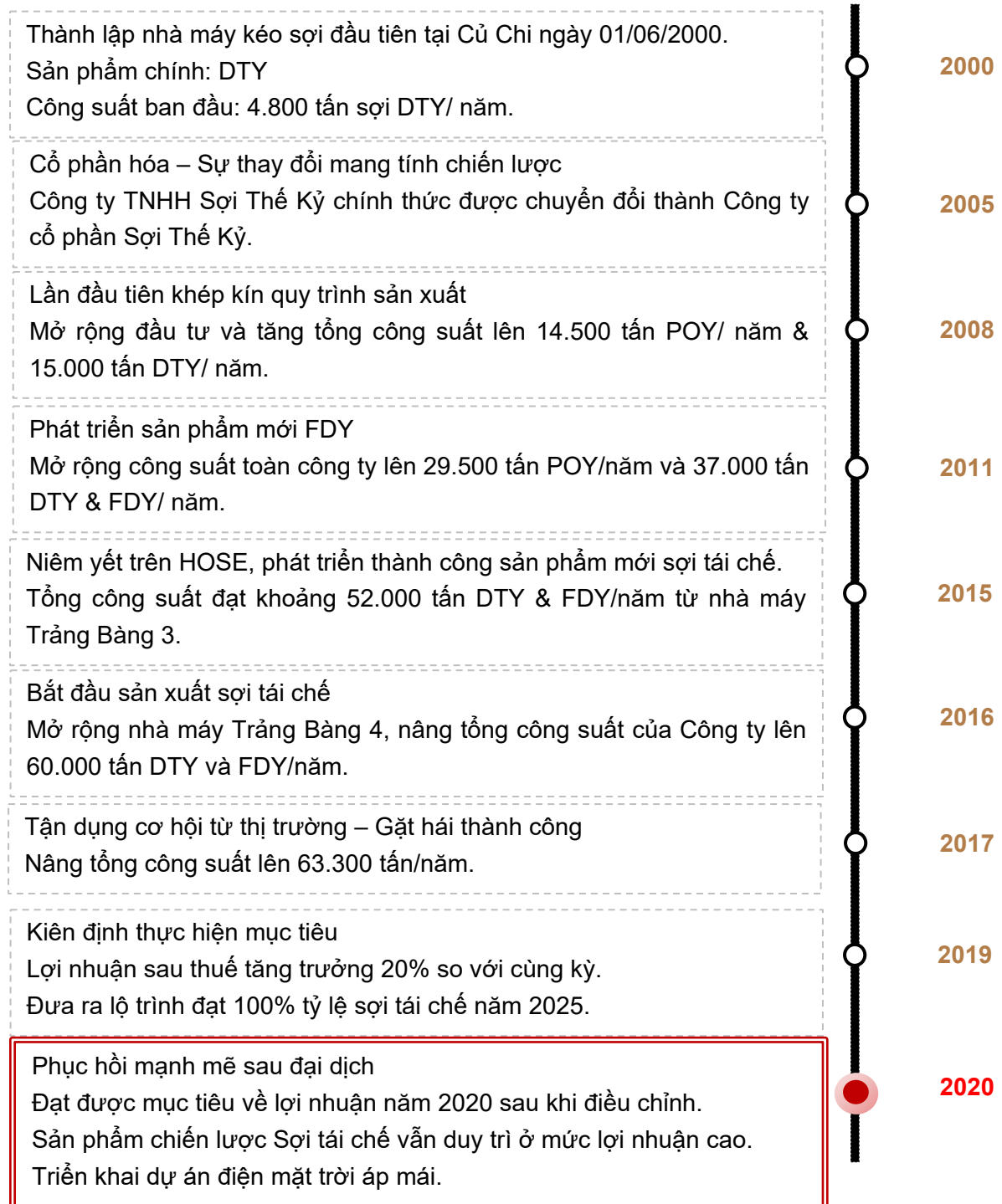
Chúng tôi mong rằng với sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị và sự ủng hộ của cổ đông, Công ty sẽ đạt được các mục tiêu đặt ra và mang lại nhiều lợi ích cho cổ đông, người lao động và cộng đồng xã hội.

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG TRIỆU HOÀ

I.5 Quá trình hình thành và phát triển



I.6 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

I.6.1 Lĩnh vực kinh doanh

STK sản xuất và kinh doanh các loại sợi xơ dài polyester, bao gồm sợi DTY (Drawn Textured Yarn) và FDY (Fully Drawn Yarn).

Sản phẩm sợi được sử dụng để sản xuất quần áo thể thao-dã ngoại, giày thể thao, túi vải polyester, đồ bơi, rèm-màn cửa, đệm bọc xe hơi, băng quần y tế...

I.6.2 Quy mô sản xuất

Công ty có 2 nhà máy đặt tại Củ Chi và Trảng Bàng trên với tổng diện tích là 68.000 m².



Nhà máy Cù Chi

Được thành lập năm 2000
Công suất đạt 20.000 tấn/năm



Nhà máy Trảng Bàng

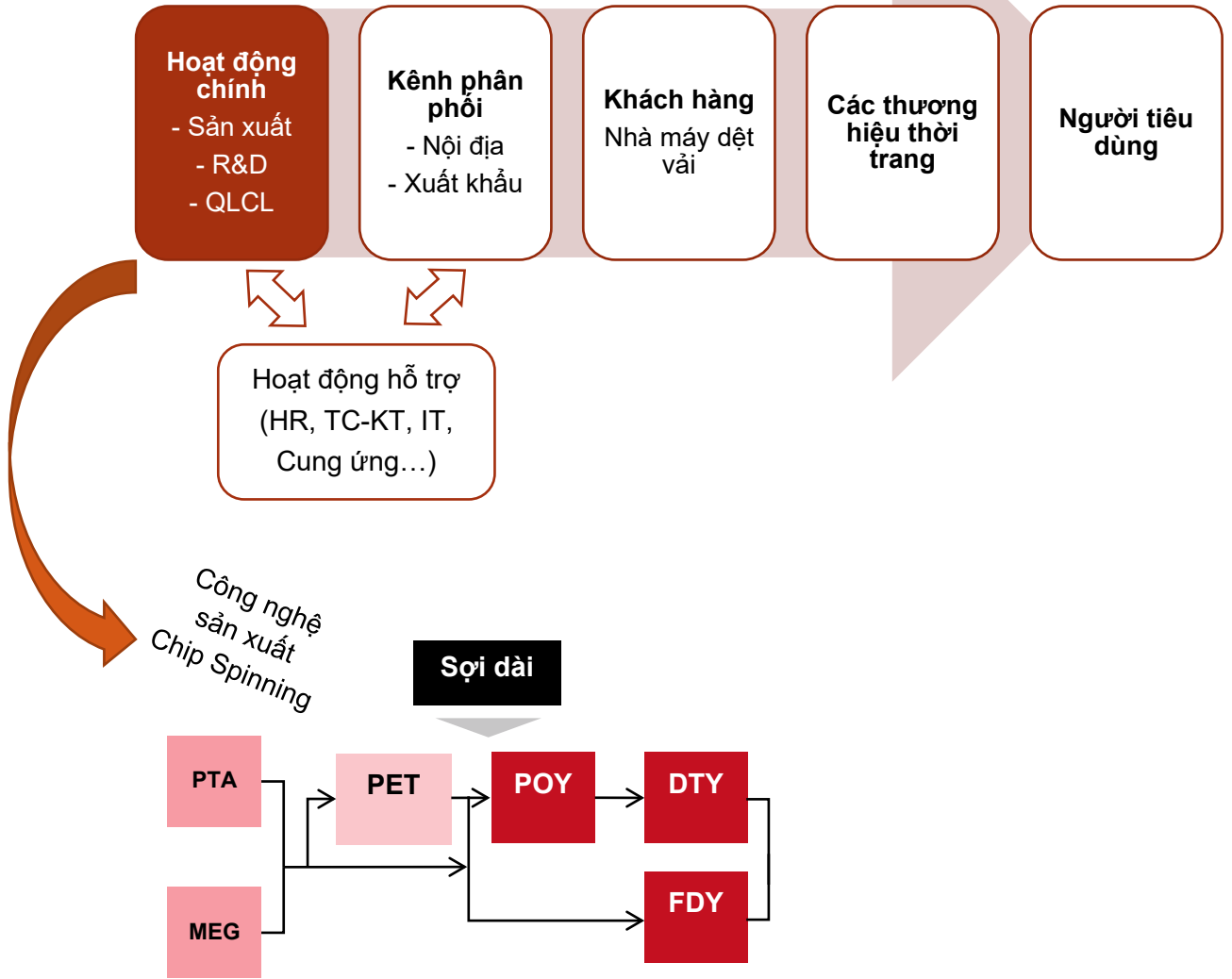
Được thành lập năm 2010.
Công suất đạt 40.000 tấn/năm

I.6.3 Địa bàn kinh doanh

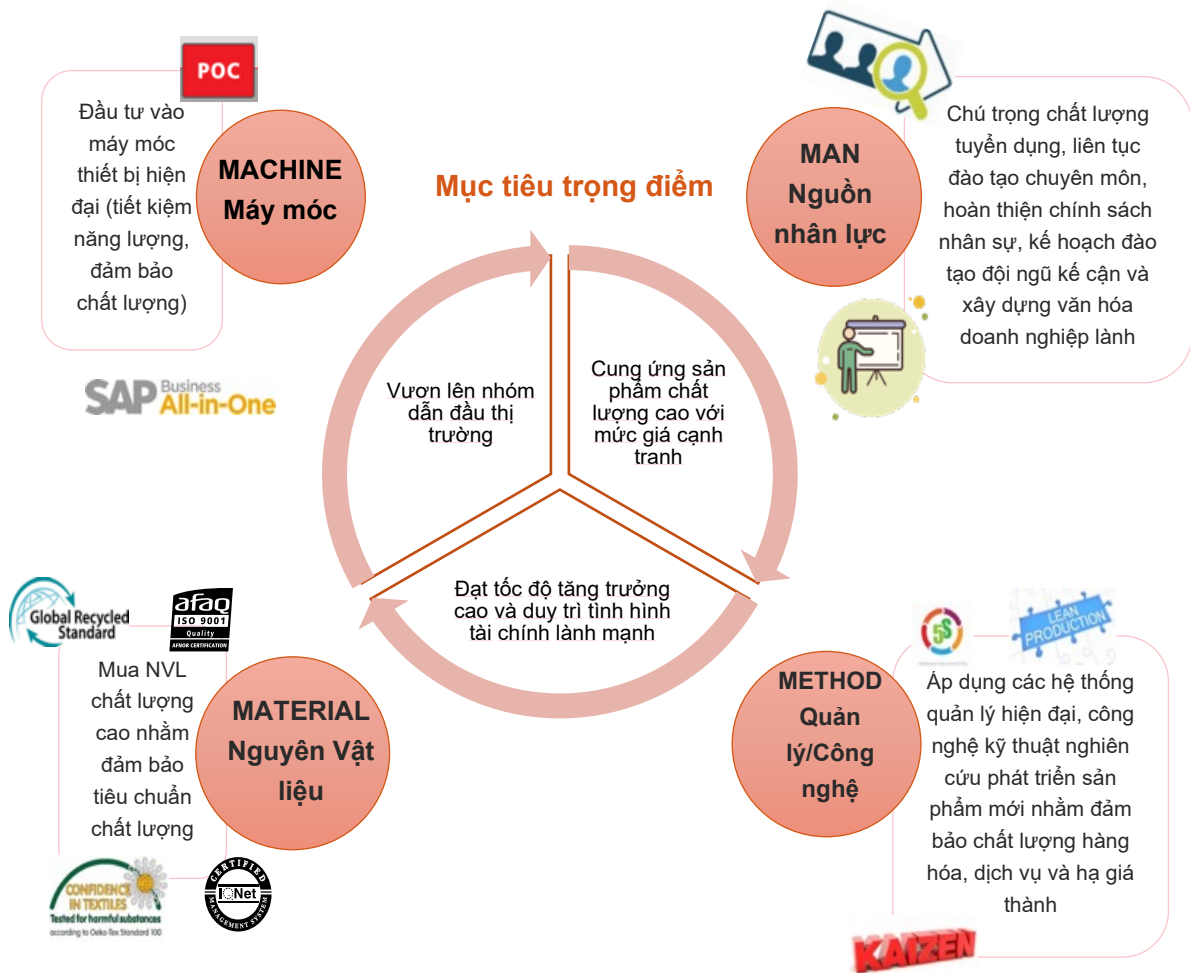


- Thị trường đã và đang phát triển
- Thị trường đang trong quá trình phát triển

I.7 Chuỗi giá trị của Sợi Thế Kỳ



I.8 Mô hình kinh doanh



I.9 Vị thế của Sợi Thế Kỳ

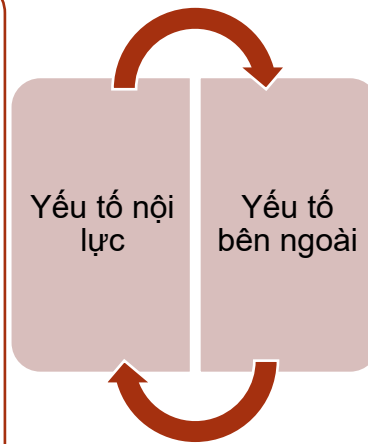
Yếu tố tạo động lực tăng trưởng

Vị thế của Sợi Thế Kỳ

Sợi Thế Kỳ là **một trong bảy** doanh nghiệp sản xuất sợi polyester filament ở Việt Nam. Tuy STK đứng thứ 4 về mặt quy mô nhưng là một trong những doanh nghiệp đứng đầu về mặt chất lượng. Với mục tiêu tiên phong trong ngành sợi dệt và trở thành doanh nghiệp toàn cầu đứng hàng đầu, Sợi Thế Kỳ đã và đang dẫn đầu trong thị trường nội địa cũng như vươn mình ra thế giới, mang đến chất lượng sản phẩm và dịch vụ tốt nhất, thỏa mãn cao nhất nhu cầu của khách hàng.

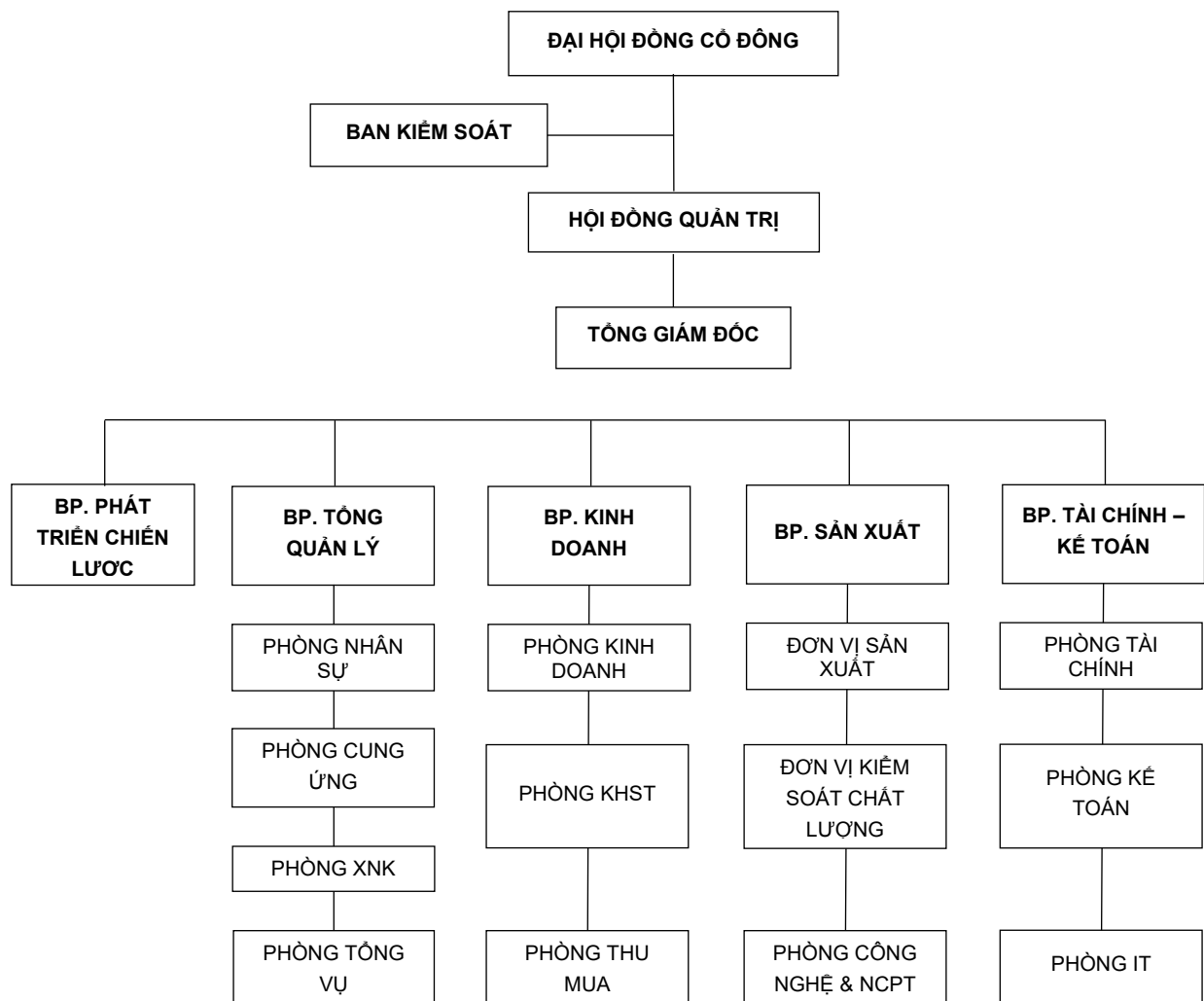
Yếu tố tạo động lực tăng trưởng

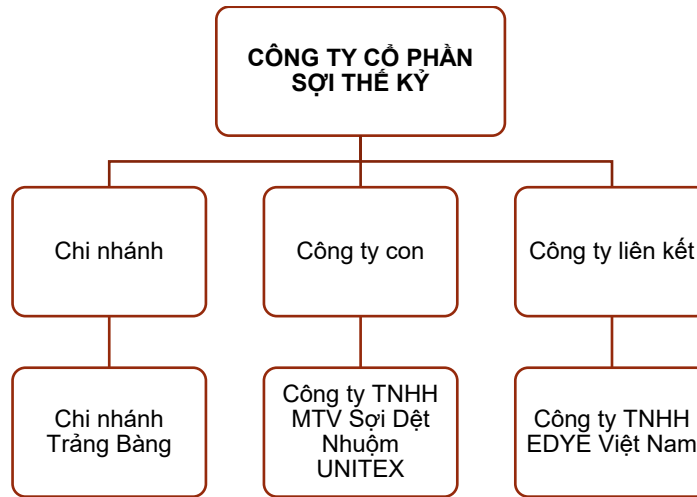
- Nguồn lực sản xuất
Nhà máy với công suất lớn, máy móc hiện đại, công nghệ tiên tiến.
- Tài sản vô hình và sở hữu trí tuệ
Hệ thống phần mềm quản lý hoạt động sản xuất Sap All in one tích hợp tất cả các quy trình kinh doanh, sản xuất, tài chính-kế toán.
Mạng lưới khách hàng trong và ngoài nước; Sự gắn kết Công ty trong các chuỗi giá trị của các thương hiệu.
- Nguồn lực tài chính
Tiềm lực tài chính vững mạnh; dòng tiền ổn định, chỉ số nợ/vốn ở mức rủi ro thấp.
- Quản trị doanh nghiệp
Hệ thống quản trị dần hoàn thiện dựa vào việc ứng dụng các phần mềm quản lý hiện đại và hướng đến các thông lệ quốc tế.



- Yếu tố xã hội
Cơ hội từ xu hướng tiêu dùng phát triển bền vững và các yếu tố nhân khẩu học như thay đổi cơ cấu dân số theo tuổi tác, giới tính,...
- Yếu tố môi trường
Cơ hội từ xu hướng bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu và xu hướng xanh hóa ngành.

I.10 Cơ cấu tổ chức Công ty





Vui lòng tham khảo mục Mô Hình Quản Trị ở trang 62, Báo cáo thường niên năm 2020.

I.11 Tình hình công ty con, công ty liên kết

	Tên đơn vị	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh
Công ty con	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SỢI, DỆT NHUỘM UNITEX	80 tỷ đồng	100%	Lô A17.1 đường C1, Khu Công nghiệp Thành Công, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất sợi tổng hợp và dệt kim (chưa đi vào hoạt động)
Công ty liên kết	CÔNG TY CỔ PHẦN E.DYE VIỆT NAM	6,63 tỷ đồng	36%	102-104-106 đường Bàu Cát, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	Buôn bán, thương mại (chưa đi vào hoạt động)

Tình hình hoạt động của Công ty con

Hiện nay Unitex chưa triển khai hoạt động. Do đó mới chỉ ghi nhận chi phí phát triển dự án.

Chỉ tiêu	Năm 2020 (đồng)	±%, y-o-y
Doanh thu hoạt động tài chính	13.394.358	11883,64%
Lợi nhuận sau thuế	898.449	-106,28%
Tài sản ngắn hạn	85.938.330.109	-0,01%
Tài sản dài hạn	0	
Nợ phải trả	5.989.228.781	-0,17%
Vốn chủ sở hữu	79.949.101.328	0,00%
Tổng tài sản	85.938.330.109	-0,01%

Tình hình hoạt động của Công ty liên kết

Hiện tại E.DYE Việt Nam vẫn chưa đi vào hoạt động kinh doanh. Do đó mới chỉ ghi nhận chi phí thành lập Công ty.

Chỉ tiêu	Năm 2020 (đồng)	±%, y-o-y
Doanh thu hoạt động tài chính	5.155.041	0,20%
Lợi nhuận sau thuế	-504.691.981	-4,22%
Tài sản ngắn hạn	7.129.245.733	-0,02%
Tài sản dài hạn	8.711.104	-29,43%
Nợ phải trả	2.851.035.063	21,24%
Vốn chủ sở hữu	4.286.921.774	-10,53%
Tổng tài sản	7.137.956.837	-0,07%

I.12 Triết lý kinh doanh**TẦM NHÌN**

Trở thành doanh nghiệp toàn cầu đứng hàng đầu tiên phong trong ngành sợi/dệt và phát triển đa ngành nghề có liên quan với ngành cốt lõi.

SỨ MỆNH

Chúng tôi ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, quản trị hiện đại, đội ngũ chuyên nghiệp và văn hóa doanh nghiệp cầu tiến sáng tạo, thông qua tiết giảm tiêu hao nguồn tài nguyên, năng lượng, bảo vệ môi trường thiên nhiên để đóng góp cho xã hội, mang đến cho cộng đồng những sản phẩm dịch vụ hiện đại và thân thiện.

CAM KẾT

Chúng tôi luôn trân trọng khách hàng, có sự phân công hợp tác, chủ động, đảm đương trong thực thi công việc.

Gắn kết hệ giá trị mang lại lợi ích cho các bên liên quan**GIÁ TRỊ CỐT LÕI****PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG**

Trân trọng khách hàng, luôn có giải pháp hữu ích, hợp lý để thỏa mãn nhu cầu khách hàng.

ĐỒNG TÂM HIỆP LỰC

Mỗi người trong CENTURY phải phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau để hướng tới mục tiêu chung.

LIÊN TỤC CẦU TIẾN

Không thỏa mãn với hiện trạng, luôn khát vọng cải tiến kết quả công việc, hiệu quả làm việc và chất lượng cuộc sống.

CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN

Gắn kết sự phát triển của CENTURY với cộng đồng và với mỗi người trong CENTURY.

PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG

- Mang đến cho KH các SP-DV có chất lượng cao với giá cả hợp lý;
- Sản phẩm thân thiện với môi trường;
- Quy trình sản xuất đạt chuẩn quốc tế; nguồn NVL có xuất xứ rõ ràng.

ĐỒNG TÂM HIỆP LỰC

- Gắn kết chặt chẽ với các bên liên quan;
- Sử dụng các nguồn lực để mang lại giá trị cao nhất cho các bên;

LIÊN TỤC CẢI TIẾN

- Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, thị trường mới để gia tăng hiệu quả kinh tế;
- Áp dụng các biện pháp cải tiến trong quản lý sản xuất, chi phí, lợi nhuận; các rủi ro đến từ nội bộ Công ty.

CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN

- Chia sẻ lợi ích với các bên liên quan như cổ đông, người lao động; phát hành cổ tức, chào bán cổ phiếu với giá ưu đãi;
- Đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng.

Gắn kết giá trị các bên liên quan

Các bên liên quan	Kênh tiếp cận với các bên liên quan	Chủ đề quan tâm từ các bên liên quan	Hành động của STK để đáp lại mong đợi và mang lại giá trị cho các bên liên quan.
Cổ đông	<ul style="list-style-type: none"> - Cuộc họp ĐHĐCĐ. - Buổi gặp mặt trực tiếp với nhà đầu tư. - Hội thảo và tham quan nhà máy. - Khảo sát ý kiến cổ đông bằng văn bản, điện thoại và emails. - Bản tin IR, Investor day, Analysts meetings. 	<ul style="list-style-type: none"> - Minh bạch thông tin. - Bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư/cổ đông. - Quản trị doanh nghiệp tốt. - Định hướng phát triển lâu dài. - Hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư. - Định hướng phát triển bền vững. - Sự quan tâm của doanh nghiệp đối với các vấn đề xã hội, môi trường, cộng đồng. - Chính sách cổ tức. - Thù lao cho HĐQT, BKS, BDH. - Giá trị của doanh nghiệp. - Tính thanh khoản và cơ hội đầu tư. 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu đạt 1.765 tỷ VND, lợi nhuận sau thuế 144,4 tỷ VND, hoàn thành 110,7% so với kế hoạch đề ra. - Mở rộng thị trường mới: từng bước phát triển thêm khách hàng thị trường Mỹ. - Nâng cao tỷ trọng sợi recycle trong tổng doanh thu lên 44,7% 2020. - Phát triển các loại sản phẩm mới có nhiều tính năng và thân thiện với môi trường. - Tuân thủ đúng về quy định công bố thông tin. - Tách bạch 2 vị trí Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám Đốc. - Bổ nhiệm người quản trị Công ty. - Cam kết trả cổ tức tối thiểu 15%/năm. - Chi trả cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ 15% bằng tiền mặt cho năm tài chính 2019. - Đa dạng các kênh công bố thông tin.
Khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> - Trao đổi trực tiếp. - Các buổi gặp mặt, đến thăm công ty khách hàng. - Phiếu khảo sát khách hàng - Website Công ty - Hội thảo, diễn đàn hiệp hội ngành. - Email, điện thoại. 	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty hoạt động bền vững- an toàn và uy tín. - Chất lượng sản phẩm- dịch vụ. - Giá cả cạnh tranh. - Các điều khoản hợp đồng hấp dẫn. - Dịch vụ khách hàng vượt trội. - Công nghệ, năng lực sản xuất tốt. - Sự chuyên nghiệp trong dịch vụ cung ứng. - Các sản phẩm mang đến giá trị gia tăng cao. - Sản phẩm an toàn, không chứa hóa chất độc hại. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu và sản xuất các loại sợi có độ nhuyển rất cao. - Đảm bảo chất lượng của sản phẩm. - Nâng cao nghiệp vụ bán hàng của đội ngũ kinh doanh và quản lý chất lượng. - Bổ sung một nhân sự người nước ngoài có kinh nghiệm và nghiệp vụ giỏi để hỗ trợ mảng kinh doanh của Công ty. - Liên tục đào tạo nguồn lực đội ngũ bán hàng nội địa và xuất khẩu. - Nâng cao chất lượng các tiêu chí phục vụ khách hàng. - Sản phẩm được chứng nhận không sử dụng các chất độc hại (REACH 168). - Đạt chứng nhận OEKO –TEX 100 chứng minh thành phần trong sợi không chứa chất độc gây hại cho sức khỏe. - Đạt chứng chỉ GRS (Global Recycle Standard). - Được khách hàng trong nước và quốc tế đánh giá cao về chất lượng và dịch vụ.

Các bên liên quan	Kênh tiếp cận với các bên liên quan	Chủ đề quan tâm từ các bên liên quan	Hành động của STK để đáp lại mong đợi và mang lại giá trị cho các bên liên quan.
Người lao động	<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình Tôn chỉ. - Các cuộc họp giao ban. - Đối thoại định kỳ với người lao động. - Hội nghị người lao động hàng năm. - Trực tiếp trao đổi với người quản lý. - Trực tiếp trao đổi với phòng nhân sự. - Phiên họp thương lượng tập thể. 	<ul style="list-style-type: none"> - Môi trường làm việc thoải mái an toàn. - Đảm bảo sức khỏe nghề nghiệp. - Cân bằng giữa công việc và cuộc sống. - Chính sách lương thưởng và phúc lợi cao. - Cơ hội học tập, đào tạo, phát triển nâng cao tay nghề. - Cơ hội thăng tiến trong công việc - Tầm nhìn của người lãnh đạo. - Sự công bằng và dân chủ. - Không phân biệt đối xử. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cải thiện chính sách tiền lương, chế độ thưởng, phúc lợi, đào tạo, thăng tiến và môi trường làm việc cho người lao động. - Tăng lương bình quân 7% tùy vào vị trí công việc. - Số lượng người được đề bạt lên vị trí cao hơn là 15 người. - Ban Điều Hành cam kết về quyền dân chủ, quyền được đối xử công bằng, tôn trọng của người lao động. - Đảm bảo tỷ lệ mức lương cho người lao động cao hơn so với mức lương tối thiểu vùng và lương bình quân của ngành. - Thực hiện cơ chế 5S, cải thiện môi trường làm việc. - Đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, người lao động được chăm lo sức khỏe. - Tuân thủ quy định trách nhiệm xã hội theo pháp luật. - Thực hiện khám sức khỏe định kỳ hàng năm - 02/12/2020.
Nhà cung ứng	<ul style="list-style-type: none"> - Gặp gỡ trực tiếp. - Tham quan nhà máy. - Thông qua email, điện thoại. - Thu thập thông tin qua khảo sát. 	<ul style="list-style-type: none"> - Uy tín, cộng tác dài lâu. - Hợp tác trên cơ sở đôi bên cùng có lợi, cùng nhau phát triển. - Xây dựng chuỗi giá trị bền vững 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao chất lượng sản phẩm, mang lại lợi ích cho cả hai bên. - Bình đẳng trong việc lựa chọn nhà cung ứng trên nguyên tắc cạnh tranh lành mạnh. - Đánh giá nhà cung ứng để đảm bảo duy trì tính hiệu quả hợp tác. - Đưa ra các biện pháp cải thiện mối quan hệ giữa Công ty và nhà cung ứng. - Đảm bảo lợi ích tối thiểu của đôi bên.
Nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua các cuộc họp, các đợt thanh tra. - Thông qua các báo cáo định kỳ của HEPZA, TANIZA. - Các văn bản hành chính của nhà nước. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuân thủ các chính sách, quy định của pháp luật. - Đáp ứng đầy đủ các chứng chỉ, giấy phép theo quy định. - Hỗ trợ phát triển cộng đồng. - Triển khai và ủng hộ các chủ trương của nhà nước. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuân thủ chính sách và quy định pháp luật của nhà nước. - Không có bất kỳ vi phạm nào liên quan đến việc không tuân thủ pháp luật. - Thực hiện và gửi báo cáo về HEPZA và TANIZA về tình hình hoạt động, an toàn-môi trường-sức khỏe. - Ủng hộ chủ trương của nhà nước. - Nộp thuế đầy đủ. - Hỗ trợ phát triển địa phương.
Ngân hàng đối tác	<ul style="list-style-type: none"> - Các cuộc gặp mặt trực tiếp. - Điện thoại và email. 	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty hoạt động bền vững và uy tín. - Minh bạch trong hệ thống quản trị doanh nghiệp. - Hệ thống quản lý tài chính chuyên nghiệp. - Hợp tác lâu dài cùng nhau phát triển 	<ul style="list-style-type: none"> - Linh hoạt trong chính sách hợp tác về hạn mức vay. - Thực hiện chi trả lãi vay đúng và sớm hơn hạn quy định. - Theo dõi và hỗ trợ thường xuyên các giao dịch.
Cộng đồng địa phương	<ul style="list-style-type: none"> - Buổi gặp mặt trao đổi định kỳ. - Văn bản hành chính với các cơ quan đoàn thể tại địa phương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có trách nhiệm, chia sẻ, chung tay phát triển cộng đồng. - Hỗ trợ địa phương nâng cao chất lượng đời sống cho người dân. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao mức thu nhập bình quân hàng năm của người lao động địa phương. - Trao học bổng cho các trường cao đẳng tại địa phương. - Hỗ trợ cải thiện kinh tế địa phương.

Các bên liên quan	Kênh tiếp cận với các bên liên quan	Chủ đề quan tâm từ các bên liên quan	Hành động của STK để đáp lại mong đợi và mang lại giá trị cho các bên liên quan.
	<ul style="list-style-type: none">- Các hoạt động xã hội cộng đồng.	<ul style="list-style-type: none">- Cải thiện chất lượng, nâng cao và xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng cho địa phương.	<ul style="list-style-type: none">- Ưu tiên tuyển dụng nguồn nhân lực địa phương.- Phát triển đô thị hóa nông thôn.
Hiệp hội ngành (VCOSA)	<ul style="list-style-type: none">- Các diễn đàn, đối thoại, các cuộc tiếp xúc, văn bản hành chính, email trao đổi.	<ul style="list-style-type: none">- Trở thành thành viên có đóng góp tích cực trong việc chia sẻ thông tin, xây dựng phát triển ngành.	<ul style="list-style-type: none">- Hỗ trợ cung cấp thông tin và hợp tác tích cực với hiệp hội ngành.

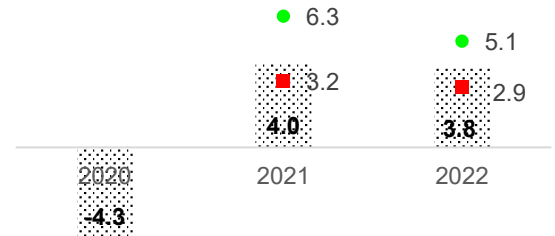
II. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

II.1 Đánh giá tổng quan bối cảnh kinh doanh và ngành

II.1.1 Bối cảnh kinh doanh năm 2020 và dự báo năm 2021

	% tăng/giảm 2020 so với năm 2019	% tăng/giảm 2021 so với năm 2020
Thương mại toàn cầu	-9,0%	+5,0%
GDP toàn cầu	-4,3%	+4,0%
<i>Trong đó:</i>		
- Mỹ	-3,6%	+3,5%
- EU	-7,4%	+3,6%
- Nhật Bản	-5,3%	+2,5%
- Trung Quốc	+2,0%	+7,9%

Dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu 2021-2022 (%)

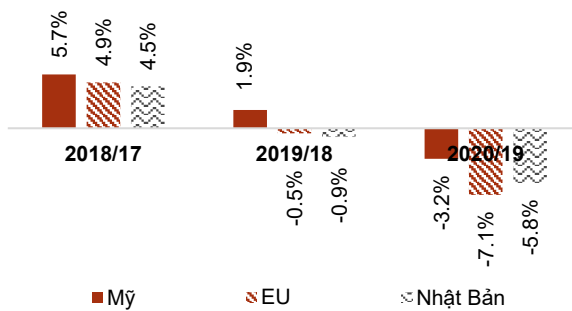


▨ Mức cơ sở ● Kịch bản tích cực ■ Kịch bản tiêu cực

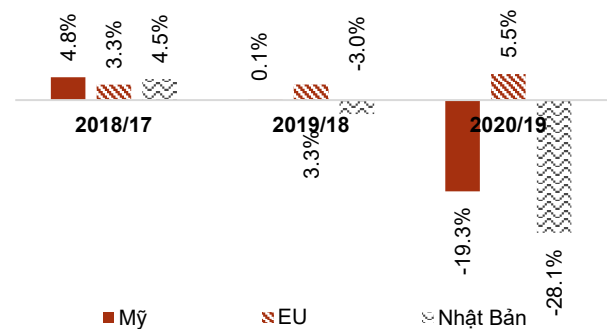
Nguồn: Báo cáo “Triển vọng kinh tế toàn cầu” tháng 01-2021
– World Bank

II.1.2 Bối cảnh ngành dệt may và sợi năm 2020

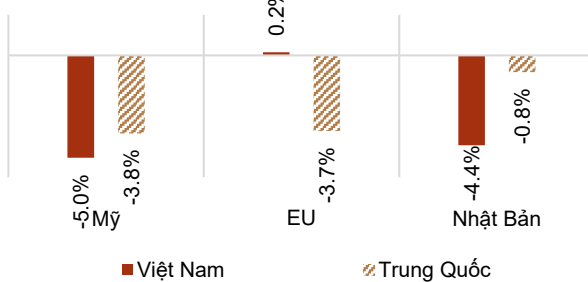
Tốc độ tăng trưởng sản lượng nhập khẩu dệt may ở các thị trường lớn năm 2020



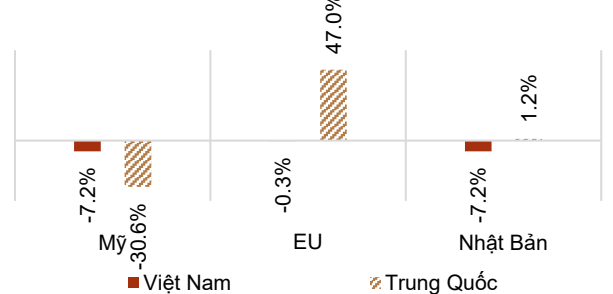
Tốc độ tăng trưởng giá trị nhập khẩu dệt may ở các thị trường lớn năm 2020



Tốc độ tăng trưởng sản lượng xuất khẩu dệt may của Việt Nam và Trung Quốc tại các thị trường năm 2020 so với năm 2019

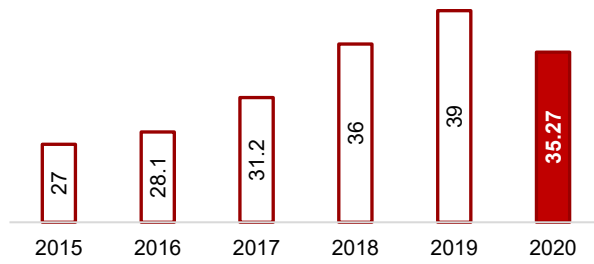


Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất khẩu dệt may của Việt Nam và Trung Quốc tại các thị trường năm 2020 so với năm 2019



Nguồn: OTEXA, EUROPA, JP e-stat

Kim ngạch xuất khẩu dệt may Việt Nam (tỷ USD)



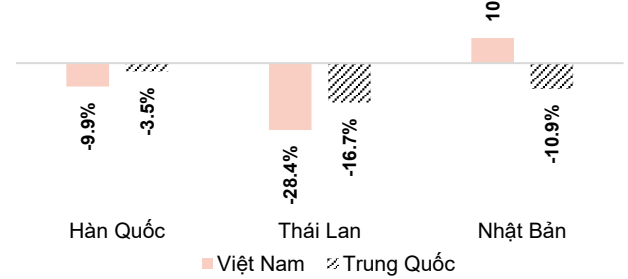
Nguồn: Hiệp hội bông sợi Việt Nam

Kim ngạch xuất khẩu của ngành dệt may Việt Nam ước đạt 35,27 tỷ USD, giảm 9,29% so với năm 2019.

Tốc độ tăng trưởng sản lượng nhập khẩu sợi Polyester Filament của các thị trường năm 2020



Tốc độ tăng trưởng sản lượng nhập khẩu sợi Polyester Filament của Việt Nam và Trung Quốc tại các thị trường năm 2020



Nguồn: Cục Hải quan Thái Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản

❖ **Triển vọng của sợi tái chế**

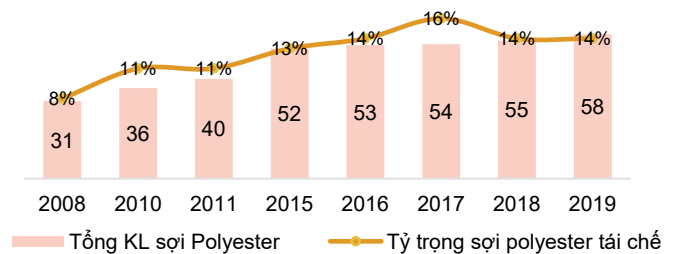
- Khối lượng sợi tái chế trên toàn cầu (nguồn cung)

Tổng khối lượng sợi toàn cầu năm 2019



Tỷ trọng sợi polyester tái chế*

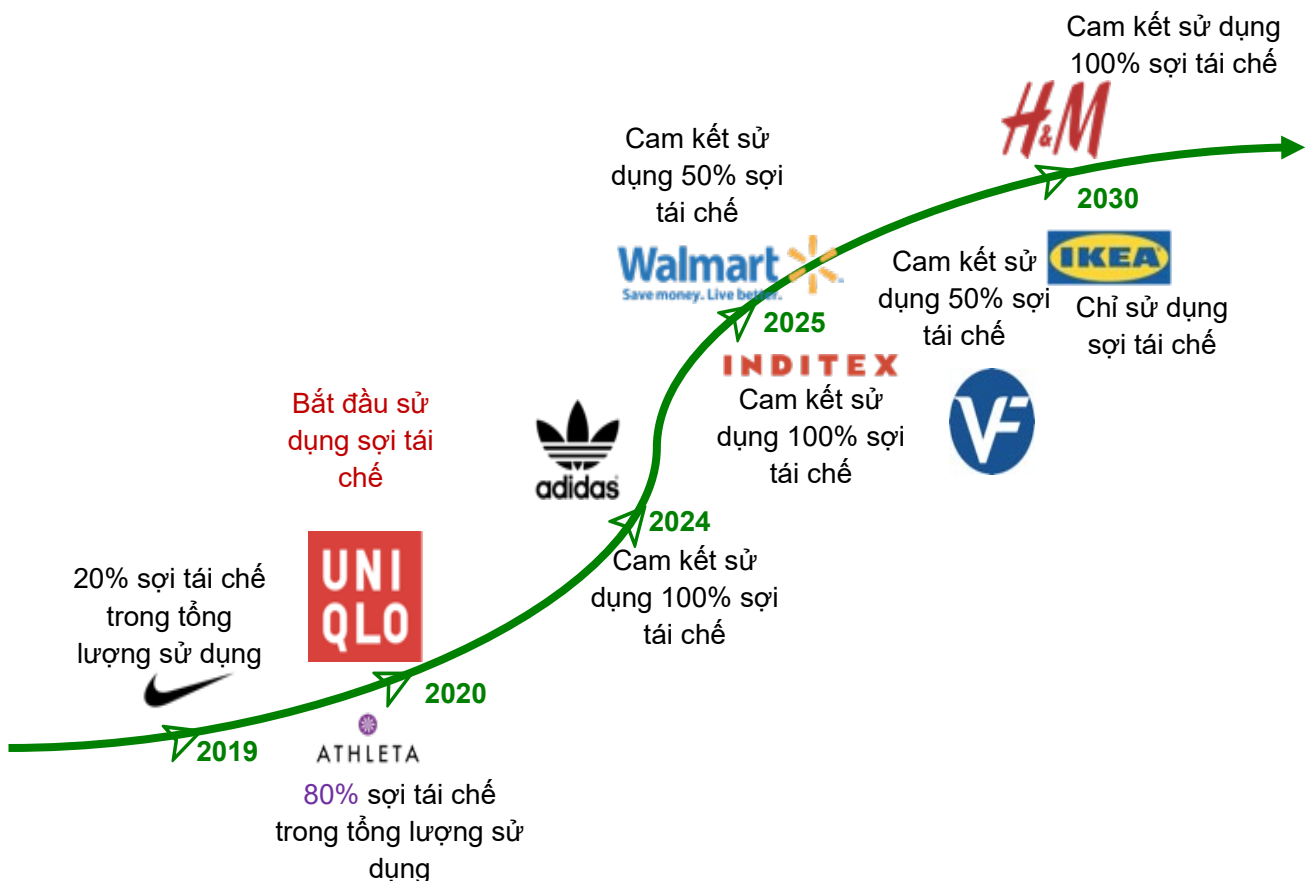
(Triệu tấn)



Nguồn: *Textile Exchange 2020*

* Tỷ trọng này bao gồm sợi tái chế xơ dài và sợi tái chế xơ ngắn, trong đó tỷ trọng sợi tái chế xơ dài là rất ít.

- Nhu cầu về sợi tái chế (nguồn cầu)



Nguồn: *STK tổng hợp*

II.2 Xu hướng ngành dệt may và ngành sợi trong giai đoạn 2021-2022

Với những dự báo kinh tế suy thoái chậm giai đoạn năm 2020-2022, đại dịch Covid-19 xuất hiện và lan rộng khắp toàn cầu càng đẩy nhanh tốc độ suy thoái của nền kinh tế toàn cầu nói chung và ngành dệt may nói riêng. Đại dịch đã tạo nên những cú sốc chưa từng có cho nền kinh tế, từ đó làm thay đổi chuỗi cung ứng ngành và hành vi của người tiêu dùng.

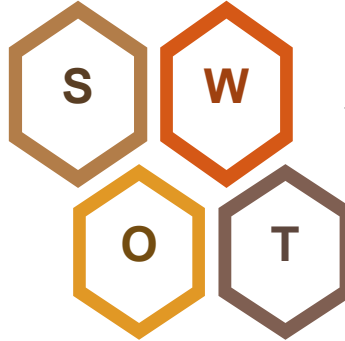
Nhu cầu sụt giảm	Thay đổi chiến lược kinh doanh	Thay đổi hành vi người tiêu dùng
<p>Ngành thời trang toàn cầu đã trải qua 1 năm với nhu cầu sụt giảm do những nguyên nhân như kênh bán hàng truyền thống bị thu hẹp, tỷ lệ thất nghiệp tăng cao, xu hướng làm việc tại nhà, thu nhập khả dụng giảm. Châu Âu được dự đoán là khu vực sụt giảm lớn nhất 22-35%, thứ hai là Mỹ với tỷ lệ 17-32%, Trung Quốc giảm khoảng 7-20%.</p> <p>Với những dự đoán tăng trưởng kinh tế đa phần đều là nền kinh tế sẽ tiếp tục suy thoái và phục hồi chậm, cung-cầu sẽ tiếp tục biến động nhanh và bất ngờ.</p>	<p>Các hãng thời trang hàng đầu đang có 2 xu hướng chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cắt giảm hàng tồn kho để giảm thiểu rủi ro; - Đẩy mạnh bán hàng online; Để đạt được các mục tiêu này, các thương hiệu sẽ cải tổ chuỗi cung ứng theo hướng chú trọng vào tính chất sẵn có nguồn nguyên liệu đầu vào , rút ngắn thời gian sản xuất. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thời trang nhanh (fast fashion) đang sụt giảm mạnh do người tiêu dùng có xu hướng tiết kiệm, mua các mặt hàng thiết yếu và bền và bảo vệ môi trường - Mặt hàng thời trang công sở sẽ phục hồi rất chậm do xu hướng làm việc tại nhà - Trong khi đó các sản phẩm trang phục thể thao, thời trang năng động sẽ phục hồi nhanh hơn do xu hướng người tiêu dùng làm việc tại nhà và chú trọng sức khỏe cũng như việc tăng sử dụng các phương tiện di chuyển cá nhân (xe đạp) thay vì phương tiện công cộng. - Xu hướng sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường như là sản phẩm từ nguyên liệu tái chế, hạn chế việc ô nhiễm nguồn nước-không khí,.. - Ngoài ra, người tiêu dùng cũng chú trọng tới trách nhiệm xã hội của các thương hiệu thời trang (trách nhiệm với người lao động), bảo vệ môi trường (sử dụng năng lượng tái tạo, v.v.)

II.3 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

II.3.1 Phân tích S.W.O.T

Điểm mạnh

- Tập trung kinh doanh ngành nghề cốt lõi;
- Chiến lược kinh doanh đón đầu xu hướng của thị trường;
- Máy móc, công nghệ hiện đại, nguồn nhân lực lâu năm và lành nghề;
- Tình hình tài chính ổn định và minh bạch;
- Thương hiệu vững mạnh được khách hàng đánh giá cao nhờ chất lượng sản phẩm vượt trội và dịch vụ sản phẩm chuyên nghiệp.
- Tình hình quản trị minh bạch, hướng đến các thông lệ quốc tế.



Điểm yếu

- Nguồn nhân lực cấp cao và cấp trung còn thiếu kinh nghiệm quản lý và đào tạo nguồn nhân lực cấp thấp hơn.
- Là doanh nghiệp xuất khẩu nhưng vẫn còn phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu.

Cơ hội

- Sợi Polyester nói chung và sợi Polyester Filament nói riêng vẫn chiếm ưu thế lớn nhất trong cơ cấu của ngành sợi; nhu cầu sợi thân thiện với môi trường vẫn tiếp tục tăng cao;
- Xu hướng dịch chuyển đơn hàng dệt may sang Việt Nam để tận dụng các ưu đãi thuế quan theo Các hiệp định thương mại;
- Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, hoạt động bán hàng ở nội địa sẽ có tiềm năng tăng trưởng cao, bao gồm cả xuất khẩu gián tiếp.
- Phân khúc quần áo thể thao cao cấp được đánh giá sẽ phục hồi mạnh hơn các phân khúc khác và có khả năng tăng trưởng do sự thay đổi hành vi người tiêu dùng.

Thách thức

- Rủi ro nền kinh tế suy thoái và nhu cầu sụt giảm có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Việc giãn cách xã hội do dịch bệnh có thể làm giảm công suất hoạt động của nhà máy, gây tăng chi phí cho Công ty.
- Rủi ro Công ty xuất khẩu có khả năng bị kiện chống bán phá giá ở các thị trường xuất khẩu.

II.3.2 Phân tích Cơ hội và Thách thức trong cho giai đoạn 2020-2021

Từ bối cảnh ngành dệt may trong nước và ngoài nước cùng với những xu hướng mới của ngành, Sợi Thế Kỷ xác định những cơ hội và thách thức trong ngắn hạn, trung-dài hạn như sau:

Cơ hội từ xu hướng chung	Cơ hội cho Sợi Thế Kỷ	Hành động của Sợi Thế Kỷ
Nhu cầu về sợi Polyester nói chung và phân khúc hàng thể thao cao cấp vẫn được đánh giá tăng trưởng mạnh mặc dù dịch Covid-19 có thể kéo dài.	<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng của các thương hiệu thời trang trong việc nhanh chóng chuyển đổi từ kênh bán hàng truyền thống sang bán hàng và phân phối trực tuyến có thể giúp Công ty ổn định doanh số bán hàng. - Người tiêu dùng ưu tiên những hoạt động thể dục thể thao tại nhà hoặc cá nhân như chạy bộ, đạp xe đạp, bơi lội - Nhiều thành phố ở Mỹ thực hiện một số chính sách sử dụng phương tiện 	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng tỷ trọng sợi tái chế trên doanh thu năm 2020 đạt 44% (năm 2019 đạt 35%). Dự kiến tỷ lệ này có thể đạt 50% trong năm 2021. - Phát triển mạng lưới khách hàng cho các thương hiệu giày-quần áo thể thao, nội thất ô tô, y tế... - Hơn 70% doanh thu của Sợi Thế Kỷ đến từ các nhà cung ứng cho khoảng 30 thương hiệu lớn trên

	<p>thân thiện với môi trường như xe đạp, vì vậy nhu cầu về quần áo có độ co giãn cao và chống thấm nước theo đó tăng lên.</p>	<p>toàn cầu (Nike, Adidas, Target, Puma, Uniqlo...).</p>
<p>Việc dịch chuyển các đơn hàng dệt may sang Việt nam để tận dụng các ưu đãi thuế quan theo Các hiệp định thương mại được ký kết sẽ thúc đẩy nhu cầu ở thị trường nội địa</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có mạng lưới bán hàng nội địa, xuất khẩu gián tiếp; mối liên hệ chặt chẽ và gắn kết với các nhà cung ứng cho các thương hiệu lớn trên toàn cầu. - Việc Việt Nam ký kết các hiệp định thương mại như EVFTA, CPTPP, UKVNFTA cũng như có khả năng kiểm soát dịch bệnh tốt cũng tạo điều kiện thuận lợi thu hút nhiều hơn các đơn hàng gia công từ các thương hiệu, từ đó cũng làm nhu cầu trong nước tăng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Năm 2020, tỷ lệ doanh thu trong nước của Sợi Thế Kỳ chiếm khoảng 60% trên tổng doanh thu.
<p>Thách thức từ xu hướng chung</p>	<p>Thách thức đối với Sợi Thế Kỳ</p>	<p>Hành động của Sợi Thế Kỳ</p>
<p>Rủi ro nền kinh tế suy thoái và nhu cầu sụt giảm có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kịch bản nền kinh tế sẽ phục hồi có xác suất không cao. Thay vào đó, khả năng cao hơn là thị trường phục hồi chậm và tiếp tục suy thoái. - Mặc dù phân khúc hàng thể thao cao cấp vẫn có dư địa tăng trưởng hơn so với các mặt hàng khác nhưng vẫn cần thời gian để phục hồi về giai đoạn trước dịch bệnh. - Nhu cầu chung về may mặc sẽ vẫn chịu tác động giảm do những yếu tố như tỷ lệ thất nghiệp tăng, thu nhập giảm. - Các hiện tượng gián đoạn chuỗi cung ứng (nguyên vật liệu, container rỗng, v.v) có thể làm ảnh hưởng tới nguồn cung ứng nguyên vật liệu của doanh nghiệp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đa dạng hóa thị trường và mạng lưới khách hàng; - Phát triển thêm sản phẩm mới, mở rộng phân khúc khách hàng; - Nâng cao hiệu quả hoạt động, nhằm tăng biên lợi nhuận, giảm chi phí sản xuất; - Linh hoạt quản lý chênh lệch giữa giá bán và giá nguyên vật liệu, ổn định lợi nhuận của Công ty; - Có chính sách phúc lợi hỗ trợ người lao động trong trường hợp nghỉ việc tạm thời do giảm công suất nhà máy;
<p>Dịch bệnh vẫn còn nguy cơ tiếp tục lây lan trong cộng đồng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Rủi ro xảy ra khi CBCNV nhiễm bệnh có thể khiến công suất hoạt động nhà máy giảm xuống làm tăng chi phí, giảm giờ làm của người lao động, hạn chế sự ổn định nguồn nhân lực. 	

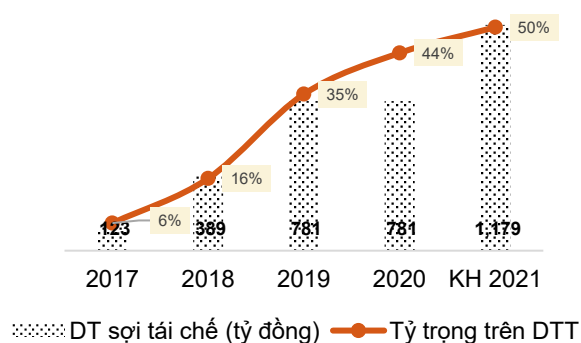
II.3.3 Chiến lược phát triển gắn kết với mục tiêu phát triển bền vững trong ngắn hạn, trung và dài hạn

Mục tiêu cốt lõi	Chiến lược trung-dài hạn
<ul style="list-style-type: none"> - Vươn lên nhóm dẫn đầu thị trường - Cung ứng sản phẩm chất lượng cao với mức giá cạnh tranh - Đạt tốc độ tăng trưởng cao và duy trì tình hình tài chính lành mạnh 	<ul style="list-style-type: none"> - Mở rộng quy mô và thị phần trong nước và trên toàn cầu, gắn kết vào chuỗi cung ứng của các thương hiệu trên toàn cầu. - Nâng cao năng lực cạnh tranh: <ul style="list-style-type: none"> ✓ Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về khả năng công nghệ và quản lý ✓ Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới có chất lượng cao. ✓ Nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng; ✓ Tối đa hóa biên lợi nhuận. - Tối đa hóa giá trị doanh nghiệp và các bên liên quan.

Chiến lược ngắn hạn - Giải pháp chiến lược năm 2021

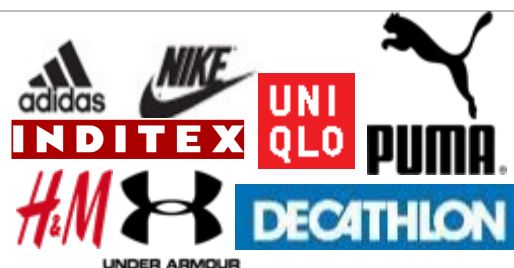
Tập trung phát triển sản phẩm sợi tái chế - sợi đặc biệt thân thiện với môi trường


Nhận thức được vai trò quan trọng của phát triển và mở rộng hoạt động kinh doanh của Công ty không tách rời với nhiệm vụ phát triển theo hướng bền vững trong bối cảnh Trái Đất nóng lên trên toàn cầu, Sợi Thế Kỷ đã và đang không ngừng nghiên cứu và phát triển các sản phẩm có nguồn gốc thân thiện với môi trường và hạn chế gây hại cho môi trường.



Chiếm lĩnh thị phần ở phân khúc cung cấp cho các thương hiệu

- Với xu hướng chuyển dịch các xưởng dệt-may từ các nước khác về Việt Nam để tận dụng lợi thế vùng nguyên liệu, chiến lược Sợi Thế Kỷ sẽ liên tục tập trung mở rộng mạng lưới khách hàng cung cấp trong nước và xuất khẩu cho các thương hiệu, phục vụ sản xuất các mặt hàng dệt-may như quần áo, giày dép, các sản phẩm nội thất trong nhà, y tế, nội thất ô tô.



<p>- Gắn kết thương hiệu STK - nhà cung cấp nguyên liệu chất lượng cao vào các chuỗi cung ứng của các thương hiệu lớn.</p>	
<p>Tiết giảm hao phí trong sản xuất</p> <p>Để gia tăng hiệu quả hoạt động cho toàn Công ty và ổn định doanh thu-lợi nhuận, STK chủ trương trong ngắn hạn sẽ giảm tối đa hao phí trong nhà máy.</p> <ul style="list-style-type: none">- Kiện toàn đội ngũ quản lý sản xuất, nâng cao trình độ của tác nghiệp viên;- Thiết lập và củng cố các quy trình rà soát lỗi trong điều kiện sản xuất, hạn chế tỷ lệ sản phẩm không đạt chất lượng;- Áp dụng nền tảng công nghệ để quản lý và kiểm soát chất lượng sản phẩm;- Thực hành các biện pháp tiết kiệm điện, nước sử dụng trong đó có xây dựng hệ thống năng lượng mặt trời.	
<p>Nâng cao năng lực nghiên cứu phát triển và năng lực quản lý</p> <ul style="list-style-type: none">- Thuê chuyên gia có giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất sợi để đào tạo, chuyển giao kiến thức về công nghệ và quản lý cho cán bộ của STK.	

Chiến lược kinh doanh gắn liền với các yếu tố phát triển bền vững: môi trường, xã hội, cộng đồng

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRUNG - DÀI HẠN 2021-2025	MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGẮN HẠN 2021 -2022
<ul style="list-style-type: none">- Công ty tiếp tục mở rộng quy mô sản xuất với nhà máy mới nhằm đạt lợi thế về qui mô.- Tập trung phát triển các loại sợi có độ nhuyển cao cùng với các loại sợi có tính năng đặc biệt đáp ứng nhu cầu của khách hàng và tối đa hóa lợi nhuận.- Nâng cao tỷ trọng các sản phẩm thân thiện với môi trường trong cơ cấu sản xuất và doanh thu.- Tăng tỷ trọng sợi tái chế theo mục tiêu, từ 44,7% năm 2020 lên 100% vào năm 2025.- Phát triển chuỗi sản xuất theo chiều dọc nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động thông qua dự án liên minh dệt/nhuộm.- Không ngừng cải tiến qui trình quản lý sản xuất, nâng cao trình độ nhân viên và đội ngũ kinh doanh giúp nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành và tăng lợi nhuận.	<ul style="list-style-type: none">- Phát triển quy mô sản xuất với những dự án mới.- Hoàn thiện và đưa vào hoạt động dự án năng lượng mặt trời cho 2 nhà máy ở Trảng Bàng và Củ Chi.- Đẩy mạnh việc quảng bá và bán hàng sản phẩm sợi Recycled và nâng cao chất lượng sản phẩm.- Nâng tỷ trọng sợi recycle mục tiêu năm 2021 đạt 55,1% trên tổng doanh thu của Công ty.- Đẩy mạnh việc nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới có tính năng vượt trội như sợi recycle plus, quick dry (hút ẩm), sợi CD, soft package, hàng AAA.- Phát triển thêm các tính mới của sợi màu dope dyed, sản phẩm thân thiện môi trường.- Triệt để tuân thủ các tiêu chuẩn sản xuất của REACH 168, OEKO-TEX 100, GRS và tiêu chuẩn của các thương hiệu nhằm vệ sức khỏe khách hàng tiêu dùng.- Đa dạng hóa thêm danh mục khách hàng nhằm giảm thiểu rủi ro phải lệ thuộc vào một vài khách hàng.

III. BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH

III.1 Giới thiệu cơ cấu Ban điều hành



Ông Đặng Triệu Hòa

Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1969

Trình độ học vấn: Quản trị kinh doanh

Quá trình làm việc:

02/2020 – nay: Phó chủ tịch HĐQT

06/2000 – 02/2020: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, STK.

1995 - 2000: Giám đốc Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hoàn Á.

1991 - 1995: Giám đốc Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Việt Phú.

Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu STK: 13,78%



Bà Nguyễn Phương Chi

Giám đốc Chiến lược, người phụ trách quản trị Công ty, người được ủy quyền công bố thông tin

Năm sinh: 1972

Trình độ học vấn: Thạc sỹ Tài chính Ứng dụng

Quá trình làm việc:

1/2015-nay: Giám đốc Chiến lược, STK
3/2008-12/2014: Giám đốc Tư vấn Đầu tư, Công ty Cổ phần Quốc tế Trí Tín.

4/2005-2/2008: Giám Đốc Dự án Cao cấp, Openasia Consulting Ltd.

10/2004-2/2005: Chuyên viên Phát triển Doanh nghiệp, Chương trình Phát Triển Dự án Mê Kông (“MPDF”).

10/2002-10/2004: Chuyên viên Tài chính Cao cấp, Pricewaterhouse Coopers (Vietnam) Ltd.

3/1997-3/2000: Trợ lý Luật sư, Công ty Luật Deacons Graham & James, chi nhánh Hà Nội.

Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu STK: 0,01%



Ông Phan Như Bích

Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng

Năm sinh: 1970

Trình độ học vấn: MBA

Quá trình làm việc:

10/2016: Giám đốc tài chính kiêm kế toán trưởng STK

11/2010: Kế toán trưởng, STK.

03/2004 - 03/2010: Kế toán, Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Dệt May – Đầu tư – Thương Mại Thành Công.

1997 - 03/2004: Kế toán tại Điện Lực tỉnh Bình Phước.

Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu STK: 0,14%

Thay đổi nhân sự Ban điều hành trong năm 2020:

Ông Nguyễn Thái Hùng đã thôi giữ vị trí Giám đốc tổng quản lý vào ngày 01/07/2020.

III.2 Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

III.2.1 Đánh giá chung của Ban điều hành

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2020	So sánh với thực hiện năm 2019	So sánh với dự báo năm 2020 ³
Doanh thu thuần	1.766	-20,8%	98,2%
Lợi nhuận trước thuế	164,5	-35,0%	112,6%
Lợi nhuận sau thuế	144,4	-32,7%	110,7%

1. Những điểm tiến bộ đã đạt được

- ✓ Nhờ vào việc chuyển dịch cơ cấu sản phẩm và chiến lược bán hàng linh hoạt ứng phó với những thay đổi bất ngờ từ thị trường, mặc dù kết quả kinh doanh năm 2020 giảm so với năm 2019 nhưng lợi nhuận trước thuế và sau thuế vẫn vượt dự báo kết quả kinh doanh năm 2020. Tỷ trọng sợi tái chế trên doanh thu năm 2020 đạt 44%, vượt kế hoạch đặt ra là 35%.
- ✓ Tình hình tài chính ổn định, tỷ lệ nợ vay/vốn chủ sở hữu khá thấp.
- ✓ Tiếp tục mở rộng mạng lưới khách hàng, bao gồm nội địa, xuất khẩu gián tiếp.
- ✓ Tham gia vào các chuỗi cung ứng dệt may cho các thương hiệu.
- ✓ Giải phóng hàng tồn kho triệt để để giảm chi phí khi tình hình bán hàng bị chậm lại do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

2. Những điểm cần cải thiện

- ✓ Tiếp tục nâng cao chất lượng sản xuất, giảm hao phí trong nhà máy.

III.2.2 Đánh giá hoạt động các phòng ban

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Hoạt động kinh doanh

Thị trường:

- Phát triển thị trường Mỹ: Doanh thu thị trường Mỹ tăng từ 0,8% 2019 lên 2,6% năm 2020
- Khách hàng mới tăng thêm năm 2020: 64 đối tượng.
- Phát triển khách hàng mới cung cấp cho thương hiệu Decathlon, Zara.

Sản phẩm:

- Phát triển sợi tái chế, sợi tái chế màu đen, các loại sợi đặc biệt khác.

Quản lý chất lượng:

Hoạt động sản xuất

- Tiêu chuẩn chất lượng được củng cố và duy trì.
- Sản xuất hàng chất lượng cao AAA đáp ứng đơn hàng sợi cung cấp cho ô tô.
- Tỷ lệ khiếu nại về chất lượng giảm so với năm 2019.
- Tăng cường cán bộ chủ chốt cho bộ phận sản xuất;

³ Dự báo kết quả kinh doanh năm 2020 đã được điều chỉnh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2020 ngày 22/06/2020.

- Chất lượng sản phẩm đạt các chứng chỉ toàn cầu như GRS, Oekotex-100.

Các hoạt động hỗ trợ

Năng lượng:

- Áp dụng các biện pháp nâng cao hiệu suất sản xuất, giảm lượng tiêu thụ điện so với năm 2019 là 6%. Số lần chập điện trong năm giảm 50% so với năm 2019.

Tài chính kế toán:

- Kiểm soát chặt chẽ tính tuân thủ trong vận hành hệ thống và hoàn thiện các quy trình quản trị doanh nghiệp.
- Đổi mới, nâng cao chất lượng thông tin cung cấp thông qua các báo cáo phân tích, báo cáo ngân sách, báo cáo quản trị,...giúp Ban điều hành đưa ra các quyết định nhanh chóng, chính xác kịp thời.

Bộ phận mua hàng

- Mở rộng mạng lưới thêm 50 nhà cung ứng so với năm 2019. Ngoài ra bộ phận mua hàng cũng xây dựng quy chế chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm chi phí của Công ty.

Nhân sự:

- Tỷ lệ biến động sau thử việc đã được cải thiện từ 23% năm 2019 xuống còn 21,6% năm 2019.
- Mức thu nhập trung bình toàn Công ty đã tăng 7% so với cùng kỳ.

Quản lý hành chính

- Kiểm soát rò rỉ nước thải tại Công ty;
- Tăng cường kiểm soát phòng cháy chữa cháy, nâng cao ý thức cho CBCNV;
- Nâng cao bữa ăn hàng ngày cho người lao động;
- Áp dụng mẫu đồng phục mới cho CBCNV;

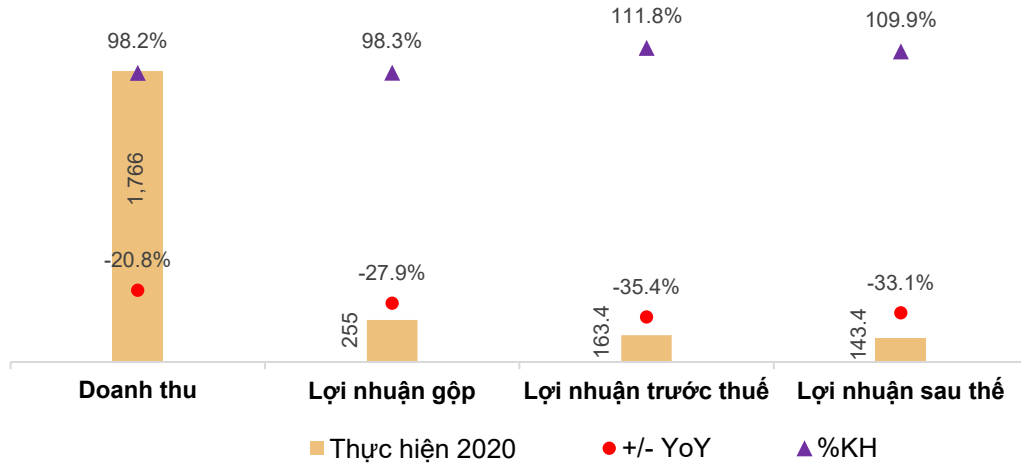
Cung ứng:

- Áp dụng phần mềm hệ thống hóa kho bãi;
- Cải thiện quy trình xuất hàng Công ty;

Công nghệ thông tin:

- Hoàn thiện hệ thống lưu trữ dữ liệu doanh nghiệp;
- Tăng cường bảo mật chống virus xâm nhập;
- Nâng cao ý thức người dùng;

III.2.3 Kết quả kinh doanh năm 2020



So sánh với năm trước liền kề (2019)

Doanh thu thuần năm 2020 giảm 20,8% so với cùng kỳ 2019, nguyên nhân là do:

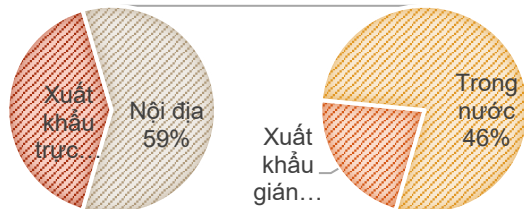
- Sản lượng bán hàng giảm 12,5% trong đó sợi nguyên sinh giảm 18%, sợi tái chế tăng 4%.

- Giá bán trung bình giảm 9,5% trong đó giá bán sợi nguyên sinh giảm 16,8%, sợi tái chế giảm 3,6%;

Do doanh số bán giảm và công ty trích trực tiếp chi phí khấu hao của nhà máy Củ Chi vào chi phí vốn khi nhà máy này tạm thời ngưng hoạt động trong Quý 2- Quý 3 -2020 do ảnh hưởng của dịch Covid nên lợi nhuận gộp giảm 27,9%.

Từ đó lợi nhuận trước thuế và sau thuế giảm lần lượt là 35% và 32,7%.

Doanh thu theo thị trường

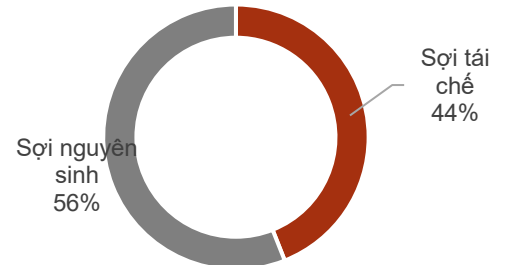


So sánh với kế hoạch năm 2020

Nhìn chung kết quả kinh doanh năm 2020 đạt được dự báo kinh doanh đã được ĐHCĐ thông qua, trong đó doanh thu và lợi nhuận gộp đạt kế hoạch do Công ty đã linh hoạt thay đổi chiến lược bán hàng và đẩy mạnh bán hàng tồn kho trước những ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Chi phí tài chính đạt 81% so với kế hoạch nên lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế đạt lần lượt 112% và 110% so với kế hoạch.

Doanh thu theo cơ cấu sản phẩm



III.2.4 Đánh giá các chỉ tiêu về tình hình tài chính

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2019	2020	%tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	2.071,4	1.703,4	-17,8%
Doanh thu thuần	2.229,0	1.765,7	-20,8%
Lợi nhuận gộp	354,1	255,3	-27,9%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	248,2	164,0	-33,9%

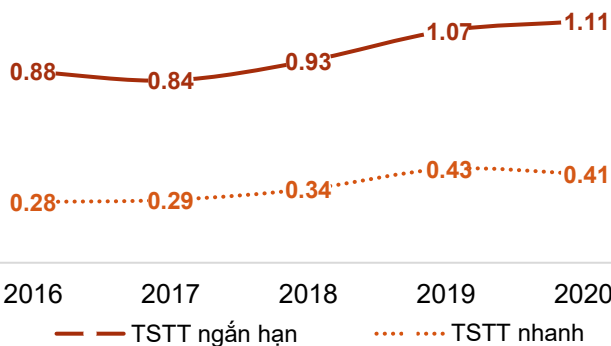
Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2019	2020	%tăng/giảm
Lợi nhuận khác	4,7	0,5	-90,4%
Lợi nhuận trước thuế	252,9	164,5	-35,0%
Lợi nhuận sau thuế	214,4	144,4	-32,7%

- Tổng tài sản năm 2020 giảm 17,8% so với năm 2019 chủ yếu là do hàng tồn kho giảm 23,7%, khấu hao tài sản tăng 13,2%.

III.2.5 Đánh giá các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	2019	2020	So sánh
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,07	1,11	0,04
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,43	0,41	-0,02
Cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ vay/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,62	0,25	-0,37
Hệ số Nợ vay/Tổng tài sản	Lần	0,33	0,16	-0,17
Năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho bình quân	Lần	3,47	3,13	-0,34
Vòng quay tổng tài sản	Lần	1,08	1,04	-0,04
Tỷ suất sinh lời				
Lợi nhuận từ HĐKD trên doanh thu thuần	%	11,13%	9,29%	-1,8%
Lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS)	%	9,62%	8,18%	-1,4%
Lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	10,35%	8,47%	-1,9%
Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	19,80%	13,33%	-6,5%

Chỉ số khả năng thanh toán



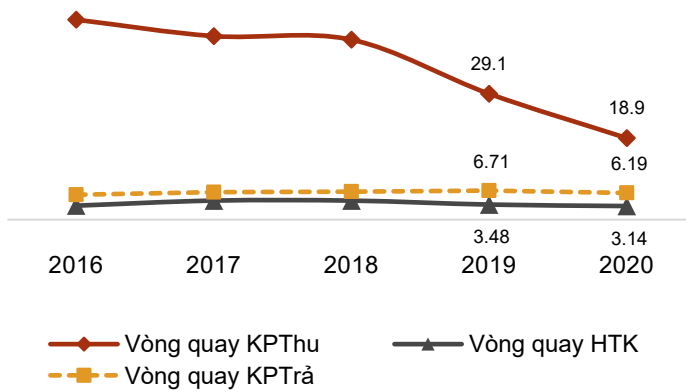
- Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2020 đạt 1,11 lần. Chỉ số này lớn hơn kết quả năm 2019 và lớn hơn 1 chứng tỏ tài sản ngắn hạn đủ để tài trợ cho nợ ngắn hạn.

Cơ cấu vốn



- Trong năm 2020 Công ty đã chủ động giảm nợ vay (ngắn hạn và dài hạn) giúp hạn chế rủi ro và đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh.

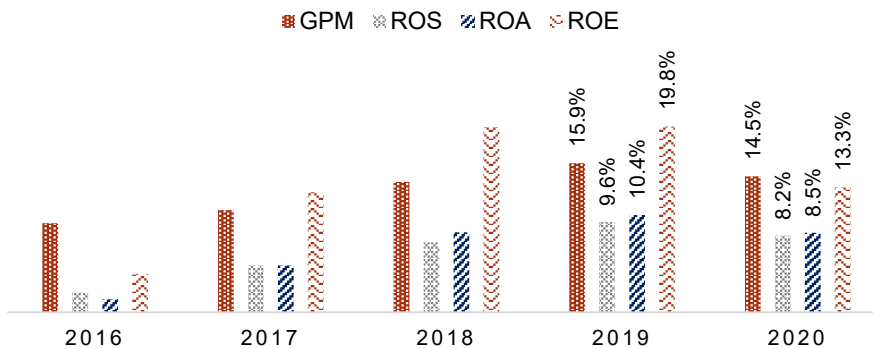
Chỉ số năng lực hoạt động



Các chỉ số năng lực hoạt động của Công ty năm 2020 đều giảm so với năm 2019.

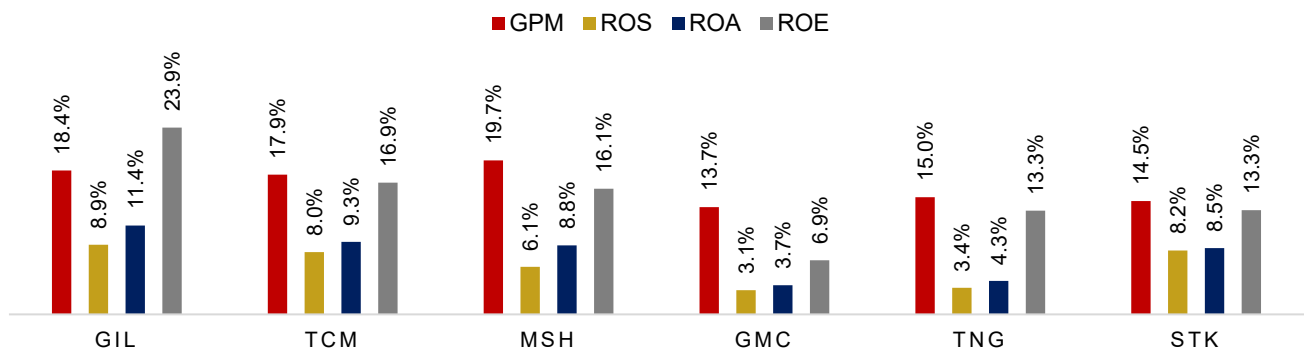
- Vòng quay khoản phải thu của Công ty năm 2020 giảm còn 18,9 lần.
- Vòng quay hàng tồn kho giảm từ 3,48 lần về 3,14 lần.
- Vòng quay khoản phải trả năm 2020 giảm còn 6,19 lần.

Tỷ suất sinh lời



- Do lợi nhuận sau thuế năm 2020 giảm 33% so với năm 2019 nên các chỉ số sinh lời đều giảm.

So sánh tỷ suất sinh lời của STK với các doanh nghiệp niêm yết cùng ngành năm 2020 (%)

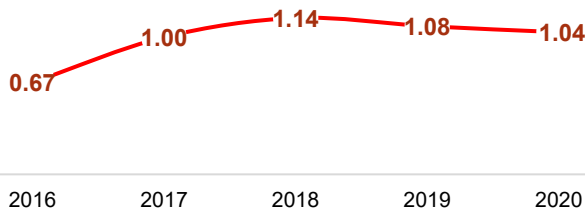


III.2.6 Đánh giá tình hình tài sản

Đơn vị: tỷ đồng	2019	2020	Tỷ trọng năm 2020	2020/2019
TÀI SẢN NGẮN HẠN	879,7	633,4	37,2%	-28.0%
Tiền và các khoản tương đương tiền	150,0	95,1	5,6%	-36.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	80,0	26,0	1,5%	-67.5%
Các khoản phải thu ngắn hạn	98,4	97,7	5,7%	-0.7%
Hàng tồn kho	525,0	400,5	23,5%	-23.7%
Tài sản ngắn hạn khác	26,3	14,0	0,8%	-46.6%
TÀI SẢN DÀI HẠN	1.191,7	1.070,0	62,8%	-10.2%
Tài sản cố định	1.048,1	913,9	53,7%	-12.8%
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1,7	7,6	0,4%	348.6%
Tài sản dài hạn khác	140,6	136,6	8,0%	-2.8%
TỔNG TÀI SẢN	2.071,4	1.703,4	100,0%	-17.8%

Tổng tài sản năm 2020 giảm 17,8% so với cùng kỳ năm 2019, trong đó chủ yếu do hàng tồn kho giảm 23,7% và tài sản cố định giảm 12,8%.

Hiệu suất sử dụng tài sản
(Doanh thu thuần/Tổng tài sản)



Hiệu suất sử dụng tài sản năm 2020 đạt 1,04 lần, chỉ số này lớn hơn 1 chứng tỏ Công ty sử dụng tài sản hiệu quả để tạo ra doanh thu.

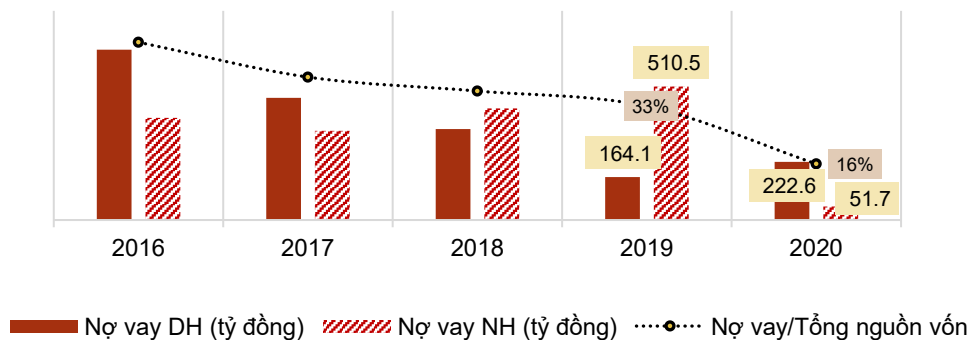
Tuy nhiên do doanh thu giảm so với năm 2019 nên hiệu suất sử dụng tài sản cũng giảm nhẹ.

Tình hình nợ phải thu xấu, tài sản xấu

Tình hình nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong năm: Không có.

III.2.7 Phân tích tình hình nợ vay

Tỷ trọng nợ vay trên tổng nguồn vốn



Năm 2020, tổng nợ vay phải trả của Công ty chiếm 16% trong tổng nguồn vốn, giảm so với mức 33% năm 2019. Công ty chủ động trả các khoản nợ dài hạn để giảm chi phí tài chính, đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh.

Đơn vị: tỷ đồng	2019	2020	2020/2019
Nợ vay ngắn hạn	510,5	222,6	-56%
Nợ vay dài hạn	164,1	51,7	-69%
Tổng nợ vay	674,6	274,2	-59%

III.2.8 Đánh giá ảnh hưởng từ biến động của lãi vay và tỷ giá hối đoái

So sánh chỉ tiêu doanh thu tài chính và chi phí tài chính năm 2020 với cùng kỳ

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2019	2020	2020/2019
Doanh thu tài chính	14,3	11,6	-2,7
▪ Lãi tiền gửi	8,9	4,4	-4,5
▪ Lãi chênh lệch tỷ giá	5,4	7,2	+1,8
Chi phí tài chính	35,2	21,6	-13,6
▪ Lỗ chênh lệch tỷ giá	4,5	5,2	+0,7
▪ Chi phí lãi vay	30,7	16,4	-14,3

Tỷ giá chốt ngày 31/12/2020 là 23.010 đồng, giảm 0,7% so với tỷ giá chốt ngày 31/12/2019.

III.2.9 Phương án phát triển trong tương lai

Ngắn hạn:

Sản phẩm: Tập trung phát triển sợi tái chế và các loại sợi có tính năng đặc biệt, nâng dần tỷ trọng sợi tái chế lên 50% năm 2021.

Thị trường: Phát triển mạng lưới khách hàng nội địa nhất là khách hàng xuất khẩu gián tiếp cho các thương hiệu.

Trung và dài hạn:

Thiết lập những chiến lược sản xuất kinh doanh theo hướng tinh gọn hơn, giảm hao phí nhưng mang lại hiệu quả cao.

Đầu tư phát triển các dự án mở rộng công suất nhằm tăng thị phần, phát triển mạng lưới khách hàng, gắn kết vào chuỗi cung ứng của các thương hiệu.

III.3 Dự báo kết quả kinh doanh năm 2021

STT	Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Thực hiện 2020	Dự báo 2021	Dự báo 2021 so với thực hiện 2020
1	Doanh thu thuần	1.766	2.358	133,5%
2	Lợi nhuận gộp	252,9	416,2	164,5%
3	Lợi nhuận trước thuế	164,5	285,8	113,0%
4	Lợi nhuận sau thuế	144,4	248,2	172,0%

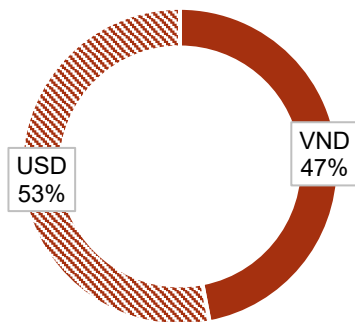
Ước tính kết quả kinh doanh năm 2021 có thể được điều chỉnh theo sự phê duyệt và thông qua của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.

Một số giả định cho dự báo kết quả kinh doanh năm 2021

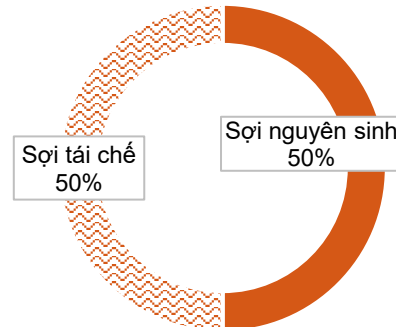
- Tỷ trọng sợi tái chế trên doanh thu dự kiến đạt được khoảng 50% trong năm 2021;

- Đơn giá bán bình quân tăng 11% so với thực hiện năm 2020 (do chủ yếu là do tăng tỷ trọng sợi tái chế trong tổng doanh thu và đơn giá bán bình quân của sợi nguyên sinh và tái chế dự kiến tăng tương ứng 5% và 4% so với năm 2020);
- Đơn giá hạt nhựa bình quân dự kiến sẽ tăng 10% so với thực hiện năm 2020;
- Chi phí bán hàng dự kiến tăng 40% do dự kiến chi phí vận chuyển nước ngoài sẽ tăng và chi phí quản lý tăng 30% so với thực hiện năm 2020;
- Tỷ giá hối đoái tại ngày chốt 31/12/2021 dự kiến tăng 2% so với tỷ giá tại ngày chốt 31/12/2020;
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dự kiến khoảng 13,1%.

**Doanh thu thuần dự kiến năm 2021
theo loại tiền tệ**



**Doanh thu thuần dự kiến năm 2021
theo sản phẩm**



III.4 Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiến kiểm toán

Công ty Kiểm toán E&Y không có ý kiến không chấp thuận đối với báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất và báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2020.

IV. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG – XÃ HỘI




IV.1 Định hướng mục tiêu phát triển bền vững

Từng bước hiện thực hóa mục tiêu tầm nhìn “Trở thành doanh nghiệp toàn cầu đứng hàng đầu tiên phong trong ngành sợi, dệt và phát triển đa ngành nghề có liên quan với ngành cốt lõi.” STK đã và đang từng bước xây dựng mô hình kinh doanh bền vững của mình dựa trên việc tạo ra các giá trị đóng góp và lợi ích tích cực đến nhóm liên quan như Công ty, Xã hội và Môi trường. Thực hiện gắn kết chặt chẽ các mục tiêu phát triển kinh tế, môi trường và xã hội vào định hướng phát triển bền vững tại Công ty và luôn bám sát thực hiện các mục tiêu đã đề ra.



STK đã lựa chọn và tích hợp các mục tiêu toàn cầu về phát triển bền vững (SDGs) trong hoạt động tại Công ty, xây dựng định hướng chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2021-2025 của doanh nghiệp, cụ thể:

	<p>XÓA NGHÈO</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo ra thêm công ăn việc làm - Tăng thu nhập cho người lao động - Đóng góp vào sự phát triển của nền kinh tế địa phương
	<p>SỨC KHỎE VÀ CÓ CUỘC SỐNG TỐT</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng môi trường làm việc an toàn - Đảm bảo an toàn và sức khỏe cho người lao động
	<p>BÌNH ĐẲNG GIỚI</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cam kết chính sách bình đẳng trong việc sử dụng người lao động - Duy trì công bằng và đối xử bình đẳng giữa nam và nữ

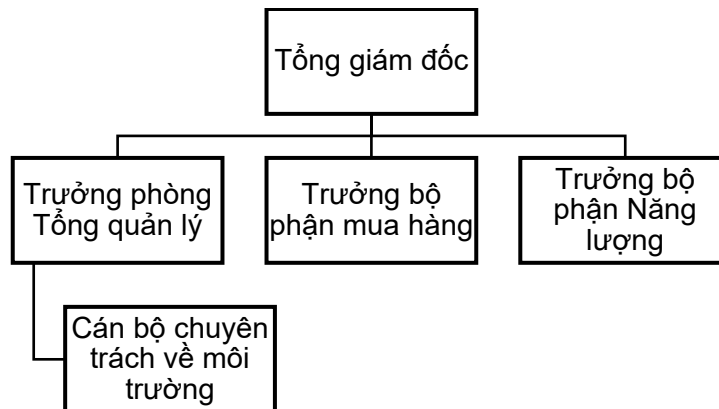
<p>6 NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH</p> 	<p>NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả - Không sử dụng hóa chất độc hại - Tái sử dụng nước tuần hoàn trong sản xuất - Phát triển sản phẩm sợi màu, giúp ngành dệt nhuộm hạn chế sử dụng nước sạch và thải hóa chất độc hại
<p>7 NĂNG LƯỢNG SẠCH VỚI GIÁ THÀNH HỢP LÝ</p> 	<p>NĂNG LƯỢNG SẠCH VỚI GIÁ THÀNH HỢP LÝ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng năng lượng hợp lý - Tiết kiệm năng lượng - Sử dụng năng lượng mặt trời - Sáng kiến tiết kiệm điện
<p>8 CÔNG VIỆC TỐT VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ</p> 	<p>CÔNG VIỆC TỐT VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo môi trường làm việc thân thiện, an toàn cho người lao động, công bằng và không phân biệt đối xử cho người lao động
<p>12 TIÊU THỤ VÀ SẢN XUẤT CÓ TRÁCH NHIỆM</p> 	<p>TIÊU THỤ VÀ SẢN XUẤT CÓ TRÁCH NHIỆM</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu, - Tăng cường sử dụng nguyên liệu tái chế - Tái sử dụng, tái chế nguyên vật liệu
<p>13 HÀNH ĐỘNG VỀ KHÍ HẬU</p> 	<p>HÀNH ĐỘNG VỀ KHÍ HẬU</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hạn chế phát thải - Sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo
<p>16 HÒA BÌNH, CÔNG LÝ VÀ CÁC THỂ CHẾ MẠNH MẼ</p> 	<p>HÒA BÌNH, CÔNG LÝ VÀ CÁC THỂ CHẾ MẠNH MẼ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động minh bạch, chính trực, nói không với tham nhũng, trốn thuế và vi phạm pháp luật
<p>17 QUAN HỆ ĐỐI TÁC VÌ CÁC MỤC TIÊU</p> 	<p>QUAN HỆ ĐỐI TÁC VÌ CÁC MỤC TIÊU</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp tác với các đối tác chiến lược để thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế tuần hoàn

IV.2 Đánh giá của Ban điều hành về các vấn đề môi trường-lao động-xã hội

Môi trường	Lao động	Cộng đồng địa phương
<ul style="list-style-type: none"> - Tăng tỷ trọng sợi tái chế từ 35% (2019) lên 44% (2020) 		<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động kinh doanh tăng trưởng ổn định nên

- đã gián tiếp góp phần tăng lượng chai nhựa được tái chế lên 2,06 tỷ chai nhựa đã qua sử dụng.
- Số lượng ống giấy POY đã sử dụng là 855.981 ống và trung bình 1 ống giấy POY có thể tái sử dụng lại 3,7 lần;
- Tổng lượng điện sử dụng giảm 16% so với cùng kỳ; mức carbon footprint đối với điện năng giảm 16%.
- Tổng lượng nước sử dụng giảm 10% so với cùng kỳ.
- Không xảy ra trường hợp vi phạm về môi trường
- Thu nhập của người lao động năm 2020 tăng bình quân 5% so với 2019.
- Gia tăng quỹ thưởng tháng 13 và thưởng theo kết quả sản xuất kết doanh.
- Nâng cao trình độ cho người lao động thông qua các khoá đào tạo từ các chuyên gia nước ngoài-trong nước, có lộ trình nâng bậc tay nghề cho người lao động.
- Cải thiện cơ chế khiếu nại và lấy ý kiến của người lao động.
- Không xảy ra trường hợp tai nạn lao động.
- Tổng giá trị đóng góp ngân sách năm 2020 đạt 68,5 tỷ đồng.
- Tuân thủ quy định của khu công nghiệp, pháp luật về thuế, các quy định về hoạt động xuất nhập khẩu, quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán...
- Gián tiếp tạo ra nhiều công ăn việc làm cho người lao động ở địa phương.

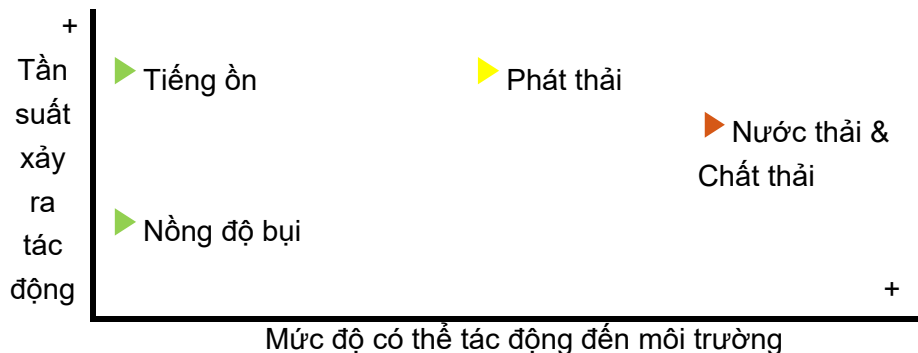
IV.3 Trách nhiệm đảm bảo thực hiện các chính sách về môi trường



IV.4 Báo cáo tác động đến môi trường

CHÍNH SÁCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA STK

Các vấn đề và hậu quả tác động đến môi trường



Vấn đề	Tần suất xảy ra	Mức độ có thể tác động	Hậu quả có thể tác động môi trường (*)	Biện pháp quản lý chung	Biện pháp quản lý cụ thể	Kết quả đo lường
Nồng độ bụi	1 điểm	1 điểm	Thấp (1 điểm)	Thành lập chỉ tiêu – định mức cho từng đơn vị liên quan; có trách nhiệm báo cáo hàng tuần, tháng, quý, bán niên và năm cho Tổng giám đốc điều hành (người chịu trách nhiệm cao nhất trong việc thực hiện các chính sách về môi trường).	Quy trình đo kiểm chất lượng không khí định kỳ	Giá trị nồng độ tối đa cho phép bụi không chứa silic
Tiếng ồn	3 điểm	1 điểm	Trung bình (3 điểm)		Quy trình đo kiểm chất lượng không khí định kỳ, trang bị nút chống ồn, đóng kín cửa ra vào nhà máy; khám sức khỏe cho người lao động	Không xảy ra bệnh do tiếng ồn gây ra; Tiếng ồn vẫn có do đặc thù ngành nghề
Phát thải	3 điểm	2 điểm	Trung bình (6 điểm)		Tiết giảm sử dụng dầu DO, có biện pháp tiết kiệm lượng điện tiêu thụ	Lượng carbon footprint trên điện giảm 6%; trên dầu Diesel giảm 1%.
Nước thải & Chất thải	2 điểm	3 điểm	Trung bình (6 điểm)		Kiểm tra hàng ngày hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt; phân loại và thu gom chất thải theo quy định	Không xảy ra vi phạm

(*) Chú thích

Hậu quả < 3	3 ≤ Hậu quả ≤ 6	Hậu quả > 6
Thấp	Trung bình	Cao

IV.4.1 Vật liệu sử dụng

Phân loại vật liệu	Chủng loại Nguyên vật liệu	Nguồn gốc	2018 (tấn)	2019 (tấn)	2020 (tấn)	2020/2019
Vật liệu không thể tái tạo	Polyester Chip	Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật...	54.393	49.558	41.645	-16%
	Dầu	Đài Loan, Nhật, Đức	1.026	904	760,6	-16%
Vật liệu có thể tái tạo	Ống giấy (tấn)	Việt Nam, Đài Loan	4.457	3.224	2.241,89	-30%
	Thùng Carton	Việt Nam	2.054	1.705	2.342	+37%

Sáng kiến bảo vệ môi trường năm 2020	Kết quả đạt được
- Gia tăng sản lượng hạt nhựa tái chế đã góp phần giảm lượng hạt nhựa nguyên sinh sử dụng, đồng thời giảm thiểu rác thải (chai nhựa qua sử dụng) cho Trái Đất.	- Số chai nhựa đã qua sử dụng đã gián tiếp tái chế là 2,06 tỷ chai tính đến hết năm 2020.
- Tái chế sợi phế thải thành hạt nhựa được tái sử dụng trong quá trình sản xuất.	- Tỷ lệ tái sử dụng là 2,55%.
- Thu hồi và tái sử dụng ống giấy POY	- Số lần tái sử dụng ống giấy: 3,7 lần, nâng tỷ lệ tái sử dụng toàn Công ty cho tất cả các loại ống giấy (bao gồm POY, DTY và FDY) là 21%.

Tỷ lệ phần trăm của vật liệu tái chế từ quá trình sản xuất được sử dụng

$$= \frac{\text{Số lượng chip được tái chế từ sợi phế (kg)}}{\text{Tổng số lượng chip đầu vào sử dụng (kg)}} \times 100 = 2,55\%$$

Trong năm 2020, số lượng ống giấy POY sử dụng là 855.981 ống và trung bình 1 ống giấy POY có thể tái sử dụng lại 3,7 lần; nâng tỷ lệ tái sử dụng toàn Công ty cho tất cả các loại ống giấy (bao gồm POY, DTY và FDY) là 21%.

$$\begin{aligned} \text{Tỷ lệ thu hồi và tái sử dụng vật liệu ống giấy} &= \frac{\text{Số lượng vật liệu tái sử dụng}}{\text{Tổng số lượng vật liệu được sử dụng trong năm}} \\ &= \frac{\text{Số lượng ống giấy POY} \times \text{số lần tái sử dụng}}{\text{Số lượng ống giấy POY} \times (\text{số lần tái sử dụng}) + \text{số ống giấy DTY} + \text{số ống giấy FDY}} \\ &= \frac{855.981 \times 3,7}{855.981 \times 3,7 + 12.090.197} = 21\% \end{aligned}$$

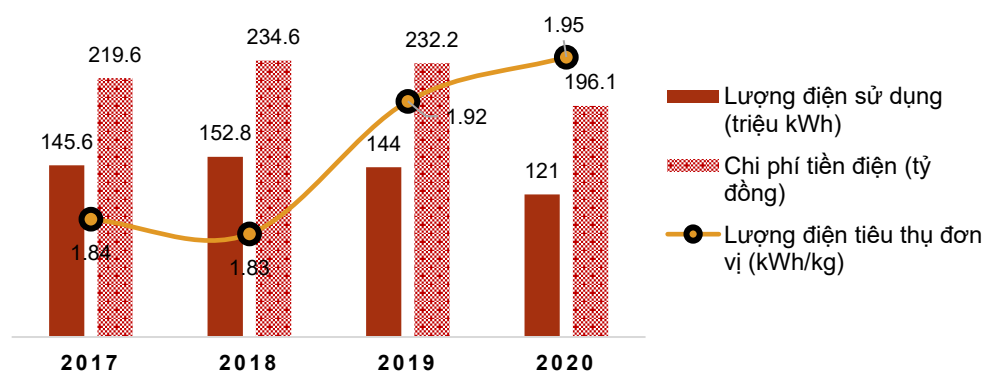
IV.4.2 Năng lượng tiêu thụ

Công ty chỉ sử dụng nguồn nhiên liệu điện năng và dầu DO trong các hoạt động sản xuất của mình. Trong đó:

- (1) Nguồn năng lượng không tái tạo: dầu DO. Khối lượng dầu do sử dụng trong năm 2020: 5 tấn.
- (2) Nguồn năng lượng tái tạo: điện.

(1) + (2) Tổng năng lượng đã tiêu thụ (đơn vị Jun): 435 triệu MJ

Tình hình tiêu thụ điện năm 2020

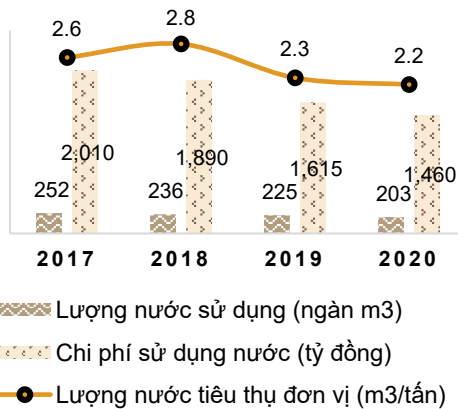


Lượng điện sử dụng năm 2020 giảm 16% và chi phí điện giảm 16%. Tuy nhiên lượng điện tiêu hao trên 1 đơn vị sản phẩm năm 2020 tăng nhẹ so với năm 2019 do Công ty chủ động chuyển đổi sản xuất các loại sợi có giá trị gia tăng cao như sợi recycle và sợi màu

Giải pháp	Tình trạng thực hiện
- Gắn biến tần cho quạt thổi AC 1, 2, 3, tại nhà máy Củ Chi.	- Tiết kiệm được 38.016 kwh/năm tương đương 62.840.000 VND.
- Gắn biến tần motor hút dầu thải cho 16 máy DTY tại nhà máy Củ Chi.	- Tiết kiệm được là 2.211 Kwh/năm tương đương 3.600.000 đồng/năm.
- Gắn inverter bơm nước lạnh, bơm giải nhiệt máy lạnh DTY, POY nhà máy TB3.	- Tiết kiệm 1.074.240 kw/năm. - Tiết kiệm 1,8 tỷ VND/năm.

IV.4.3 Nước tiêu thụ

Nguồn nước được sử dụng tại Công ty được cung cấp và đảm bảo chất lượng bởi Ban Quản Lý Khu Công Nghiệp (KCN).



- Trong năm 2020, mức tiêu hao nước sử dụng giảm 10% so với năm 2019.
- Lượng nước sử dụng đã giảm 22.349 m³ so với năm 2019, tiết kiệm được 197,6 triệu
- Lượng nước tiêu hao trên 1 kg sợi cũng giảm 4% so với năm 2019 thông qua nỗ lực liên tục thực hiện và cải tiến các kế hoạch tiết kiệm nước sử dụng trong hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty.

Các biện pháp tái sử dụng và tiết kiệm nước đã thực hiện năm 2019

STT	Giải pháp	Hiệu quả
1	Tại nhà máy Củ Chi: Duy trì tái sử dụng nước ngưng tụ AC 1, 2, 4, 5.	Đánh giá kết quả thực hiện tiết kiệm tiết kiệm được 1.619 m ³ nước tương đương 15.710.000 VND/năm.
2	Tại nhà máy Trảng Bàng: Duy trì tái sử dụng nước ngưng tụ AC 4,5	Đánh giá kết quả thực hiện tiết kiệm được 2.372,5 m ³ /năm tương đương 16.607.500VND/năm

Tỷ lệ phần trăm của nước tuần hoàn và tái sử dụng

$$= \frac{\text{Khối lượng nước tuần hoàn và tái sử dụng}}{\text{Tổng khối lượng nước đầu vào}} \times 100 = \frac{3.992}{202.607} \times 100 = 1,2\%$$

IV.4.4 Phát thải

- Trên thực tế, Công ty không có phát sinh khí thải do không sử dụng lò hơi hay than đá trong hoạt động sản xuất.

- Định kỳ 3 tháng/lần, Công ty thực hiện đo kiểm khí thải tại khu vực ngoài trời và các khu vực sản xuất để có biện pháp khắc phục ngay khi có ô nhiễm về khí thải.
- Ngoài ra, còn thực hiện báo cáo giám sát môi trường cho cơ quan chức năng về khí thải 6 tháng/lần theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Một số biện pháp Công ty đã và đang tiếp tục thực hiện để giảm thiểu ô nhiễm về khí thải:
 - ❖ Kiểm soát các loại xe hoạt động trong Công ty như xe container, xe tải, xe nâng, xe con của Công ty trong việc phát thải khói bụi. Có biện pháp cho ngưng hoạt động các loại xe trên nếu gây ra phát thải nhiều.
 - ❖ Tiết giảm sử dụng xăng, dầu DO bằng cách sử dụng các loại xe điện.
 - ❖ Bảo trì thường xuyên đối với những xe cộ, máy móc, thiết bị sử dụng xăng, dầu DO để giảm thiểu ô nhiễm về khí thải.
- Trong 2020, hệ số carbon footprint của Công ty giảm so với năm 2019.
- Hệ số carbon footprint về điện năng trên từng kg sợi có tăng so với năm 2019 (DTY tăng 2%, FDY 56%), chủ yếu do trong kỳ cả 2 nhà máy đều hoạt động không hết công suất trong khi vẫn tiêu hao điện của máy móc phụ trợ.
- Chỉ số carbon footprint cho dầu Diesel dùng cho xe nâng đã giảm 100% so với năm 2019, do Công ty thay thế các xe nâng chạy dầu bằng xe nâng sử dụng điện để tăng cao hiệu suất nâng hàng và tính cơ động trong vận hành, giảm thiểu tác động tới môi trường.
- Trong năm 2020, tổng lượng phát thải nhà kính gián tiếp 120.974 MWh/năm. Số lượng phát thải nhà kính trực tiếp: 0.

IV.4.5 Nước thải và Chất thải

Nước thải

Sợi Thế Kỷ xác định nguồn nước thải của Công ty xuất phát từ 2 nguồn: nước thải sinh hoạt từ nhân viên và nước thải sản xuất (nước thải từ phòng nhuộm, kiểm phẩm)

Đối với việc quản lý nguồn nước thải, Công ty đưa ra những phương pháp sau:

- Xử lý nguồn nước thải theo qui định của pháp luật hiện hành.
- Hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải riêng biệt và được phép đấu nối đầu ra với hệ thống thoát nước mưa, nước thải của KCN.
- Thường xuyên quan trắc các thông số chất lượng nước thải, đảm bảo xử lý chỉ tiêu chất lượng nước thải đạt tiêu chuẩn GRS.
- Thực hiện báo cáo giám sát môi trường cho cơ quan chức năng về nước thải 6 tháng/lần theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Đo lượng nước thải ra hàng ngày, có ghi chép lưu hồ sơ báo cáo đầy đủ.
- Thực hiện kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đầy đủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chất thải

Công ty nhận diện 2 nguồn chất thải là chất thải nguy hại và chất thải thông thường. Công ty đã và đang áp dụng các biện pháp để xử lý các nguồn chất thải:

- **Đối với chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp không nguy hại:**
 1. Thu gom về kho chứa theo đúng quy trình phân loại và quản lý rác thải;
 2. Chuyển cho các đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý.
- **Đối với chất thải nguy hại:**
 1. Cảnh báo và dán nhãn chất thải nguy hại;
 2. Thiết lập nơi tập trung chất thải nguy hại riêng biệt;
 3. Chuyển cho các đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý.

Bảng 1: Tổng hợp chất thải nguy hại và phương pháp xử lý

Tên chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu)	552	Thiêu đốt	Cty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị TPHCM
Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại (bình mực máy in, máy fax)	3	Thiêu đốt	Cty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị TPHCM
Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải (dầu thải)	15	Thiêu đốt	Cty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị TPHCM
Bóng đèn huỳnh quang thải	40	PH-HR-C	Cty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị TPHCM
Bao bì cứng thải bằng kim loại (phuy sắt)		Tái chế	Cty TNHH Sản xuất Cơ khí và dịch vụ Đại Phúc
Bao bì cứng thải bằng thải bằng nhựa (phuy nhựa)	13.042	Tái chế	Cty TNHH Sản xuất Cơ khí và dịch vụ Đại Phúc
Tổng số lượng	13.652		

IV.4.6 Tuân thủ về môi trường

- Tham chiếu kết quả trong các báo cáo quan trắc môi trường định kỳ hàng quý (4 lần/ năm) và báo cáo đo kiểm môi trường định kỳ, các chỉ số về môi trường vẫn nằm trong giới hạn quy định.
- Ban QLKC và cảnh sát môi trường địa phương không ghi nhận trường hợp vi phạm quy định về môi trường.
- Trường hợp vi phạm pháp luật và các quy định về môi trường: 0 có trường hợp.

IV.5 Báo cáo tác động đến lao động xã hội

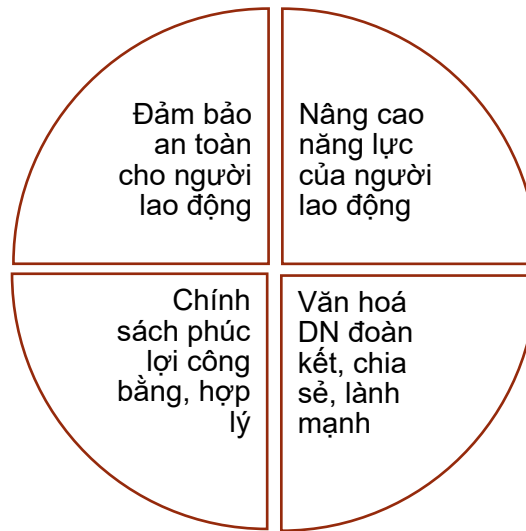
Số lượng lao động tính đến 31/12/2020: **1.031** người.

IV.5.1 Cơ cấu nhân sự

Theo giới tính	Số lượng 2020
Nam	820
Nữ	211
Theo độ tuổi	
18-30 tuổi	537
30-50 tuổi	473
50 tuổi trở lên	21
Theo trình độ	

Cấp 2,3	449
Tốt nghiệp THPT	253
Trung cấp/ Cao Đẳng	261
Đại học trở lên	68
Theo vị trí công việc	
Quản lý	58
Nhân viên văn phòng	162
Công nhân	811
Tổng cộng lao động toàn Công ty	1.031

IV.5.2 Chính sách lao động năm 2020



Đảm bảo an toàn cho người lao động

- Đảm bảo an toàn sức khoẻ; môi trường làm việc an toàn cho người lao động.
- Thực hiện thăm khám sức khoẻ và bệnh nghề nghiệp định kỳ cho người lao động, có cơ sở y tế đạt chuẩn.
- Cải thiện bữa ăn cho nhân viên Công ty
- Bảo đảm an ninh tại nhà trọ của người lao động.
- Lên kế hoạch định kỳ về kiểm soát trang thiết bị, máy móc, hệ thống phòng chống

Nâng cao năng lực của người lao động.

- Đào tạo tay nghề, nâng bậc tay nghề cho khối sản xuất trực tiếp.
- Xây dựng mục tiêu chung và mục tiêu riêng cho từng nhân viên, tạo động lực để người lao động có cơ hội thăng tiến, thử thách ở những vị trí cao hơn.

Chính sách phúc lợi công bằng, hợp lý.

- Thu nhập của CBCNV đều được dựa trên kết quả thực hiện của mỗi thành viên, bao gồm thu nhập cơ bản, phụ cấp, thưởng theo hoàn thành nhiệm vụ, thưởng lương tháng 13... và có lộ trình tăng thu nhập theo vị trí.

Văn hoá doanh nghiệp đoàn kết, chia sẻ, lành mạnh.

- Chăm lo đời sống tinh thần của CBCNV thông qua các hoạt động gắn kết tập thể định kỳ như tặng quà Tết, tặng quà sinh nhật, thưởng ngày lễ trong năm...
- Khuyến khích tinh thần chia sẻ những CBCNV gặp khó khăn, bệnh nặng, nhân rộng văn hoá đồng cảm chia sẻ trong doanh nghiệp.
- Nói không với nạn tham nhũng, hối lộ, có biện pháp ngăn chặn

cháy nổ, kiểm tra cơ sở hạ tầng, mạng lưới điện trong Công ty.

- Chính sách thường được thực hiện theo quy trình, áp dụng công khai, đảm bảo bình đẳng trong tập thể.

và xử lý kỷ luật những hành vi vi phạm, đảm bảo môi trường làm việc kỷ luật, lành mạnh.
- Tổ chức du lịch tăng tính đoàn kết trong tập thể.

Những thay đổi chính sách lao động trong năm 2020

Cải tiến quy trình khiếu nại của người lao động

Gia tăng quỹ thưởng theo kết quả kinh doanh cho CBCNV

Thay đổi chính sách tuyển dụng để phù hợp với nhu cầu của từng bộ phận

IV.5.3 Phúc lợi cho người lao động

❖ Lương cơ bản

Công ty cam kết luôn căn cứ theo mức lương tối thiểu vùng theo từng năm để xây dựng, điều chỉnh hệ thống thang lương bảng lương phù hợp theo quy định của Nhà nước. Mức lương làm cơ sở tham gia bảo hiểm cho người lao động được căn cứ theo thang bảng lương của Công ty. Đồng thời, người lao động hàng năm luôn được thay đổi lương cơ bản kịp thời theo quy định của nhà nước.

❖ Lương thực nhận

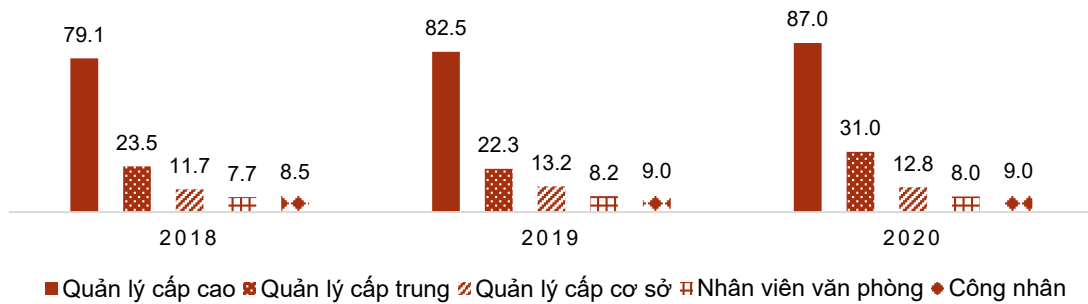
Khối văn phòng

Tùy thuộc vào tính chất của từng vị trí công việc, Công ty sẽ xây dựng mức lương theo từng bậc tương ứng từng vị trí công việc.

Khối sản xuất

Hưởng lương theo sản phẩm và theo hiệu suất làm việc. Đơn giá lương sản phẩm sẽ được điều chỉnh tùy thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại từng thời điểm.

Thu nhập bình quân của người lao động tại STK
(triệu đồng/người/tháng)



Trong năm 2019 thu nhập bình quân của người lao động tăng 5% so với năm 2019, tình hình mức thu nhập bình quân của khối quản lý cấp cao và cấp trung tại doanh nghiệp trong 2020 có sự tăng trưởng bình quân 22,5% so với năm 2019.

❖ Tiền thưởng

Tiền thưởng cho người lao động được căn cứ theo quy chế trả lương thưởng của Công ty, được tính vào thu nhập hàng tháng nếu các cá nhân đạt được các tiêu chí thưởng theo quy chế, có các loại tiền thưởng như sau:

- Thưởng tác nghiệp viên
- Thưởng chấp hành nội quy
- Thưởng hoàn thành nhiệm vụ
- Thưởng bậc tay nghề
- Thưởng theo doanh số bán hàng
- Thưởng hiệu quả mua hàng
- Thưởng cho vị trí bốc xếp/ phụ kho/ xe nâng
- Thưởng các ngày Lễ

Ngoài tiền thưởng hàng tháng như trên, cuối năm Công ty sẽ trích thưởng cho CBCNV:

- Thưởng Tết
- Thưởng đột xuất theo hiệu quả hoạt động và kết quả doanh thu của Công ty, trong năm,

❖ Chế độ bảo hiểm

Việc trích nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp thực hiện theo quy định của Nhà nước, tỷ lệ tham gia bảo hiểm của CBCNV Công ty là **100%**. Ngoài ra, Công ty thực hiện mua Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn bộ người lao động của Công ty.

❖ Phúc lợi

Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm chăm sóc đến đời sống của CBCNV làm việc tại Công ty thông qua các chính sách hỗ trợ như sau:

- Nhà trọ cho CB-CNV
- Bữa ăn phụ giữa ca làm việc

- Bồi dưỡng bằng hiện vật đối với các vị trí công việc có điều kiện làm việc nặng nhọc, độc hại
 - Ngày nghỉ định kỳ hằng năm
 - Khám sức khỏe định kỳ
 - Phụ cấp điện thoại;
 - Hỗ trợ lao động nữ có con nhỏ: làm việc 7 giờ/ngày đối với lao động nữ có con nhỏ dưới 1 tuổi; hỗ trợ sữa cho nữ lao động có con nhỏ dưới 3 tuổi;
 - Tạo cơ hội cho người lao động tham gia chương trình phát hành cổ phiếu cho CBCNV với giá ưu đãi;
- ❖ Bảo đảm an toàn và sức khỏe cho người lao động
- Tuân thủ và đáp ứng các yêu cầu pháp luật Nhà nước liên quan sức khỏe, an toàn lao động cho toàn thể người lao động, các nhà cung ứng và các bên liên quan trong suốt quá trình hoạt động của Công ty;
 - Nhận diện, đánh giá và có biện pháp phòng tránh, kiểm soát các rủi ro như dịch bệnh, cháy nổ, tai nạn...và thành lập quy trình lao động và đưa vào nội dung đào tạo cho người lao động trước khi làm việc;
 - Trang bị đồng phục bảo hộ lao động;
 - Đảm bảo cung cấp các phương tiện hỗ trợ y tế cần thiết cho tất cả người lao động;
 - Cung cấp đầy đủ thiết bị, phương tiện đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ;
 - Đảm bảo người lao động được đào tạo, huấn luyện đầy đủ trước khi làm việc, thường xuyên huấn luyện về sức khỏe, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, quản lý chất thải, vận chuyển và xử lý hóa chất và các nguyên vật liệu nguy hiểm cho người lao động và các cấp quản lý theo quy định pháp luật hiện hành;
 - Định kỳ 6 tháng một lần, Tổng giám đốc sẽ xem xét đánh giá điều chỉnh, bổ sung những bất cập của chính sách cho phù hợp với Luật định,
 - Tham vấn các chính sách liên quan để các bên có thể kịp thời đóng góp và nâng cao tính hiệu quả áp dụng của các chính sách trong hoạt động sản xuất của Công ty;
 - Đo kiểm môi trường lao động theo quy định của Bộ Y tế;

Trong 2020, nhằm đảm bảo sức khỏe người lao động làm việc trong Công ty và ngăn ngừa lây nhiễm dịch bệnh Covid -19 trong cộng đồng, Công ty đã áp dụng những biện pháp nghiêm ngặt tại nhà máy để đảm bảo an toàn cho toàn thể CBCNV:

- Yêu cầu 100% người lao động luôn đeo khẩu trang và sử dụng nước rửa tay sát khuẩn;
- Kiểm tra thân nhiệt 3 lần ngày cho toàn thể CBCNV khi vào công ty làm việc;
- Khai báo y tế và dùng ứng dụng Blue zone để kịp thời phát hiện nguy cơ truyền nhiễm;
- Giãn cách không gian và ngăn chỗ ngồi tại nhà ăn Công ty;
- Luôn phiên thời gian nghỉ trưa và ăn cơm cho toàn thể CBCNV, hạn chế tụ tập;
- Nghỉ luân phiên để giảm nguy cơ tiếp xúc và truyền nhiễm;

- Làm vách ngăn chỗ ngồi tại khu vực làm việc;
- Phung khử trùng và sát khuẩn thường xuyên tại Công ty;
- Thực hiện họp trực tuyến để giảm nguy cơ từ họp trực tiếp đông người;

Trong năm 2020, không xảy ra trường hợp tai nạn lao động.

IV.5.4 Tỷ lệ biến động nhân sự

Nhờ vào các chính sách lao động hợp lý và sự quan tâm của ban lãnh đạo Công ty, tỷ lệ biến động nhân sự trong năm 2020 là 28%. Ngoài ra, các chính sách về lương thưởng, phúc lợi cũng được cải thiện so với năm trước, góp phần khích lệ, nâng cao đời sống của người lao động, tạo cơ hội cho người lao động làm việc cũng như gắn kết được lợi ích của doanh nghiệp với người lao động.

IV.5.5 Giáo dục và đào tạo

	2018	2019	2020
Số lượng khóa đào tạo	20	22	21
✓ Đào tạo nội bộ	13	15	12
✓ Thuê ngoài	7	7	9
Chi phí đào tạo sử dụng thực tế (triệu đồng)	51,3	43,4	17,5
Chi phí đào tạo sử dụng thực tế (triệu đồng) (tính thêm lương cho nhân viên đào tạo)		973,4	1.100
Số giờ đào tạo trung bình (giờ/người/năm)	222,34	130,83	138,4

Số giờ đào tạo trung bình theo cấp bậc (giờ/người/năm)

Cấp bậc	Số giờ trung bình
Quản lý	3
Nhân viên văn phòng	10
Công nhân	160

Các chương trình nâng cao kỹ năng cho người lao động

Tên khóa đào tạo	Đơn vị được đào tạo
Chính sách xã hội	CBCNV
Huấn luyện PCCC	CBCNV
Huấn luyện Sơ cấp cứu	CBCNV
Đào tạo ATLĐ	CBCNV
Đào tạo về An toàn hóa chất	CBCNV
Đào tạo nâng cao tay nghề nhóm Bảo dưỡng	Bảo Dưỡng
Đào tạo nâng cao tay nghề Tổ Cơ POY	POY
Đào tạo nâng cao tay nghề Tổ Điện	Điện

Đào tạo nâng cao tay nghề Tổ ĐM DTY	DTY
Đào tạo nâng cao tay nghề Tổ Lên giàn	Lên Giàn
Đào tạo nâng cao tay nghề Tổ nôi duoi	Nối Đuôi
Đào tạo nâng cao tay nghề Tổ QC POY	QC POY
Đào tạo nâng cao tay nghề Tổ Cấp liệu	Cấp Liệu
Đào tạo nâng cao tay nghề Tổ Winder	Winder
Đào tạo nâng cao tay nghề Tổ Chuẩn bị	Chuẩn Bị
Đào tạo quy trình sản xuất POY	Kinh Doanh
Hướng dẫn về tư chứng nhận xuất sứ hàng hóa, cơ chế REX	Kinh Doanh
Cập nhật, hướng dẫn tra cứu thuế xuất nhập khẩu; đọc hiểu quy tắc cụ thể mặt hàng và cách áp dụng hiệu quả các điều kiện ưu đãi thuế quan trong EVFTA có hiệu lực năm 2020 - Những lưu ý về C/O và các hình thức tự chứng nhận xuất xứ"	Kinh Doanh
Khóa học chuyên sâu: "Quy tắc xuất xứ hàng hóa và thủ tục chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA)"	Kinh Doanh
Khóa học: "Hướng dẫn tra cứu áp dụng hiệu quả các ưu đãi về Thuế xuất nhập khẩu - Quy tắc xuất xứ theo Thông tư 11/2020/TT-BCT, Nghị định số 111/2020/NĐ-CP về biểu thuế xuất nhập khẩu trong hiệp định EVFTA"	Kinh Doanh

IV.5.6 Cộng đồng xã hội

❖ Hoạt động đóng góp cho cộng đồng

Trong năm 2020, Công ty tiếp tục xây dựng quỹ học bổng cho học sinh, sinh viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục tại đại phương chung tay cùng nhà nước xây dựng và nâng cao trình độ, xóa mù chữ và chất lượng giáo dục tại địa phương với kinh phí hơn 13 triệu đồng và hơn 13 suất học bổng tại các trường Trung cấp nghề Củ Chi, Cao đẳng nghề Tây Ninh.

Khoản mục (tỷ đồng)	2018	2019	2020
Tổng số tiền lương-thưởng đã chi trả cho người lao động	117,7	107,7	107,5
Tổng giá trị giao dịch với nhà cung cấp	1.855	1.484	953,5
+ <i>Giá trị giao dịch với nhà cung cấp nội địa</i>	237,6	197,4	93,2
Tổng tiền thuế đã đóng trong năm (bao gồm thuế GTGT, thuế XNK, Thuế TNDN, Thuế TNCN, Thuế tài nguyên và các loại thuế khác...)	125,4	167,8	68,5

- ❖ Đảm bảo chế độ phúc lợi với tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội là 100%, giá trị ước tính 5,3 tỷ đồng;
- ❖ Đóng góp Ngân sách Nhà nước thông qua việc tuân thủ nộp thuế trong năm;
- ❖ Chi trả cổ tức: 15% cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông Công ty cho năm tài chính 2019;
- ❖ Tạo ra thêm nhiều công ăn việc làm cho người dân địa phương với chính sách tuyển dụng và đãi ngộ tốt cho người lao động;
- ❖ Chi trả lương-thưởng cho người lao động năm 2020 ước tính 107,5 tỷ đồng;
- ❖ Thưởng với hơn 2 tháng lương vào Tết Nguyên Đán;
- ❖ Chính sách bảo hiểm 24h cho toàn thể CBCNV với tỷ lệ tham gia là 100%;

- ❖ Chính sách bồi dưỡng độc hại tại chỗ hàng tháng cho CBCNV bằng hiện vật, chế độ đưa đón CBCNV miễn phí, hỗ trợ miễn phí nhà trọ, phụ cấp điện thoại, tặng quà lễ, tết cho CBCNV;
- ❖ Tổ chức du lịch nghỉ mát tại Phú Quốc cho toàn thể CBCNV vào tháng 10-2020; Hỗ trợ cho các chương trình giáo dục thông qua việc tặng các xuất học bổng cho các trường trung cấp nghề nhằm nâng cao trình độ cho người dân lao động địa phương.

Chống tham nhũng - hối lộ

Ban điều hành Công ty luôn chú trọng đề cao các hoạt động chống tham nhũng và đảm bảo công bằng trong môi trường làm việc. Trong toàn bộ hệ thống hoạt động của Công ty luôn đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như các nguyên tắc đạo đức cơ bản nhằm tạo ra sự liêm chính trong các hoạt động. Trong trường hợp bất kỳ nhân viên nào của Công ty bị phát hiện vi phạm hoặc nhận hối lộ của khách hàng và nhà cung ứng đều sẽ bị xử lý kỷ luật một cách nghiêm khắc và sẽ không có bất kỳ sự khoan nhượng nào đối với bất kỳ hành vi hối lộ, mua chuộc hay những khoản lợi ích không chính đáng khác nếu nó đi ngược với các quy định pháp luật, và quy định của Công ty hay các quy tắc đạo đức tại những quốc gia mà chúng tôi hoạt động.

IV.6 Thị trường vốn xanh

DỰ ÁN SỢI TÁI CHẾ	DỰ ÁN TÁI CHẾ SỢI PHÉ
STK đã triển khai việc sản xuất sợi tái chế (Recycled Yarn) từ năm 2016. Trong năm 2020, tỷ trọng sợi recycle trên doanh thu đạt 44,7%, vượt 9,7% so với 2019 (35%). Thông qua việc sản xuất sợi tái chế Công ty đã tái sử dụng 2,06 tỷ chai nhựa, góp phần bảo vệ đại dương khỏi rác thải chai nhựa vốn đang là một trong những vấn đề môi trường đang được báo động khẩn cấp trên toàn cầu.	Công ty tiếp tục duy trì dây chuyền sản xuất 1.500 tấn hạt nhựa tái sinh/năm, góp phần gia tăng lợi nhuận và cải thiện đáng kể hiệu quả tiết kiệm trong sản xuất thông qua việc tái sinh sợi phế trong sản xuất thành nguyên vật liệu đầu vào, từ đó nâng cao lợi nhuận, giảm chi phí sản xuất của Công ty và giảm phát thải ra môi trường.
DỰ ÁN SỢI MÀU	DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI
Công ty tiếp tục phát triển thêm sợi dope dye với màu xám, đen và blue navy, phát triển mẫu chào cho khách hàng thị trường nội địa và xuất khẩu. Sản phẩm sợi màu (dope dyed) sẽ đáp ứng được nhu cầu sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường của thị trường. Đây cũng là một xu hướng mà ngành thời trang trên thế giới (đặc biệt là các thương hiệu hàng đầu như Nike, Adidas, Puma, H&M, Inditex) đang hướng tới nhằm hạn chế phát thải hóa chất độc hại ra môi trường.	Trong Q4-2020, Công ty đã hợp tác với một đối tác để triển khai lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái cho cả 2 nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng. Dự kiến, sau khi hoàn thành việc lắp đặt vào cuối Q1.2021, hệ thống điện mặt trời áp mái sẽ đáp ứng khoảng 10% nhu cầu điện của Công ty và góp phần tiết kiệm chi phí điện khoảng 10%, giảm carbon footprint khoảng 10%.

V. QUẢN TRỊ RỦI RO

V.1 Mục tiêu của quản trị rủi ro

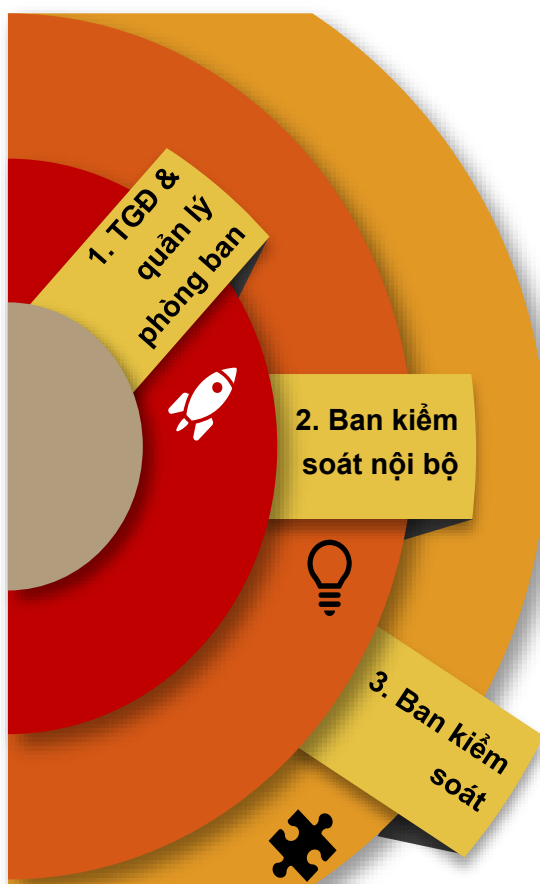
Để đạt được mục tiêu và bám sát chiến lược đã đặt ra, doanh nghiệp cần nhận biết được những rủi ro tiềm ẩn và có biện pháp phòng ngừa hoặc giảm thiểu rủi ro.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc quản trị rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, Công ty đã xây dựng quy trình quản lý rủi ro nhằm mục đích:

- Nhận diện rủi ro từ bên ngoài và nội tại của Công ty, từ đó chủ động quản trị rủi ro, giảm thiểu thiệt hại và tận dụng các cơ hội đến từ rủi ro.
- Đảm bảo tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty được ổn định, bền vững, duy trì được tốc độ tăng trưởng, hoàn thành được mục tiêu đã đề ra.
- Xây dựng ý thức và văn hóa phòng ngừa và quản trị rủi ro hơn là giải quyết vấn đề.

V.2 Hệ thống quản trị rủi ro của STK

Hệ thống quản trị rủi ro của Sợi Thế Kỷ được xây dựng theo mô hình “Ba tầng phòng vệ”, cụ thể như sau:



TGD & quản lý phòng ban

Xây dựng ma trận rủi ro cho từng bộ phận và toàn Công ty.

Đánh giá và xếp hạng rủi ro sau khi đã được nhận diện theo mức độ ảnh hưởng đến Công ty.

Đưa ra những cải tiến nhằm hạn chế rủi ro trong từng hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày.

2. Ban kiểm soát nội bộ

Xem xét những cơ chế quản trị rủi ro của các phòng ban, từ đó xây dựng nên các chỉ tiêu để làm cơ sở đánh giá.

Theo dõi, rà soát hoạt động có đúng như những chỉ tiêu đã đề ra hay không.

Kịp thời ngăn chặn và xử lý khi có sai phạm, hoặc các nguy cơ có thể xảy ra.

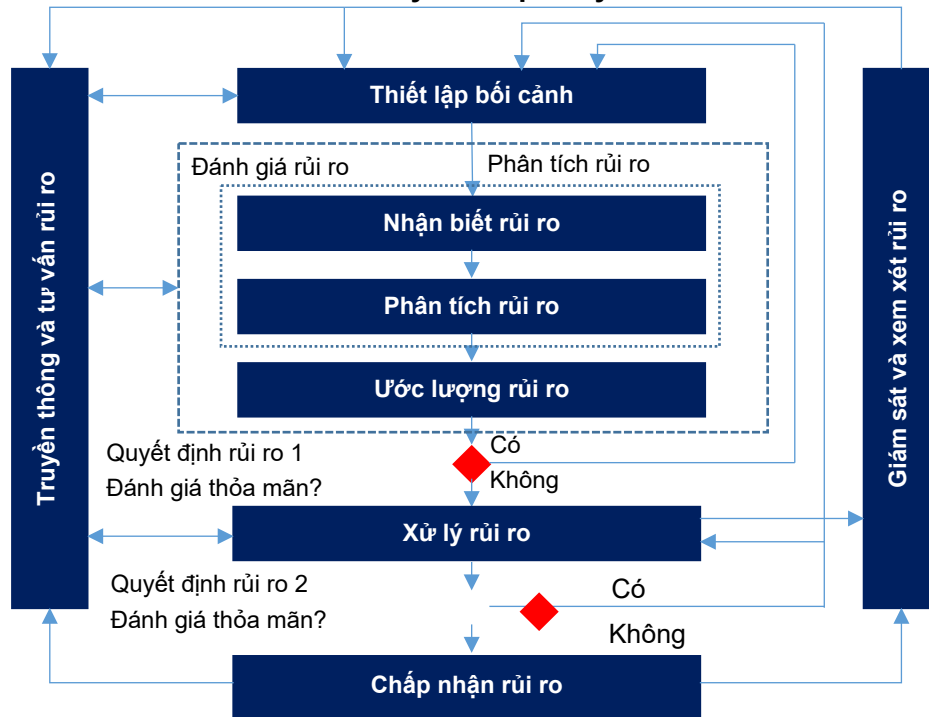
3. Ban kiểm soát

Đánh giá hoạt động của ban kiểm soát nội bộ có hiệu quả và kịp thời hay không.

Đưa ra những giải pháp cải tiến, hoàn thiện cơ chế quản trị rủi ro.

V.3 Quy trình quản lý rủi ro

Hình 1: Quy trình quản lý rủi ro



V.4 Nhận diện rủi ro

Các rủi ro được xác định trên cơ sở các mục tiêu chiến lược và các rủi ro trọng yếu có liên quan tới các mục tiêu chiến lược của Công ty.

- Rủi ro kinh tế vĩ mô
- Rủi ro chất lượng
- Rủi ro giá cả
- Rủi ro cạnh tranh
- Rủi ro tài chính
- Rủi ro bị kiện phá giá tại các thị trường xuất khẩu
- Rủi ro môi trường
- Rủi ro an ninh thông tin
- Rủi ro chất lượng nguồn nhân lực

V.5 Xác định mức độ rủi ro - Ma trận rủi ro

Mức độ nghiêm trọng của rủi ro (*Risk*) = Hệ quả (*Consequence*) * Khả năng xảy ra (*Likelihood*)

Bảng 2: Ma trận đánh giá rủi ro

		Khả năng xảy ra rủi ro (<i>Likelihood</i>)					
		Thang điểm	Hầu như không xảy ra	Rất ít xảy ra	Có khả năng xảy ra	Thỉnh thoảng xảy ra	Thường xuyên xảy ra
Mức độ ảnh hưởng của rủi ro (<i>Consequence</i>)			1	2	3	4	5
	Rất nhỏ	1	1	2	3	4	5
	Nhỏ	2	2	4	6	8	10
	Trung bình	3	3	6	9	12	15

Lớn	4	4	8	12	16	20
Rất lớn	5	5	10	15	20	25

Phân loại rủi ro theo mức độ nghiêm trọng của rủi ro

Risk < 6	6 ≤ Risk ≤ 9	Risk > 9
Thấp	Trung bình	Cao

V.6 Phân tích và đánh giá rủi ro trọng yếu

Loại rủi ro	Diễn giải rủi ro	Mức độ trọng yếu	Giải pháp hạn chế rủi ro
▶ Rủi ro kinh tế vĩ mô	<ul style="list-style-type: none"> - Khủng hoảng kinh tế toàn cầu, thiên tai, dịch bệnh có thể ảnh hưởng tới nhu cầu tiêu dùng sản phẩm dệt may và do đó có thể ảnh hưởng tới khả năng bán hàng của doanh nghiệp; - Sự thay đổi của các chính sách pháp luật về thuế, hải quan, bảo vệ môi trường, lao động có thể làm tăng chi phí vận hành của doanh nghiệp. 	Rủi ro cao (20) = Thường xuyên xảy ra (5) x hệ quả lớn (4).	<ul style="list-style-type: none"> - Tích cực phát triển các khách hàng mới và thị trường mới. - Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và hạ giá thành để giữ chân khách hàng thân thiết. - Chú trọng công tác nghiên cứu phát triển để ra những sản phẩm có tính năng kỹ thuật đặc biệt được các thương hiệu thời trang thể thao ưa dùng. - Có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất đối với những thay đổi này.
▶ Rủi ro chất lượng	Do thuộc ngành sản xuất nguyên vật liệu, nên sản phẩm đầu ra của Công ty sẽ là nguyên vật liệu đầu vào của khâu sản xuất khác, chính vì thế nếu chất lượng không được đảm bảo, sẽ ảnh hưởng lớn đến khách hàng, dẫn đến việc Công ty bị khiếu nại hoặc bồi thường thiệt hại.	Rủi ro cao (20) = Thường xuyên xảy ra (5) x hệ quả lớn (4).	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty thiết lập các quy trình, cơ chế kiểm soát chéo chất lượng ở từng khâu sản xuất. - Nâng cao tay nghề, kỹ năng tác nghiệp cho người lao động; - Đa dạng hóa nhà cung cấp nguyên vật liệu; - Đánh giá chất lượng nhà cung cấp định kỳ. - Lưu kho lượng nguyên vật liệu nhất định để đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh. - Nâng cấp nền tảng công nghệ, tự động hóa ở một số khâu sản xuất để giảm bớt thao tác thủ công;
▶ Rủi ro giá cả	Sự biến động giá cả trên thị trường thế giới có thể ảnh hưởng tới giá mua nguyên vật liệu và giá bán thành phẩm của Công ty.	Rủi ro cao (16) = Thịnh thoảng xảy ra (4) x hệ quả lớn (4).	<ul style="list-style-type: none"> - Đa dạng hóa nhà cung cấp và danh mục khách hàng cũng như cơ chế khớp hợp đồng mua nguyên liệu với hợp đồng bán thành phẩm nhằm duy trì được biên lợi nhuận giữa giá bán thành phẩm và giá mua hạt nhựa polyester chip.

Loại rủi ro	Diễn giải rủi ro	Mức độ trọng yếu	Giải pháp hạn chế rủi ro
	Price gap giảm xuống (tốc độ tăng của giá bán chậm hơn tốc độ tăng của giá nguyên vật liệu và chi phí đầu vào)		
▶ Rủi ro cạnh tranh	Xu hướng dịch chuyển sản xuất dệt may từ Trung Quốc và các quốc gia khác như Hàn Quốc và Đài Loan sang Việt Nam cùng với làn sóng đầu tư để đón cơ hội từ FTA sẽ dẫn đến sự cạnh tranh lớn hơn trong ngành sản xuất sợi. Các đối thủ chuyển sang phân khúc cao cấp hoặc sản xuất sợi tái chế	Rủi ro cao (16) = Thỉnh thoảng xảy ra (4) x hệ quả lớn (4).	<ul style="list-style-type: none"> - Mô hình kinh doanh tập trung cốt lõi, có tính linh hoạt có thể thay đổi theo nhu cầu thị trường; - Áp dụng công nghệ để nâng cao hiệu quả quản lý sản xuất. - Chất lượng sản phẩm và dịch vụ ở mức cao.
▶ Rủi ro tài chính (rủi ro tỷ giá, lãi suất, dòng tiền)	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyên vật liệu chính trong quá trình sản xuất (hạt nhựa, dầu) đều phải nhập khẩu; - Sự biến động của lãi suất có thể ảnh hưởng đến chi phí tài chính của Công ty; - Công ty có thể không tạo ra được dòng tiền để chi trả các khoản vay và tài trợ vốn cho các dự án đầu tư mới. 	Rủi ro cao (12) = Có khả năng xảy ra (3) x hệ quả lớn (4).	<ul style="list-style-type: none"> - Duy trì tỷ trọng doanh thu xuất khẩu ở mức 60% nhằm tạo nguồn thu USD để phục vụ cho việc nhập nguyên liệu và trả nợ. - Lên kế hoạch dự báo tỷ giá tăng để có giải pháp ứng phó kịp thời. - Duy trì chính sách vay nợ thận trọng với dòng tiền mặt dồi dào nên có thể trả bớt các khoản nợ khi lãi suất tăng.
▶ Rủi ro bị kiện phá giá	Trong bối cảnh tự do hóa Thương mại hiện nay, các biện pháp phòng vệ thương mại (như kiện bán phá giá, kiện chống trợ cấp) thường được chính phủ các nước nhập khẩu áp dụng để bảo vệ nền sản xuất nội	Rủi ro trung bình (8) = Ít có khả năng xảy ra (2) x hệ quả lớn (4).	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng chính sách giá cả hợp lý cho thị trường xuất khẩu và nội địa và có hệ thống báo cáo đầy đủ để có thể chứng minh là STK không bán phá giá. - Đa dạng hóa thị trường, không tập trung doanh thu quá nhiều vào 1 thị trường.

Loại rủi ro	Diễn giải rủi ro	Mức độ trọng yếu	Giải pháp hạn chế rủi ro
	địa của nước họ. Các yêu cầu áp dụng các biện pháp phòng vệ Thương mại này của các nhà sản xuất nội địa đôi khi rất phi lý và để bác bỏ các yêu cầu phi lý đó đòi hỏi nhiều công sức và thời gian.		
<p>▶ Rủi ro môi trường</p>	<p>NVL chính của STK là PET chip- là chế phẩm của dầu mỏ- và NVL phụ là ống giấy và thùng giấy là những sản phẩm mà việc sản xuất có thể gây ô nhiễm môi trường và suy giảm nguồn tài nguyên thiên nhiên. Chính vì thế, các qui định và chính sách trên thế giới về môi trường đặc biệt là về vấn đề khai thác dầu mỏ và tài nguyên rừng sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến nguồn cung của các nguyên vật liệu này, qua đó gây tác động mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh của STK.</p>	<p>Rủi ro trung bình (8) = Ít có khả năng xảy ra (2) x hệ quả trung lớn (4).</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nghiên cứu phát triển các loại sản phẩm mới như sợi Recycled (sử dụng Recycled PET chip được tái chế từ các chai nhựa polyester để giảm thiểu khai thác dầu mỏ), sợi màu (giảm lượng nước sử dụng và không dùng đến các hóa chất độc hại) - Phối hợp với đơn vị cung ứng để nâng cao chất lượng sản phẩm ống giấy POY để có thể tái sử dụng lại nhiều lần (qua đó hạn chế việc khai thác rừng). - Cam kết không sử dụng chất độc hại để giảm thiểu tối đa các tác động xấu của quá trình sản xuất kinh doanh đến môi trường xung quanh.
<p>▶ Rủi ro an ninh thông tin</p>	<p>Rủi ro sự cố ANTT (bị mất dữ liệu do đường truyền hoặc mã độc hại/hỏa hoạn) gây gián đoạn hoạt động, thiệt hại về kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực tới hình ảnh của Công ty; Rủi ro thông tin nhạy cảm, thông tin mật (chiến lược kinh doanh, danh sách</p>	<p>Rủi ro trung bình (6) = Có khả năng xảy ra (3) x hệ quả nhỏ (2).</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý ANTT ISO/IEC 27001:2013 và được chứng nhận: “An ninh thông tin trong quá trình sản xuất và kinh doanh sợi Polyester”. - Áp dụng các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn thông tin như trang bị hệ thống chữa cháy tự động, có hệ thống sao lưu, cài đặt các phần mềm chống virus, đào tạo nhận thức cho CBCNV, xây dựng và triển khai chính sách bảo mật thông tin

Loại rủi ro	Diễn giải rủi ro	Mức độ trọng yếu	Giải pháp hạn chế rủi ro
	khách hàng, nhà cung cấp, bí mật công nghệ, v.v) bị tiết lộ ra bên ngoài gây thiệt hại về kinh tế cho Công ty.		
<p>► Rủi ro chất lượng nguồn nhân lực</p>	<p>Rủi ro khi nguồn nhân lực không đáp ứng được yêu cầu quản trị của doanh nghiệp: nguồn nhân lực không đạt chất lượng, thiếu kinh nghiệm trong hoạt động điều hành và quản lý; ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.</p>	<p>Rủi ro thấp (4) = Rất ít khả năng xảy ra (2) x hệ quả nhỏ (2).</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chú trọng tuyển dụng, đào tạo, huấn luyện phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu công việc. Đảm bảo các chính sách lương thưởng, phúc lợi, chế độ đãi ngộ và môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động. - Tập trung vào công tác đào tạo, nâng cao trình độ- kỹ năng tay nghề của CBCNV, xây dựng đội ngũ kế thừa.

VI. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

VI.1 Tình hình thực hiện các dự án trong năm 2020

Dự án liên minh từ sợi đến may mặc

Trong năm 2020, Sợi Thế Kỷ đã thực hiện góp vốn để lấy đất và phát triển hạ tầng cho dự án này. Trong năm 2021, Công ty chưa có kế hoạch thực hiện xây dựng nhà xưởng hay mua máy móc thiết bị cho dự án này. Trong trường hợp các đối tác đã thực hiện đầu tư xong, Công ty vẫn có thể cung cấp sợi theo nhu cầu của các đối tác.

VI.2 Kế hoạch đầu tư

Dự án nhà máy sản xuất sợi tổng hợp Unitex

- Mục đích dự án: Mở rộng quy mô sản xuất sợi tơ tổng hợp sợi POY, DTY
- Công suất tối đa: 60.000 tấn/năm; gồm 2 giai đoạn.
- Tổng vốn đầu tư ước tính: 120 triệu USD.
- Địa điểm xây dựng: Lô A17.1 đường C1, Khu Công nghiệp Thành Thành Công, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.
- Sản phẩm của dự án: Sợi DTY: sợi tái chế (Recycle), các loại sợi đặc biệt có giá trị gia tăng cao.
- Thời gian thực hiện dự án:
 - ✓ Khởi động Giai đoạn 1: 2021
 - ✓ Đưa Giai đoạn 1 vào hoạt động: 2023
 - ✓ Khởi động Giai đoạn 2: 2023
 - ✓ Đưa Giai đoạn 2 vào hoạt động: 2025.

Trong năm 2021, Công ty sẽ khởi động dự án Thành Thành Công theo tiến độ và huy động vốn tài trợ cho các dự án này.

VII. CỔ PHIẾU VÀ QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

VII.1 Thông tin cổ phiếu

Tên cổ phiếu	CỔ PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THÉ KỲ		
Mã cổ phiếu	STK		
Sàn giao dịch	HOSE		
Tổng số phiên giao dịch trong năm 2020	204	phiên	
Khối lượng khớp lệnh bình quân/ngày	112.574	cổ phiếu	

Diễn biến giao dịch cổ phiếu STK trong năm 2020



Nguồn: tradingview.com

VII.2 Cổ phần và Cơ cấu cổ đông

Tại ngày 31/12/2020, số lượng cổ phần của Công ty như sau:

Vốn điều lệ đăng ký (VND)	707.269.440.000
Tổng số cổ phần niêm yết	70.726.944
Tổng số cổ phần lưu hành	68.185.294
Tổng số lượng cổ phiếu quỹ	2.541.650
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	300.000
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	67.885.294
Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài	0

Bảng 3: Thống kê danh sách cổ đông (theo danh sách cổ đông chốt ngày 18/02/2021)

Theo loại cổ phần			
Loại cổ phiếu	Số quyền biểu quyết tương ứng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Cổ phiếu phổ thông	01 cổ phiếu : 01 quyền biểu quyết	68.185.294	96%
Cổ phiếu ưu đãi	/	0	0%

Cổ phiếu quỹ		2.541.650	4%
Tổng cộng		70.726.944	100%

	Số lượng cổ đồng	Tỷ lệ/ Tổng số cổ đồng	Số lượng CPSH	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
Theo tỷ lệ sở hữu				
Cổ đông lớn	5	0,5%	43.664.012	61,7%
Cổ đông nhỏ	1.092	99,5%	27.062.932	38,3%
Tổng cộng	1.097	100%	70.726.944	100%
Theo đối tượng sở hữu				
Cổ đông nhà nước	0	0%	0	0%
Cổ đông khác	1.097	100%	70.726.944	100%
Tổng cộng	1.097	100%	70.726.944	100%
Theo địa lý				
Trong nước	1.007	91,8%	64.284.343	90,9%
✓ Cá nhân	978	89,2%	46.325.905	65,5%
✓ Tổ chức	29	3%	17.958.438	25%
Ngoài nước	90	8,2%	6.442.601	9,1%
✓ Cá nhân	62	5,7%	976.763	1,4%
✓ Tổ chức	28	3%	5.465.838	8%
Tổng cộng	1.097	100%	70.726.944	100%

Danh sách cổ đông lớn (sở hữu trên 5% cổ phần công ty) và tình hình thay đổi sở hữu của cổ đông lớn trong năm 2020

Tên cổ đông	Loại hình sở hữu	Quốc tịch	Đầu kỳ (tại ngày 23/12/2019)		Cuối kỳ (tại ngày 18/02/2021)		Thay đổi sở hữu trong kỳ
			Cổ phiếu sở hữu	% sở hữu	Cổ phiếu sở hữu	% sở hữu	
Công ty Cổ phần Tư Vấn Đầu Tư Hướng Việt	Tổ chức	VN	14.137.593	19,99%	14.137.593	19,99%	
Đặng Triệu Hòa	Cá nhân	VN	9.749.367	13,78%	9.749.367	13,78%	
Đặng Mỹ Linh	Cá nhân	VN	6.481.235	9,16%	10.134.305	14,3%	
Đặng Hướng Cường	Cá nhân	VN	5.981.235	8,46%	5.981.235	8,46%	
Tăng Kiến Nghiệp	Cá nhân	VN	3.646.512	5,16%	3.661.512	5,17%	
Tổng cộng			39.995.942	56,5%	43.664.012	61,7%	

VII.3 Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết năm 2020

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thường...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Tự Lực	Trưởng BKS	4.000	0,01%	2.000	0,003%	Bán cổ phiếu cơ cấu danh mục đầu tư.
2	Đình Ngọc Hoa	Thành viên BKS	21.008	0,03%	16.008	0,02%	Bán cổ phiếu cơ cấu danh mục đầu tư.
3	Phạm Ngọc Thái	Chồng của TV.BKS Hoàng Nữ Mộng Tuyền	5.000	0,007%	2.500	0,0035%	Bán cổ phiếu cơ cấu danh mục đầu tư.
4	Đình Ngọc Hoa	Thành viên BKS	16.008	0,022%	10.008	0,014%	Bán cổ phiếu cơ cấu danh mục đầu tư.

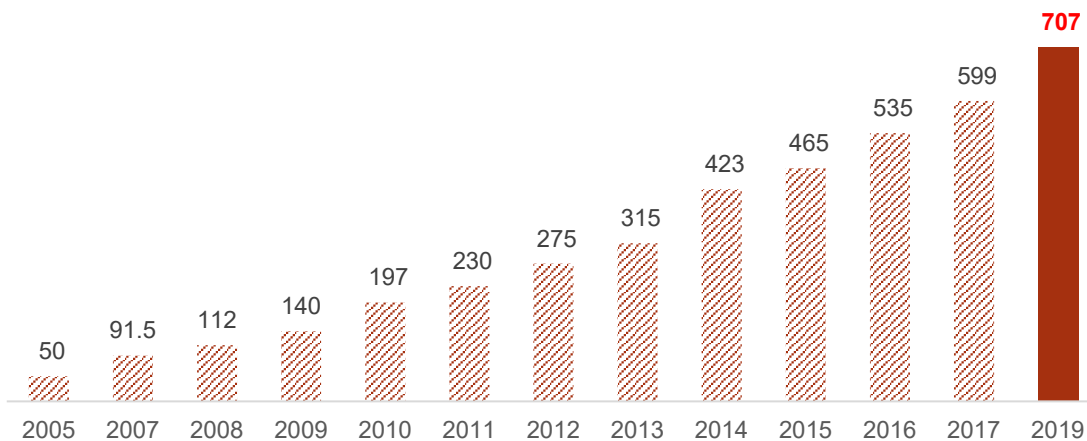
VII.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ

Kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ phát sinh trong năm 2020

Số lượng cổ phiếu lưu hành trước khi thực hiện	Số lượng cổ phiếu đăng ký mua lại	Số lượng cổ phiếu thực hiện mua lại	Số lượng cổ phiếu lưu hành sau khi thực hiện	Thời gian thực hiện
70.726.944	5.000.000	2.541.650	68.185.294	03/04-29/04/2020

VII.5 Quá trình tăng vốn điều lệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Quá trình tăng vốn điều lệ của Sợi Thế Kỷ (tỷ đồng)



Thời gian phát hành	Đối tượng phát hành	Vốn tăng thêm (tỷ đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (tỷ đồng)
05/2005	Cổ phần hóa: VDL ban đầu	-	50
05/2007	Cổ đông sáng lập; Người lao động	15	65
09/2007	Cổ đông hiện hữu; Đối tác chiến lược	26,5	91,5
01/2008	Đối tác chiến lược	8,5	100
12/2008	Cổ đông hiện hữu (cổ phiếu thưởng tỷ lệ: 12%)	12	112
11/2009	Cổ đông hiện hữu (phát hành thêm tỷ lệ: 25%)	28	140
01/2010	Đối tác chiến lược (phát hành riêng lẻ)	40	180
09/2010	Cổ đông hiện hữu (cổ phiếu thưởng tỷ lệ: 10%)	17,3	197,3
06~07/2011	Cổ đông hiện hữu (cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 15%); Người lao động (ESOP 2010)	32,6	229,9
05/2012	Cổ đông hiện hữu (cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 20%)	45	274,9
06/2013	Cổ đông hiện hữu (cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ: 15%)	40,5	315,4
06/2014	Cổ đông hiện hữu (- cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 15%) (- cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ: 10%)	77,6	393,1
12/2014	Đấu giá ra công chúng	30,0	423,1
12/2015	Cổ đông hiện hữu (cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ: 10%)	42,3	465,4
06/2016	Cổ đông hiện hữu (- cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 10%) (- cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ: 05%)	69,8	535,2
09/2017	Cổ đông hiện hữu (- cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 12%)	64,2	599,4
05/2019	Cổ đông hiện hữu (- cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 7%)	107,9	707,3

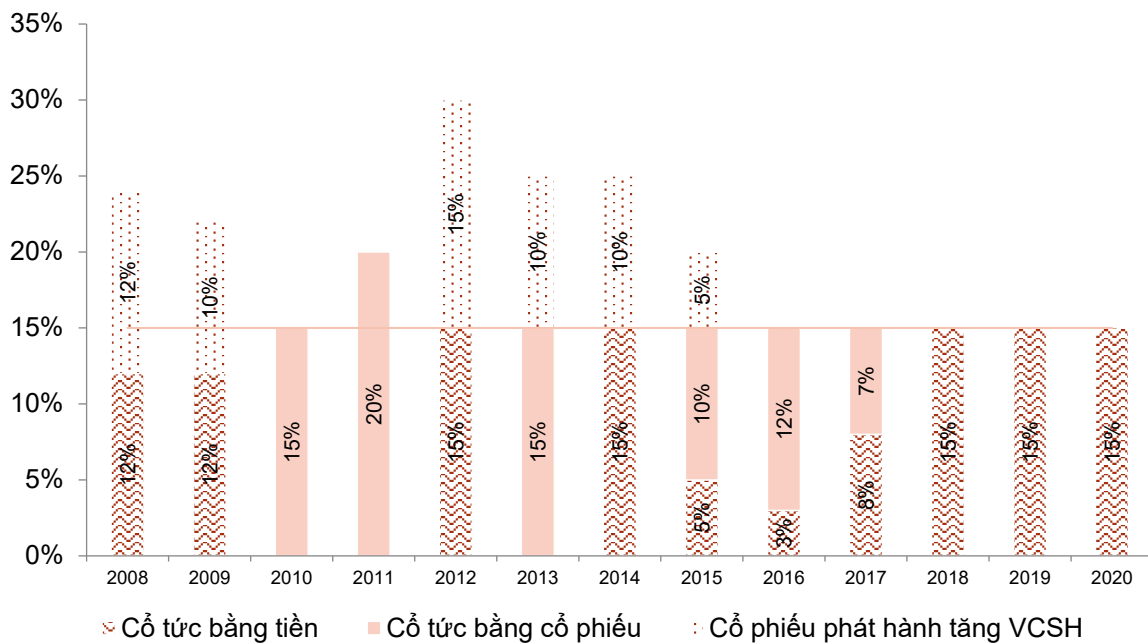
	(- cổ phiếu chào bán ra công chúng: 10%) (- cổ phiếu ưu đãi cho CBCNV: 0.1%)	
--	---	--

VII.6 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2020

Trong năm 2020, không phát sinh giao dịch làm thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

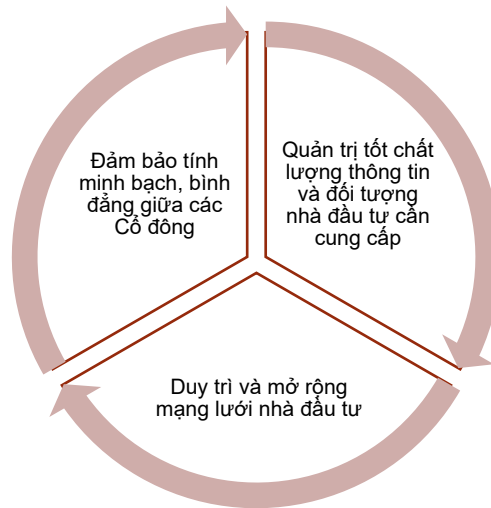
VII.7 Chính sách chi trả cổ tức

Chính sách cổ tức của STK



Chính sách cổ tức của Sợi Thế Kỷ luôn ổn định và duy trì mức chi trả cổ tức trên mệnh giá là 15% cho cổ đông. Tùy theo kết quả kinh doanh và kế hoạch đầu tư hàng năm, cổ tức chi trả có thể bằng tiền hoặc bằng cổ phiếu và tỷ lệ này có thể lớn hơn hoặc bằng 15% nhưng không nhỏ hơn 15%.

VII.8 Hoạt động quan hệ nhà đầu tư



Đảm bảo tính minh bạch, bình đẳng giữa các Cổ đông. Luôn luôn ưu tiên đáp ứng yêu cầu tuân thủ quy định Công bố thông tin (CBTT) theo qui định hiện hành, cập nhật kịp thời, nhanh chóng; nói không với giao dịch nội gián và thao túng giá cổ phiếu.

Quản trị tốt chất lượng thông tin và đối tượng nhà đầu tư cần cung cấp. Thông tin cung cấp ra bên ngoài không những phải đầy đủ và đảm bảo tính xác thực về tình hình của doanh nghiệp.

Duy trì và mở rộng mạng lưới nhà đầu tư. Thường xuyên gặp gỡ và đa dạng hoá kênh tiếp cận nhà đầu tư, duy trì mạng lưới nhà đầu tư hiện hữu và phát triển thêm nhà đầu tư tiềm năng, từ đó tạo tiền đề và nền tảng cho hoạt động huy động vốn cho doanh nghiệp trong tương lai.

ĐA DẠNG HOÁ CÁC KÊNH TIẾP CẬN NHÀ ĐẦU TƯ⁴

ĐHĐCĐ	<ul style="list-style-type: none">• Thường niên: 1 lần/năm• Bất thường/Lấy ý kiến bằng văn bản: tùy tình hình từng năm
Cuộc họp với chuyên gia phân tích chứng khoán	<ul style="list-style-type: none">• Định kỳ mỗi quý: 4 lần/năm
Bản tin nhà đầu tư	<ul style="list-style-type: none">• Định kỳ mỗi quý: 4 lần/năm
Website	<ul style="list-style-type: none">• Cập nhật thường xuyên liên tục các thông tin ngành, thông tin công bố của Công ty, các báo cáo định kỳ...

⁴ Thông tin liên hệ bộ phận Quan hệ nhà đầu tư:

✉ ir@century.vn (Ms. Phương Anh)

☎ (+84.276) 388 7565 (ext: 113) (Mr. Đăng Khoa)

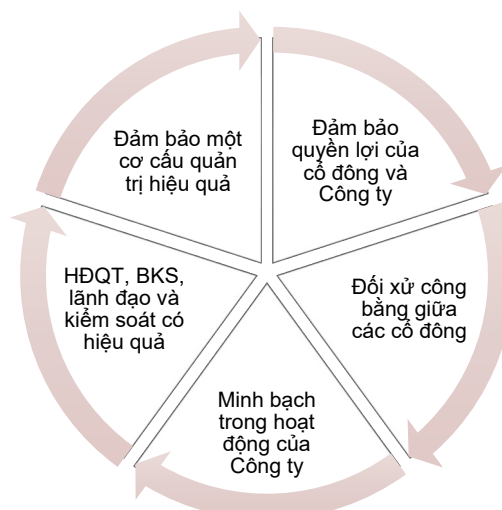
VIII. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

VIII.1 Mô hình quản trị

- ❖ Sợi Thế Kỷ đang được tổ chức và hoạt động theo mô hình quản trị được quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020. Theo đó, cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”), Hội đồng quản trị (“HĐQT”), Ban kiểm soát (“BKS”) và Tổng Giám đốc (“TGD”), Ban điều hành (“BDH”), các bộ phận chức năng, các phòng nghiệp vụ chuyên môn.
- ❖ Tại STK, ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Các vấn đề được ĐHĐCĐ thông qua được quy định tại Điều 14 Điều lệ của Công ty và theo quy định của pháp luật hiện hành.
- ❖ HĐQT là cơ quan quản trị tại công ty. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT được quy định tại Điều 25 Điều lệ của Công ty. HĐQT có nhiệm vụ triển khai, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về các hoạt động của Công ty.
- ❖ BKS do ĐHĐCĐ bầu ra với chức năng thay mặt ĐHĐCĐ giám sát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyền hạn và trách nhiệm của BKS (bao gồm việc giám sát HĐQT và TGD, yêu cầu HĐQT và TGD giải trình về tình hình tài chính của Công ty) được quy định tại Điều 36 Điều lệ của Công ty. BKS của STK có 3 thành viên với nhiệm kỳ 5 năm.
- ❖ Tổng Giám Đốc do HĐQT bổ nhiệm với nhiệm kỳ 5 năm. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám Đốc được quy định tại Điều 30 Điều lệ của Công ty.
- ❖ Ban Điều Hành gồm 04 thành viên sẽ hỗ trợ Tổng Giám Đốc trong việc điều hành hoạt động của Công ty.

Vui lòng xem thêm mục **Cơ cấu tổ chức Công ty** trang 9

Nguyên tắc Quản trị Công ty



VIII.2 Thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh trước thay đổi	Chức danh sau thay đổi	Tài liệu tham chiếu
1	Đặng Triệu Hòa	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	Phó chủ tịch HĐQT, TGD	Nghị quyết HĐQT số 01-2020/NQHĐQT/TK ban hành ngày 14/02/2020
2	Đặng Mỹ Linh	Thành viên HĐQT	Chủ tịch HĐQT	

VIII.3 Thông tin về Hội đồng quản trị năm 2020

	Giới thiệu thành viên Hội đồng Quản trị	Vị trí*	Thời gian bổ nhiệm
	<p>1. Bà Đặng Mỹ Linh (49 tuổi)</p> <p>Bà Đặng Mỹ Linh là một trong những thành viên sáng lập của STK. Hiện tại, bà đang đảm nhận chức vụ Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Liên An từ năm 2001. Trước đó, bà Linh đã công tác với thời gian 10 năm tại Công ty Worldtex Enterprise, một công ty dệt may của Đài Loan. Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh.</p>	Chủ tịch HĐQT	14/02/2020
	<p>2. Ông Đặng Triệu Hòa (52 tuổi)</p> <p>Ông Đặng Triệu Hòa là người sáng lập Công ty từ năm 2000 và đóng vai trò quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của STK. Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành công nghiệp sản xuất sợi, dệt may và am hiểu sâu sắc về công nghệ sản xuất và xu hướng ngành nghề sợi nói riêng và dệt may nói chung. Ông đã từng đảm nhiệm chức vụ Giám đốc tại Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hoàn Á và Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Việt Phú trước khi sáng lập STK. Với vai trò (mới) Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, Ông là người đóng vai trò quyết định trong công tác điều hành và định hướng phát triển của Công ty. Ông đã nhận được bằng khen của Bộ công thương vì thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2007. Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh.</p>	Phó chủ tịch HĐQT, TGD	14/02/2020 2005

	<p>3. Ông Đặng Hương Cường (45 tuổi) Ông Đặng Hương Cường cũng là một trong những thành viên sáng lập của STK. Hiện tại, Ông Cường đang đảm nhiệm chức vụ Giám đốc của Công ty TNHH P.A.N Châu Á, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sợi. Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh.</p>	Thành viên HĐQT không điều hành	Năm 2005
	<p>4. Bà Cao Thị Quế Anh (55 tuổi) Hiện tại Bà Quế Anh đang đảm nhiệm vị trí Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Xanh. Trước đó, Bà Quế Anh đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh và tài chính tại Cộng hòa Ba Lan và Việt Nam.</p>	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	12/01/2015
	<p>5. Ông Võ Quang Long (43 tuổi) Ông là đại diện sở hữu vốn của Công ty cổ phần đầu tư tư vấn Hướng Việt – cổ đông lớn của Công ty. Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh.</p>	Thành viên HĐQT không điều hành	17/04/2018
	<p>6. Ông Chen Che Jen (59 tuổi) Là một chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong ngành sợi và may mặc. Trình độ chuyên môn: Kỹ thuật.</p>	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	17/04/2018
	<p>7. Ông Nguyễn Quốc Hương (50 tuổi) Là một chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong ngành tài chính và quản trị rủi ro tài chính. Trình độ chuyên môn: Tài chính</p>	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	17/04/2018

Tỷ lệ sở hữu của các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 (theo danh sách chốt 18/02/2021)

STT	Họ và tên	Chức danh	Cá nhân sở hữu	Tỷ lệ (%)	Chức danh kiêm nhiệm trong HĐQT của các công ty khác	Cá nhân/Tổ chức có liên quan sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Đặng Mỹ Linh	Chủ tịch HĐQT	10.134.305	14,33%	Không có	15.730.602	22,24%
2	Đặng Triệu Hòa	Phó CT.HĐQT	9.749.367	13,78%		16.115.540	22,79%
3	Đặng Hương Cường	TV.HĐQT	5.981.235	8,46%		19.883.672	28,11%
4	Cao Thị Quế Anh	TV.HĐQT	0	0%		425.040	0,70%
5	Võ Quang Long	TV.HĐQT	0	0%		14.137.593	19,99%
6	Chen Che Jen	TV.HĐQT	0	0%		0	0%
7	Nguyễn Quốc Hương	TV.HĐQT	0	0%		0	0%

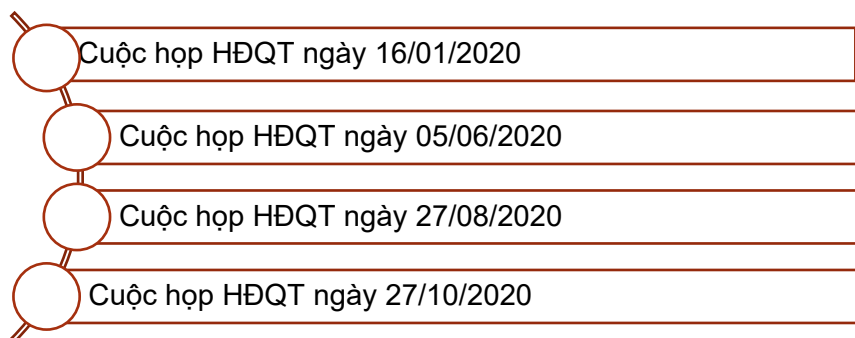
Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ (nhiệm kỳ 2018-2023) gồm 07 thành viên, trong đó:

- 03 thành viên là thành viên HĐQT độc lập;
- 06 thành viên là thành viên HĐQT không điều hành;
- 03 thành viên là thành viên HĐQT độc lập không điều hành

VIII.4 Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2020

VIII.4.1 Các cuộc họp HĐQT trong năm 2020

- HĐQT đã tiến hành 04 cuộc họp trực tiếp và 15 cuộc họp thông qua hình thức gửi thư xin ý kiến để giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền của HĐQT.



- HĐQT đã ban hành 19 Biên bản và 16 Nghị quyết.
- Biên bản và Nghị quyết HĐQT được gửi đầy đủ cho các thành viên HĐQT, BKS.

- Các cuộc họp của HĐQT đều có mời Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc tham gia dự họp để trao đổi, thảo luận và tạo sự nhất trí cao trong các chiến lược, định hướng kinh doanh, chỉ đạo của HĐQT đối với Ban Điều hành.

Stt.	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Bà Đặng Mỹ Linh	Chủ tịch HĐQT	19/19	100%	
2	Ông Đặng Triệu Hòa	Phó CT.HĐQT	19/19	100%	
3	Ông Đặng Hường Cường	TV.HĐQT	14/19	74%	Công tác ở nước ngoài do dịch Covid nên chưa về được
4	Bà Cao Thị Quế Anh	TV.HĐQT	18/19	95%	Bận lịch công tác
5	Ông Võ Quang Long	TV.HĐQT	19/19	100%	
6	Ông Chen Che Jen	TV.HĐQT	19/19	100%	
7	Ông Nguyễn Quốc Hương	TV.HĐQT	19/19	100%	

VIII.4.2 Các cuộc họp riêng của Thành viên HĐQT độc lập

Không có

VIII.4.3 Các Nghị quyết của HĐQT

STT.	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01-2020/NQHĐQT	14/02/2020	Thông qua việc từ nhiệm, bầu Chủ tịch HĐQT, Phó chủ tịch HĐQT.
2	02-2020/NQHĐQT	14/02/2020	Thông qua dự báo kết quả kinh doanh 2020 và ngày chốt quyền ĐHCĐ 2020
3	02A-2020/NQHĐQT	14/02/2020	Thông qua việc cấp hạn mức tín dụng ngắn hạn cho Công ty CP Sợi Thế Kỷ tại OCB
4	03-2020/NQHĐQT	11/03/2020	Thông qua tài liệu họp ĐHCĐ 2020
5	04-2020/NQHĐQT	16/03/2020	Thông qua việc mua cổ phiếu quỹ.
6	05-2020/NQHĐQT	17/03/2020	Thông qua việc mua cổ phiếu quỹ có bổ sung
7	05A-2020/NQHĐQT	26/03/2020	Thông qua việc gia hạn tổ chức ĐHCĐTN 2020
8	05B-2020/NQHĐQT	25/03/2020	Thông qua việc thay đổi hạn mức tín dụng ngắn hạn cho Công ty CP Sợi Thế Kỷ tại Vietcombank
9	06-2020/NQHĐQT	13/05/2020	Thông qua ngày chốt quyền ĐHCĐ 2020
10	07-2020/NQHĐQT	05/06/2020	Thông qua tài liệu họp ĐHCĐ 2020 (điều chỉnh dự báo KQKD 2020)
11	08-2020/NQHĐQT	30/06/2020	Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập EY cho năm tài chính 2020
12	09-2020/NQHĐQT	01/07/2020	Thông qua kế hoạch chi trả cổ tức cho năm tài chính 2019
13	10-2020/NQHĐQT	01/07/2020	Thông qua việc thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty

STT.	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
14	11-2020/NQHĐQT	10/08/2020	Thông qua việc cấp hạn mức tín dụng tại Wooribank
15	11A-2020/NQHĐQT	10/08/2020	Thông qua việc cấp hạn mức tín dụng cho Công ty CP Sợi Thế Kỳ tại Vietcombank
16	12-2020/NQHĐQT	04/12/2020	Thông qua việc cấp hạn mức tín dụng cho Công ty CP Sợi Thế Kỳ tại ChinaTrust Bank

VIII.4.4 Tình hình triển khai các nghị quyết ĐHCĐ 2020

STT	Nội dung thông qua Nghị quyết ĐHCĐ 2020	Kết quả thực hiện
1.	Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận của năm 2019: Chia cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt (tỷ lệ 15%/mệnh giá)	Đã chi trả cổ tức cho năm tài chính năm 2019 vào ngày 30/07/2020.
2.	Thông qua dự báo doanh thu - lợi nhuận năm 2020 - Doanh thu: 1.798 tỷ đồng - Lợi nhuận sau thuế: 130.4 tỷ đồng	Kết quả thực hiện năm 2020: - Doanh thu: 1,756 tỷ đồng (đạt 98,2% kế hoạch); - Lợi nhuận sau thuế: 144,4 tỷ đồng (đạt 110,7% kế hoạch)/
3.	Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán cho báo cáo tài chính năm 2020	Đã lựa chọn Công ty kiểm toán E&Y Việt Nam làm đơn vị kiểm toán độc lập cho báo cáo tài chính năm 2020.
4.	Thông qua thù lao cho HĐQT và BKS năm 2020 - Thù lao cho HĐQT: 1 tỷ và 20 triệu đồng - Thù lao cho BKS: 144 triệu đồng;	Đã thực hiện chi trả ngày 29/12/2020.
5.	Thông qua việc sửa Điều lệ Công ty	Đã thực hiện điều chỉnh và công bố thông tin vào ngày 23/06/2020.

VIII.4.5 Báo cáo hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Các thành viên HĐQT đóng vai trò đánh giá và giám sát hoạt động của Ban điều hành một cách khách quan, đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa các bên liên quan; gia tăng tính công bằng, hiệu quả chức năng đưa ra định hướng chiến lược, quản trị rủi ro, quản trị chất lượng sản xuất.

Các TVHĐQT không điều hành đều là những người có kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất, thương mại, tài chính và quản trị.

Các thành viên luôn tích cực tham gia góp ý cho việc xây dựng chiến lược kinh doanh, quản trị doanh nghiệp và giám sát chặt chẽ tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty.

- ❖ Ông Chen Che Jen có kinh nghiệm nhiều năm trong lĩnh vực sản xuất – kinh doanh sợi, ông thường xuyên theo dõi các chỉ tiêu chất lượng để đưa ra những giải pháp, kinh nghiệm quản trị rủi ro xảy ra trong hoạt động sản xuất

- ❖ Bà Cao Thị Quế Anh có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh may mặc và tài chính, luôn luôn theo dõi và giám sát cơ cấu chi phí sản xuất, chi phí cố định, khả năng tối ưu hoá lợi nhuận.
- ❖ Ông Nguyễn Quốc Hương có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ông luôn giám sát tình hình luân chuyển vốn lưu động, tình hình nợ vay và các chính sách phân phối lợi nhuận của Công ty.

VIII.4.6 Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ về đào tạo quản trị công ty:

Có 4/7 thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2018-2023), 3/3 thành viên Ban Kiểm soát (nhiệm kỳ 2018-2023) đã được cấp chứng chỉ về quản trị Công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước công nhận. Công ty luôn tạo điều kiện để tất cả các thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD tham gia các khoá đào tạo về quản trị Công ty. Tuy nhiên, do thời gian các khóa đào tạo thường trùng với lịch công tác của Ban Quản trị nên các thành viên không tham gia khóa học được. Bên cạnh đó, STK có 01 thành viên HĐQT là người nước ngoài, do khóa học không hỗ trợ ngôn ngữ thứ hai cho nên cũng ảnh hưởng đến việc hoàn thành chứng chỉ Quản trị Công ty theo quy định.

Danh sách thành viên HĐQT, BKS đã được đào tạo về quản trị Công ty:

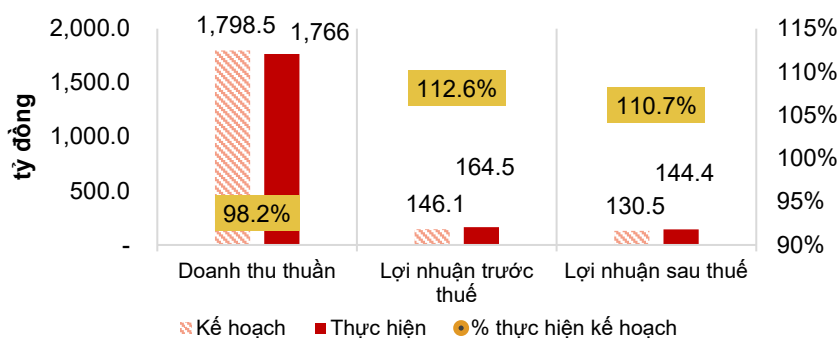
1. Đặng Mỹ Linh – Chủ tịch HĐQT
2. Đặng Triệu Hòa – Phó Chủ tịch HĐQT
3. Đặng Hương Cường – Thành viên HĐQT
4. Cao Thị Quế Anh - Thành viên HĐQT
5. Nguyễn Tự Lực – Trưởng BKS
6. Đinh Ngọc Hoa – Thành viên BKS
7. Hoàng Nữ Mộng Tuyền – Thành viên BKS

VIII.4.7 Các tiểu ban HĐQT

Công ty chưa thành lập các tiểu ban HĐQT nên không có hoạt động của các tiểu ban HĐQT.

VIII.4.8 Đánh giá của HĐQT về tình hình hoạt động của Công ty và hoạt động của Ban điều hành

❖ Kết quả kinh doanh năm 2020



Trong năm 2020, mặc dù bối cảnh kinh doanh không thuận lợi do dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, Ban điều hành Công ty đã nỗ lực phát triển thị trường, duy trì đơn hàng với khách hàng hiện hữu, nâng cao tỷ

trọng sợi tái chế, quản trị chi phí và chất lượng sản xuất. Với những chiến lược đúng đắn đó, lợi nhuận sau thuế đã vượt 11% so với kế hoạch đề ra.

❖ Đánh giá tổng quan về tình hình hoạt động của Công ty

1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ trọng tâm đã đặt ra trong năm 2020

Kiểm soát chặt chẽ cán cân chi phí-lợi nhuận, quản lý chất lượng, nâng cao khả năng cạnh tranh	Đạt kế hoạch về tỷ trọng sợi tái chế	Duy trì và mở rộng mạng lưới khách hàng; nghiên cứu & phát triển sản phẩm mới
<ul style="list-style-type: none">Nâng cao hiệu quả hoạt động, sử dụng chi phí hợp lý;Hợp lực cải tiến hoạt động Công ty;Giảm hao phí trong sản xuấtCải thiện chất lượng sản xuất;Giảm lượng hàng tồn kho về mức tiêu chuẩn.	<ul style="list-style-type: none">Vượt tỷ trọng sợi tái chế, đạt 44% so với kế hoạch là 35%.Nâng tỷ trọng sợi tái chế là chiến lược ngắn và trung hạn của Công ty, phù hợp với xu hướng thời trang toàn cầu.	<ul style="list-style-type: none">Phát triển thị trường Mỹ, doanh thu xuất khẩu tại thị trường Mỹ tăng từ 0,6% 2019 lên 2,6% năm 2020.Phát triển gián tiếp thị trường EU, Mexico qua các khách hàng ở nội địa;Phát triển sản phẩm mới như sợi tái chế màu, sợi đặc biệt khác...

2. Thành tựu đạt được

- Mặc dù Quý 2 năm 2020 Công ty gặp nhiều khó khăn do dịch Covid-19 lan rộng ở các nước Mỹ, Nhật, Hàn Quốc và Châu Âu, Công ty đã nhanh chóng phục hồi vào cuối Quý 3 và Quý 4. Nhìn chung, Công ty đã đạt được kế hoạch trình Đại hội đồng cổ đông năm 2020.
- Chiến lược kinh doanh linh hoạt, tiết giảm hao phí nhà máy, biên lợi nhuận gộp đạt 14,5% và lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu vẫn đạt 13,3% năm 2020.
- Chủ động quản trị rủi ro nguồn vốn như trả nợ vay để giảm chi phí tài chính, từ đó góp phần ổn định tình hình tài chính;
- Giải phóng hàng tồn kho về mức tiêu chuẩn, góp phần giảm chi phí;
- Hệ thống hóa kho bãi, nâng cao chất lượng dịch vụ cung ứng cho khách hàng.

3. Điểm cần cải thiện

- Cần nâng cao công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm và phát triển thêm khách hàng các thương hiệu để duy trì tốc độ tăng trưởng của Công ty..

4. Tình hình thực hiện mục tiêu môi trường-xã hội

Về mục tiêu môi trường:

Trong năm 2020, Ban điều hành đã nỗ lực áp dụng các biện pháp cải tiến chất lượng sản xuất nhằm đạt mục tiêu mở rộng sản xuất nhưng giảm mức tác động đến môi trường xung quanh, từ đó giảm mức tiêu hao năng lượng, cụ thể:

- Giảm tổng mức tiêu thụ điện: 16%
- Giảm tổng mức tiêu thụ nước: 5%
- Giảm lượng carbon footprint của điện trên 1 kilogram sản phẩm: 6%

Về mục tiêu xã hội:

Với tiêu chí phát triển kinh tế gắn liền với sự phát triển cộng đồng-xã hội, Công ty đã tạo thêm nhiều việc làm tại địa phương, đóng góp 68 tỷ đồng vào ngân sách nhà nước. Ngoài ra, Công ty luôn áp dụng các chính sách có lợi cho người lao động, khuyến khích người lao động tạo ra nhiều giá trị hơn cho xã hội và nền kinh tế.

5. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành

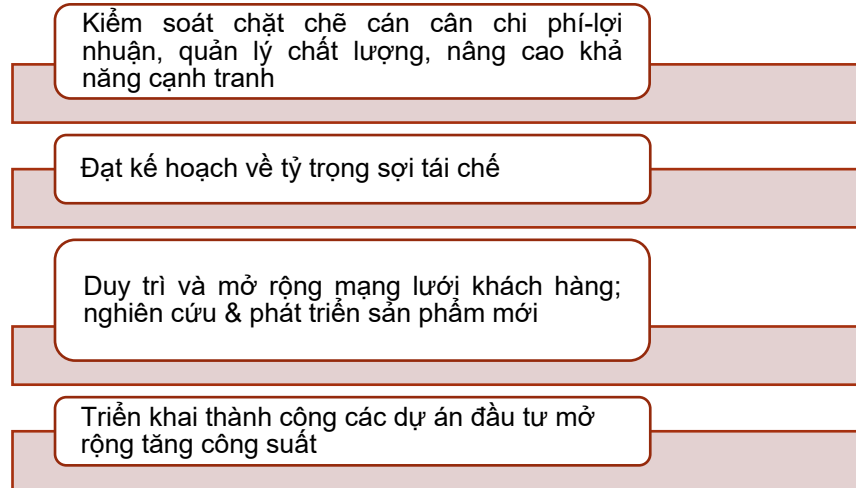
✓ Phương thức giám sát

- HĐQT thực hiện việc giám sát định kỳ và thường xuyên đối với Ban điều hành thông qua các cuộc họp HĐQT định kỳ, các cuộc họp thông qua thư điện tử, về tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ.
- HĐQT đã thảo luận và phê chuẩn các Nghị quyết của Hội đồng quản trị dựa trên đề xuất của Ban điều hành;
- Ban điều hành có trách nhiệm giải thích chi tiết về kết quả kinh doanh quý và năm, dự báo kết quả kinh doanh của quý hoặc năm tiếp theo.

✓ Kết quả thực hiện

- Ban điều hành đã triển khai thực hiện nhiệm vụ theo đúng tinh thần Nghị quyết của và HĐQT.
- HĐQT đã đưa ra các giải pháp cải tiến hoạt động, quản trị rủi ro, hỗ trợ Ban điều hành, từ đó đạt được những thành tựu nhất định trong năm 2020.
- Kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2020 nhìn chung đạt mục tiêu đã đề ra.
- Ban điều hành cần phải nỗ lực hơn trong năm 2020 trước bối cảnh kinh doanh còn nhiều thách thức. Ban điều hành phải đưa ra chiến lược cụ thể cho hoạt động kinh doanh, tiếp tục phát triển và ổn định thị trường, nâng cao tỉ trọng đóng góp của sợi tái chế, phát triển sản phẩm mới, cân đối tình hình tài chính của Công ty.
- Các giám đốc chuyên trách cần phải thực hiện tốt chức năng của mình để hỗ trợ Tổng giám đốc điều hành và giám sát các hoạt động của các phòng ban, phát hiện những điểm cần cải tiến để ngăn ngừa rủi ro xuất phát từ nội bộ Công ty, từ đó tăng cường nội lực để ứng phó với các rủi ro từ bên ngoài.

6. Các nhiệm vụ trọng tâm đặt ra năm 2021



VIII.4.9 Đánh giá tình hình thực hiện quản trị Công ty năm 2020

Đánh giá theo Thẻ điểm quản trị Công ty khu vực ASEAN

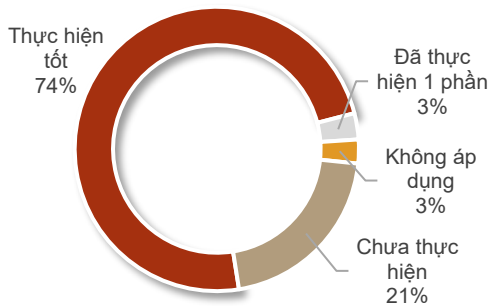
Dựa theo chuẩn mực quản trị Công ty của khu vực ASEAN (ASEAN Corporate Governance Scorecards), Sợi Thế Kỷ đã thực hiện tốt 108/146 tiêu chí trong Thẻ điểm Quản trị Công ty.

Các tiêu chí đã thực hiện tốt:

- Đảm bảo quyền cơ bản của cổ đông
- Đảm bảo đối xử bình đẳng với cổ đông
- Bảo vệ quyền lợi các bên có liên quan
- Đảm bảo công bố thông tin minh bạch
- Đảm bảo trách nhiệm của HĐQT được thực hiện

Các tiêu chí cần cải thiện:

- Cơ cấu HĐQT: chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT



Tình hình thực hiện quản trị Công ty theo pháp luật

Căn cứ theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, Quy chế quản trị của Công ty vẫn chưa thực hiện tại các điểm sau:

Quy định	Thực tiễn tại Công ty năm 2020	Nguyên nhân chưa thực hiện	Lộ trình điều chỉnh
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị của công ty niêm yết	Chưa thành lập các tiểu ban.	Công ty chưa tìm kiếm được nhân sự phù hợp.	Công ty sẽ tiếp tục lên kế hoạch thành lập tiểu ban.

VIII.4.10 Đánh giá hoạt động của HĐQT năm 2020

- Chủ tịch HĐQT đã được bổ nhiệm mới từ ngày 14/02/2020. Chủ tịch HĐQT đã đưa ra những định hướng và xem xét chiến lược do BDH đề trình.
- Cơ cấu của HĐQT đảm bảo tuân thủ qui định khi có 3/7 thành viên HĐQT độc lập.
- Các thành viên HĐQT độc lập không điều hành đã tích cực tham gia các cuộc họp của HĐQT, giám sát hoạt động của Ban điều hành và đưa ra những góp ý thiết thực cho Ban điều hành và HĐQT trong việc xây dựng chiến lược kinh doanh, triển khai các kế hoạch kinh doanh và nâng cao chất lượng của hoạt động quản trị doanh nghiệp.
- Các thành viên HĐQT đã được cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời để có thể đưa ra những đánh giá phân tích đúng đắn về tình hình doanh nghiệp và thực hiện các nghĩa vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của Công ty.
- Các cuộc họp HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty. Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, được lưu trữ theo đúng quy định.

VIII.5 Các kế hoạch, định hướng của HĐQT năm 2021

- Tiếp tục giám sát và chỉ đạo hoạt động của TGD và Ban điều hành nhằm thực hiện các kế hoạch kinh doanh trong năm 2021.
- Song hành với TGD và Ban điều hành trong việc xác định các cơ hội mở rộng kinh doanh và hoạch định chiến lược kinh doanh bền vững cho STK.
- Hoạch định chiến lược và chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân sự.
- Giám sát tình hình quản lý chi phí, hiệu quả hoạt động của Ban điều hành.

VIII.6 Kế hoạch nâng cao chất lượng quản trị Công ty năm 2021

- Cập nhật các điều luật mới như Quy chế quản trị theo Thông tư 116/BTC, Luật doanh nghiệp năm 2020, Luật chứng khoán 2019, và phổ biến cho các thành viên HĐQT thực hiện theo đúng quy định.
- Tiến hành đánh giá hoạt động của từng thành viên HĐQT hoặc thuê chuyên gia tư vấn/cố vấn bên ngoài để đánh giá việc này.
- Thống kê các thành viên chưa tham gia các khoá học về Quản trị Công ty để từ đó đăng ký các khoá đào tạo đảm bảo có đầy đủ chứng chỉ đào tạo theo quy định.
- Xây dựng các chương trình định hướng cho thành viên HĐQT đầy đủ và chi tiết hơn.



VIII.7 Kế hoạch huy động vốn tài trợ cho các dự án đầu tư mới

Xem Mục **Kế hoạch đầu tư**, trang 55, Báo cáo thường niên năm 2020.

IX. BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

IX.1 Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

Thành viên và cơ cấu ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023 (bắt đầu từ ngày 17/04/2018)

	Ông Nguyễn Tự Lực	
	<i>Trưởng Ban kiểm soát</i>	
	Năm sinh	1952
	Trình độ học vấn	Cử nhân Kế toán
	Quá trình làm việc	2007 - nay: Trưởng Ban Kiểm soát, STK 2006 - nay: Trợ lý Tổng Giám đốc, STK 2000 - 2006: Kế toán trưởng, STK 1984 - 2000: Kế toán trưởng, Công ty XNK Giày dép Nam Á 1979 - 1984: Kế toán tổng hợp Công ty Khách sạn TP.HCM, Kế toán trưởng Khách sạn Sài Gòn
	Bà Hoàng Nữ Mộng Tuyền	
	<i>Thành viên Ban kiểm soát</i>	
	Năm sinh	1990
	Trình độ học vấn	Cử nhân
	Quá trình làm việc	2012 – 2019: Trưởng nhóm kinh doanh, STK 2019 – 2020: Trợ lý TGĐ 2020 – nay: Chuyên viên KD Công ty KPack
	Bà Đinh Ngọc Hoa	
	<i>Thành viên Ban kiểm soát</i>	
	Năm sinh	1979
	Trình độ học vấn	Cử nhân ngành Kinh doanh tiền tệ
	Quá trình làm việc	2005 - nay: Trưởng Phòng Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ, STK 2002 - 2004: Nhân viên kế toán CTY TNHH Vĩ Hợp

Tỷ lệ sở hữu của các thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023

STT	Họ và tên	Chức danh	Cá nhân sở hữu	Tỷ lệ (%)	Chức danh kiêm nhiệm trong BKS của các công ty khác	Tỷ lệ
1	Nguyễn Tự Lực	Trưởng BKS	2.000	0,003%	-	-

2	Hoàng Nữ Mộng Tuyền	Thành viên BKS	3.147	0,004%	-	-
3	Đinh Ngọc Hoa	Thành viên BKS	10.008	0,014%	-	-

IX.2 Hoạt động của Ban kiểm soát

Chương trình hoạt động của BKS trong năm 2020 là tiến hành họp để xây dựng kế hoạch hoạt động của BKS trong năm, trong đó có phân công công việc đảm trách của từng thành viên BKS, trong năm BKS đã họp 4 lần, cụ thể như sau:

- ✓ Giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty
- ✓ Tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ
- ✓ Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban điều hành Công ty
- ✓ Đánh giá về sự phối hợp của HĐQT với Ban Điều Hành.
- ✓ Đánh giá về tình hình đầu tư của Công ty, các dự án đã và đang thực hiện theo NQ HĐQT.
- ✓ Từ đó đưa ra kiến nghị đối với HĐQT trong các năm tiếp theo.

IX.2.1 Các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Nội dung	Ngày họp	Kết quả
1	Đánh giá tình hình hoạt động cả năm 2019	17/01/2020	BKS thống nhất về kết quả kinh doanh cả năm 2019.
2	Thảo luận kế hoạch hoạt động năm 2020	27/5/2020	BKS đồng ý về kế hoạch kinh doanh năm 2020.
3	Thảo luận, đánh giá tình hình hoạt động Quý 3 và 9 tháng năm 2020	28/8/2020	BKS đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động của 9 tháng năm 2020 và cải tiến cho hoạt động Quý 4.
4	Thảo luận, đánh giá tình hình hoạt động Quý 4 và cả năm 2020, dự báo kết quả kinh doanh năm 2021.	28/10/2020	BKS đồng ý với dự báo kết quả kinh doanh năm 2021.

IX.3 Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát

IX.3.1 Đánh giá của BKS về tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020

- Các phiên họp Hội đồng quản trị có mời trường ban Ban kiểm soát tham dự đầy đủ.
- Nhìn chung, Hội đồng quản trị công ty đã thực hiện đầy đủ, nghiêm chỉnh các nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị theo điều lệ công ty, đảm bảo việc chỉ đạo, quản trị Công ty theo đúng pháp luật.

Phân phối lợi nhuận năm tài chính 2019:

Cổ tức bằng tiền mặt 15%/mệnh giá

Thời gian thực hiện

Tháng 07/2020

Kết quả kinh doanh 2020

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2020	So sánh với thực hiện năm 2019	So sánh với kế hoạch năm 2020
Doanh thu thuần	1.766	-20,8%	98,2%
Lợi nhuận trước thuế	164,5	-35,0%	112,6%
Lợi nhuận sau thuế	144,4	-32,7%	110,7%

Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 31/12/2019
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	37%	38%
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	63%	62%
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,25	0,85
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,11	0,93
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,41	0,34
Tỷ suất sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS)	%	8,18%	7,41%
Lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	8,47%	8,4%
Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	13,33%	19,6%

Công bố thông tin

Công ty chấp hành đúng các nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định về việc công bố thông tin của công ty đại chúng niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

IX.3.2 Kết quả giám sát của BKS đối với hoạt động của HĐQT

- BKS đã tham gia các phiên họp của HĐQT với vai trò quan sát viên để nắm tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư và tham gia đóng góp ý kiến tại cuộc họp trong trách nhiệm và quyền hạn của mình.
- BKS đã theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty và kiểm tra tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông và HĐQT đảm bảo công khai, minh bạch.
- BKS đã định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra tính tuân thủ các Quy chế, Điều lệ, tính hợp lý trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất của công ty.
- Trong năm 2020, BKS tiếp tục duy trì việc chú trọng vào kiểm soát rủi ro, thông qua việc rà soát lại quy trình, quy chế hiện có phù hợp với Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các quy định hiện hành, tiến tới đề nghị đề nghị bổ sung các quy trình, quy chế còn thiếu đảm bảo, để STK hoạt động an toàn và phòng ngừa các rủi ro tiềm ẩn.
- Tiến hành các cuộc họp (trực tiếp và bằng văn bản) để thống nhất thông qua về kết quả kinh doanh, các chiến lược và mục tiêu phát triển theo từng quý, bán niên, cả năm của Công ty.

IX.3.3 Kết quả giám sát của BKS đối với hoạt động của Ban điều hành

Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các nghị quyết của Hội đồng quản trị, chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, quy định của nhà nước trong điều hành sản xuất, cụ thể:

- Chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của STK theo kế hoạch kinh doanh đã được thông qua ĐHĐCĐ năm 2020 thông qua.
- Tuân thủ quy định pháp luật về góp vốn, xây dựng, đầu tư, đăng ký kinh doanh.
- Triển khai các cuộc họp thống nhất chiến lược hành động mục tiêu kinh doanh, giải quyết các vấn đề còn tồn tại trong quản lý và hoạt động kinh doanh, quản trị rủi ro đến từ nội tại Công ty và môi trường bên ngoài.

Dựa trên kết quả kinh doanh năm 2020, BKS đánh giá Ban điều hành đã hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm của mình trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt được mục tiêu lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên mục tiêu về doanh thu thuần vẫn chưa đạt.

IX.3.4 Giám sát tình hình tài chính của Công ty

- Công ty đã lập Báo cáo tài chính Quý (04 Báo cáo/năm) và công bố theo quy định của pháp luật và nghĩa vụ CBTT của Công ty nghiêm yết.
- Báo cáo tài chính soát xét hợp nhất và Báo cáo tài chính năm hợp nhất của CTCP Sợi Thế Kỷ đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2020 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại 31/12/2020, phù hợp với chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Số liệu kế toán được công bố không có sự thay đổi đột ngột khi so sánh số liệu không kiểm toán hàng quý và số liệu đã soát xét, kiểm toán bởi EY Việt Nam.

IX.3.5 Đánh giá của BKS về sự phối hợp hoạt động giữa BKS, HĐQT và BTGD trong năm 2020

- Sự am hiểu kinh doanh, tầm nhìn chiến lược của HĐQT:

Hầu hết các thành viên trong Hội đồng quản trị có hiểu biết và kinh nghiệm trong lãnh vực sản xuất sợi, bên cạnh đó có trình độ về quản trị doanh nghiệp vì đã được đào tạo và kinh qua nắm giữ các trọng trách lãnh đạo các doanh nghiệp, trên cơ sở đó cho thấy Hội đồng quản trị có đầy đủ có tầm nhìn chiến lược để lãnh đạo công ty.

Nhìn chung, Hội đồng công ty đã thực hiện đầy đủ, nghiêm chỉnh các nhiệm vụ và quyền hạn của hội đồng quản trị theo điều lệ công ty, đảm bảo việc chỉ đạo, quản trị Công ty theo đúng pháp luật

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên có trình độ và kinh nghiệm thời gian làm việc tại các tổ chức khác nhau. Do đó, các thành viên đều thành thạo và hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Ban kiểm soát đã lên kế hoạch cho năm thứ hai của nhiệm kỳ 2018-2023 và phân công công việc cho mỗi thành viên thực hiện báo cáo BKS trình bày tại Đại hội cổ đông thường niên.

IX.3.6 Kết quả giải quyết khiếu nại của Cổ đông đối với Công ty (nếu có)

Trong năm 2020, BKS không nhận được bất kỳ khiếu nại hay yêu cầu nào cần phải thẩm định hay kiểm tra bất thường trong hoạt động của Công ty.

IX.3.7 Kiến nghị và phương hướng hoạt động của BKS đối với 2020

- Kế hoạch hoạt động năm 2021 của BKS: tiếp tục thực hiện theo chiến lược định hướng chung của Công ty.
- Kiến nghị: Trên cơ sở do STK đang được điều hành phù hợp theo các quy định hiện hành. BKS nhận thấy chưa có các phát sinh bất cập trong quá trình giám sát của mình, và BKS không có ý kiến hay kiến nghị gì.

X. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

X.1 Ngăn ngừa xung đột lợi ích

Các Thành Viên HĐQT, Thành Viên BKS, Tổng Giám Đốc Điều Hành và cán bộ quản lý khác (“Người Quản Lý”) của Công ty tuân thủ các quy định tại Điều 33 của Điều lệ Công ty về trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi. Cụ thể như sau:

1. Người Quản Lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Người Quản Lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho Người Quản Lý và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều Người Quản Lý khác, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều Người Quản Lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được báo cáo cho HĐQT hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, HĐQT hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc
 - b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Người Quản Lý đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc một tiểu ban trực thuộc HĐQT hay các cổ đông cho phép thực hiện.

X.2 Giao dịch trọng yếu của STK với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	2020	2019
Công ty TNHH P.A.N Châu Á	Bên liên quan của TV HĐQT	Bán hàng	8.822.791.669	18.383.946.860
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Liên An	Bên liên quan của TV HĐQT	Bán hàng		17.877.581.900
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Hưng Lợi	Bên liên quan của TV HĐQT	Bán hàng	59.814.773.065	8.655.709.290

Các giao dịch với các bên có liên quan nêu trên đều có nghị quyết của HĐQT thông qua, căn cứ theo quy định của Điều lệ và theo cơ chế thị trường.

X.3 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ năm 2020

Vui lòng xem mục **Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết năm 2020, trang 58**, Báo cáo thường niên năm 2020.

X.4 Lương, thưởng và thù lao của HĐQT, BKS và Ban điều hành

X.4.1 Lương, thưởng và thù lao của HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao được nhận (trước thuế)	Lương (%)	Thưởng (%)	Thời gian năm giữ chức vụ trong năm
1	Đặng Mỹ Linh	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	-	-	01/01/2020-31/12/2020
2	Đặng Triệu Hòa	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	120.000.000	-	-	01/01/2020-31/12/2020
3	Đặng Hường Cường	Thành viên HĐQT không điều hành	120.000.000	-	-	01/01/2020-31/12/2020
4	Cao Thị Quế Anh	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	180.000.000	-	-	01/01/2020-31/12/2020
5	Võ Quang Long	Thành viên HĐQT không điều hành	120.000.000			01/01/2020-31/12/2020

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao được nhận (trước thuế)	Lương (%)	Thưởng (%)	Thời gian năm giữ chức vụ trong năm
6	Chen Che Jen	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	180.000.000	-	-	01/01/2020- 31/12/2020
7	Nguyễn Quốc Hương	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	180.000.000	-	-	01/01/2020- 31/12/2020
Tổng cộng (VND)			1.020.000.000			

X.4.2 Lương, thưởng và thù lao của BKS

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao được nhận (trước thuế)	Lương (%)	Thưởng (%)	Thời gian năm giữ chức vụ trong năm
1	Nguyễn Tự Lực	Trưởng BKS	48.000.000	84,44%	15,56%	01/01/2020- 31/12/2020
2	Hoàng Nữ Mộng Tuyền	Thành viên BKS	48.000.000			01/01/2020- 31/12/2020
3	Đinh Ngọc Hoa	Thành viên BKS	48.000.000	82,43%	17,57%	01/01/2020- 31/12/2020
Tổng cộng (VND)				565.418.752		

X.4.3 Lương, thưởng và thù lao của Ban Điều Hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao được nhận (trước thuế)	Lương (%)	Thưởng (%)	Thời gian năm giữ chức vụ trong năm
1	Đặng Triệu Hòa	TGD	-	84,61%	15,39%	06/2010 - nay
2	Nguyễn Phương Chi	GĐ chiến lược	-	81,49%	18,51%	01/2015 - nay
3	Phan Như Bích	GĐ tài chính	-	81,90%	18,10%	10/2016 - nay
Tổng cộng (VND)				4.068.688.140		

XI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN HỢP NHẤT

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0302019927 sửa đổi lần thứ 19 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 8 năm 2020.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch STK theo Quyết định số 410/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2015.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty trong năm hiện hành là sản xuất sợi tổng hợp và dệt kim. Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu B1-1, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có chi nhánh Trảng Bàng tại Đường số 8, Khu Công nghiệp Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, và một văn phòng đại diện ở địa chỉ 102-104-106 Bà Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Mỹ Linh	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 14 tháng 2 năm 2020
	Thành viên	miễn nhiệm ngày 13 tháng 2 năm 2020
Ông Đặng Triệu Hòa	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 14 tháng 2 năm 2020
	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 13 tháng 2 năm 2020
Ông Đặng Hương Cường	Thành viên	
Bà Cao Thị Quế Anh	Thành viên	
Ông Chen Che Jen	Thành viên	
Ông Võ Quang Long	Thành viên	
Ông Nguyễn Quốc Hương	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tự Lực	Trưởng ban
Bà Hoàng Nữ Mộng Tuyền	Thành viên
Bà Đinh Ngọc Hoa	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Triệu Hòa	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Phương Chi	Giám đốc chiến lược
Ông Phan Như Bích	Giám đốc tài chính

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Triệu Hòa.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ (“Công ty”) trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Đặng Triệu Hòa
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 22 tháng 3 năm 2021
Số tham chiếu: 60867230/21093828-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ (“Công ty”) và công ty con (sau đây được gọi chung là “Nhóm Công ty”) được lập ngày 22 tháng 3 năm 2021, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2223-2018-004-1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 22 tháng 3 năm 2021

Đặng Minh Tài
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2815-2019-004-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		633.371.718.157	879.671.740.019
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	95.106.312.655	150.025.727.572
111	1. Tiền		30.106.312.655	14.025.727.572
112	2. Các khoản tương đương tiền		65.000.000.000	136.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		26.000.000.000	80.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	26.000.000.000	80.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		97.688.087.322	98.415.173.904
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	92.809.238.635	94.290.868.321
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	3.217.507.951	2.446.151.451
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.661.340.736	1.678.154.132
140	IV. Hàng tồn kho	10	400.542.739.062	524.957.682.859
141	1. Hàng tồn kho		425.066.824.955	539.301.164.894
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(24.524.085.893)	(14.343.482.035)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		14.034.579.118	26.273.155.684
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	5.737.949.327	7.684.573.766
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	18	8.172.826.500	18.502.698.844
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	123.803.291	85.883.074
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.070.017.388.056	1.191.601.316.113
210	I. Phải thu dài hạn		11.279.690.982	-
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	9	11.279.690.982	-
220	II. Tài sản cố định		913.921.743.038	1.048.021.294.256
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	913.710.763.342	1.047.700.238.196
222	Nguyên giá		2.054.740.200.284	2.055.787.018.466
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.141.029.436.942)	(1.008.086.780.270)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	210.979.696	321.056.060
228	Nguyên giá		14.385.298.205	14.385.298.205
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(14.174.318.509)	(14.064.242.145)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		564.242.372	1.276.183.372
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	564.242.372	1.276.183.372
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	14	7.616.226.913	1.697.845.959
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		1.519.092.895	1.697.845.959
253	2. Đầu tư vào công ty khác		6.097.134.018	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		136.635.484.751	140.605.992.526
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	131.068.041.788	135.294.053.341

262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	5.567.442.963	5.311.939.185
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.703.389.106.213	2.071.273.056.132
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		620.597.385.805	988.153.508.712
310	I. Nợ ngắn hạn		568.582.386.996	823.668.989.301
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	261.567.062.160	228.826.462.237
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	43.677.430.203	38.904.567.735
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	4.881.465.992	2.011.823.443
314	4. Phải trả người lao động		20.994.484.171	28.186.498.161
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	5.142.883.544	7.245.093.814
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	6.173.815.761	5.310.529.163
320	7. Vay ngắn hạn	21	222.563.222.915	510.474.231.598
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.582.022.250	2.709.783.150
330	II. Nợ dài hạn		52.014.998.809	164.484.519.411
338	1. Vay dài hạn	21	51.678.081.226	164.112.248.703
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		336.917.583	372.270.708
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.082.791.720.408	1.083.119.547.420
410	I. Vốn chủ sở hữu	22.1	1.082.791.720.408	1.083.119.547.420
411	1. Vốn cổ phần		707.269.440.000	707.269.440.000
411 a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		707.269.440.000	707.269.440.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		35.093.198.872	35.093.198.872
413	3. Cổ phiếu quỹ		(42.410.550.000)	-
418	4. Quỹ đầu tư và phát triển		1.219.011.000	1.219.011.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		381.620.620.536	339.537.897.548
421 a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		237.259.956.548	125.114.499.490
421 b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		144.360.663.988	214.423.398.058
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.703.389.106.213	2.071.273.056.132

Người lập
Phan Thanh Phú

Kế toán trưởng
Phan Như Bích

Tổng Giám đốc
Đặng Triệu Hòa

Ngày 22 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	22.1	1.767.404.091.979	2.231.825.707.808
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(1.737.753.340)	(2.841.084.145)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	22.1	1.765.666.338.639	2.228.984.623.663
11	4. Giá vốn hàng bán		(1.510.394.847.210)	(1.874.854.239.562)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		255.271.491.429	354.130.384.101
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	11.483.697.913	14.278.599.770
22	7. Chi phí tài chính	23	(21.637.833.788)	(35.205.005.009)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>(16.392.410.718)</i>	<i>(30.714.160.176)</i>
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết	13	(178.753.064)	(186.742.435)
25	9. Chi phí bán hàng	24	(23.679.420.379)	(26.906.231.821)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(57.222.933.716)	(57.920.605.533)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		164.036.248.395	248.190.399.073
31	12. Thu nhập khác		1.122.471.621	1.540.510.469
32	13. Chi phí khác		(669.476.686)	3.189.245.097
40	14. Lợi nhuận (lỗ) khác		452.994.935	4.729.755.566
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		164.489.243.330	252.920.154.639
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(20.384.083.120)	(36.189.463.822)
52	17. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.3	255.503.778	(2.307.292.759)
60	18. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		144.360.663.988	214.423.398.058
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		144.360.663.988	214.423.398.058
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	2.091	3.163
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	29	2.091	3.163

Người lập

Phan Thanh Phú

Ngày 22 tháng 3 năm 2021

Kế toán trưởng

Phan Như Bích

Tổng Giám đốc

Đặng Triệu Hòa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		164.489.243.330	252.920.154.639
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	10, 11	133.576.172.429	136.956.773.221
03	(Hoàn nhập dự phòng)/dự phòng		10.359.356.922	(16.873.882.881)
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(3.379.735.621)	(1.829.474.182)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(4.009.384.163)	(5.228.390.815)
06	Chi phí lãi vay	23	16.392.410.718	30.714.160.176
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		317.428.063.615	396.659.340.158
09	Tăng các khoản phải thu		10.716.364.981	(25.835.856.560)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		114.234.339.939	1.872.120.326
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		31.542.422.827	(113.829.560.167)
12	Tăng chi phí trả trước		6.172.635.992	(10.568.408.236)
13	Tiền lãi vay đã trả		(17.221.086.787)	(30.144.364.731)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(17.552.647.197)	(48.064.095.345)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.442.339.682	2.049.281.161
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.570.100.582)	(1.282.589.793)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		446.192.332.470	170.855.866.813
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		-	(9.772.090.921)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		207.272.727	260.000.000
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(11.279.690.982)	(35.000.000.000)
26	Tiền thu hồi khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		54.000.000.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi		(6.097.134.018)	-
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		41.142.588.699	(35.195.757.936)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	21.1	-	65.733.563.493

33	Tiền thu từ đi vay		(42.410.550.000)	-
34	Tiền trả nợ gốc vay		725.560.629.230	1.045.014.508.520
36	Cổ tức đã trả cho các cổ đông	21.2	(1.123.451.073.930)	(1.143.446.901.580)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(542.510.468.725)	(138.707.973.241)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(55.175.547.556)	(3.047.864.364)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		150.025.727.572	153.072.426.650
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		256.132.639	1.165.286
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	95.106.312.655	150.025.727.572

 Người lập
 Phan Thanh Phú

 Kế toán trưởng
 Phan Như Bích

 Tổng Giám đốc
 Đặng Triệu Hòa

Ngày 22 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0302019927 sửa đổi lần thứ 18 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 8 năm 2020.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch STK theo Quyết định số 410/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2015.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty trong năm hiện tại là sản xuất sợi tổng hợp và dệt kim.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu B1-1, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có chi nhánh Trảng Bàng tại Đường số 8, Khu Công nghiệp Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, và một văn phòng đại diện ở địa chỉ 102-104-106 Bàu Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và công ty con (“Nhóm Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 1.031 (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 963).

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có một công ty con như sau:

Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm Unitex tiền thân là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 452033000336 do Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 29 tháng 6 năm 2015 và Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 3901206611 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 29 tháng 6 năm 2015, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động kinh doanh chính theo Giấy chứng nhận Đầu tư của Unitex là sản xuất xơ sợi, vải thành phẩm. Unitex có trụ sở chính tọa lạc tại lô A17.1, đường C1, Khu Công Nghiệp Thành Thành Công, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hiện tại, Unitex đang trong giai đoạn trước hoạt động.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty nắm giữ 100% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tại Unitex.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (“Nhóm Công ty”) được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);

Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);

Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);

Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và

Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|-----------------|---|
| Nguyên vật liệu | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch thu tiền thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch thu tiền thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	4 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 15 năm
Phương tiện vận tải	4 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy vi tính	4 - 5 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng; và
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Củ Chi vào ngày 3 tháng 7 năm 2000 trong thời hạn 50 năm và Công ty Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Tây Ninh vào ngày 21

tháng 7 năm 2009 trong thời hạn 45 năm và vào ngày 31 tháng 10 năm 2017 đến ngày 14 tháng 7 năm 2053.

Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng để hình thành tài sản nhưng chưa được đưa vào sử dụng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của Nhóm Công ty liên kết sau ngày Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Nhóm Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Bộ luật Lao động, và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Nhóm Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 để hạch toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty được hạch toán theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch (“tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình”). Tỷ giá xấp xỉ này có chênh lệch không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá chuyển khoản này là tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông của Công ty khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ kế toán năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.19 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Nhóm Công ty trong năm hiện hành là sản xuất sợi tổng hợp và dệt kim. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	51.924.445	52.452.397
Tiền gửi ngân hàng	30.054.388.210	13.973.275.175
Các khoản tương đương tiền (*)	65.000.000.000	136.000.000.000
TỔNG CỘNG	95.106.312.655	150.025.727.572

(*) Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có thời hạn không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất có thể áp dụng.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có thời hạn từ ba (3) tháng trở lên và hưởng lãi suất có thể áp dụng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các bên khác	92.441.137.090	92.627.651.711
- Công ty TNHH Polytex Far Eastern (Việt Nam)	13.335.741.492	4.268.161.127
- Công ty TNHH Formosa Taffeta Đồng Nai	12.564.727.014	14.923.517.117
- Công ty TNHH Formosa Taffeta Việt Nam	12.362.512.657	7.928.546.879
- Công ty TNHH Gain Lucky Việt Nam	11.863.660.108	8.485.120.800
- Y.R.C Textile Co., Ltd	10.733.737.699	17.714.088.690
- Khác	31.580.758.120	39.308.217.098
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	368.101.545	1.663.216.610
TỔNG CỘNG	92.809.238.635	94.290.868.321

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Oerlikon Barmag Zweigniederlassung	1.252.864.321	589.407.693

Changzhou Jason Internation Trade	610.915.500	-
Khác	1.353.728.130	1.856.743.758
TỔNG CỘNG	3.217.507.951	2.446.151.451

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	1.149.777.307	1.221.397.593
Khác	511.563.429	456.756.539
TỔNG CỘNG	1.661.340.736	1.678.154.132

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

Đây là khoản cho Công ty TNHH Dintsun Việt Nam (“Dintsun”) vay theo Biên bản Thỏa thuận Góp vốn Đầu tư số DTVN - 2019001 ký ngày 12 tháng 12 năm 2019 để bổ sung vốn đầu tư dự án Khu Công nghiệp Sóc Trăng và không chịu lãi suất.

10. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	249.567.912.347	(20.926.659.793)	322.026.575.272	(10.179.057.241)
Nguyên vật liệu	152.646.033.124	(3.597.426.100)	179.478.522.412	(4.164.424.794)
Hàng mua đang đi trên đường	22.852.879.484	-	37.796.067.210	-
TỔNG CỘNG	425.066.824.955	(24.524.085.893)	539.301.164.894	(14.343.482.035)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(14.343.482.035)	(31.404.107.351)
<i>Cộng:</i> Dự phòng trích lập trong năm	(10.747.602.552)	(15.402.074.607)
<i>Trừ:</i> Hoàn nhập dự phòng trích lập trong năm	566.998.694	32.462.699.923
Số cuối năm	(24.524.085.893)	(14.343.482.035)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	304.608.626.458	1.563.560.029.589	182.826.636.339	4.791.726.080	2.055.787.018.466
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.046.818.182)	-	(1.046.818.182)
Số cuối năm	<u>304.608.626.458</u>	<u>1.563.560.029.589</u>	<u>181.779.818.157</u>	<u>4.791.726.080</u>	<u>2.054.740.200.284</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>83.900.367.044</i>	<i>137.306.365.911</i>	<i>21.121.654.126</i>	<i>286.355.981</i>	<i>242.614.743.062</i>
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(131.582.665.642)	(763.771.963.535)	(108.330.866.506)	(4.401.284.587)	(1.008.086.780.270)
Khấu hao trong năm	(9.925.013.266)	(104.361.519.232)	(19.071.123.567)	(108.440.000)	(133.466.096.065)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	523.439.393	-	523.439.393
Số cuối năm	<u>(141.507.678.908)</u>	<u>(868.133.482.767)</u>	<u>(126.878.550.680)</u>	<u>(4.509.724.587)</u>	<u>(1.141.029.436.942)</u>
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	<u>173.025.960.816</u>	<u>799.788.066.054</u>	<u>74.495.769.833</u>	<u>390.441.493</u>	<u>1.047.700.238.196</u>
Số cuối năm	<u>163.100.947.550</u>	<u>695.426.546.822</u>	<u>54.901.267.477</u>	<u>282.001.493</u>	<u>913.710.763.342</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 20.2)</i>	<i>93.908.250.469</i>	<i>271.025.466.189</i>	<i>45.959.761.415</i>	<i>88.000.000</i>	<i>410.981.478.073</i>

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

Phần mềm máy vi tính

Nguyên giá:Số đầu năm và số cuối năm 14.385.298.205

Trong đó:

Đã hao mòn hết 13.834.916.387**Giá trị hao mòn lũy kế:**

Số đầu năm (14.064.242.145)

Hao mòn trong năm (110.076.364)

Số cuối năm (14.174.318.509)**Giá trị còn lại:**Số đầu năm 321.056.060Số cuối năm 210.979.696**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Máy móc thiết bị	255.522.372	255.522.372
Mua tài sản khác	308.720.000	1.020.661.000
TỔNG CỘNG	<u>564.242.372</u>	<u>1.276.183.372</u>

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 14.1)	1.519.092.895	1.697.845.959
Đầu tư vào công ty khác (Thuyết minh số 14.2)	6.097.134.018	-
TỔNG CỘNG	<u>7.616.226.913</u>	<u>1.697.845.959</u>

14.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc VND
Công ty Cổ phần E.DYE Việt Nam	36	<u>2.386.800.000</u>	36	<u>2.386.800.000</u>

Công ty Cổ phần E.DYE Việt Nam (“E.DYE”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0314352362 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 4 năm 2017. Hoạt động chính theo Giấy chứng nhận Đăng ký Đầu tư (“GCNĐKĐT”) của E.DYE là thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn, phân phối bán lẻ hàng hóa. E.DYE có trụ sở chính đăng ký tại số 102-104-106 đường Bàu Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này như sau:

VND

Công ty Cổ phần E.DYE
Việt Nam

Giá trị đầu tư:

Số đầu năm và cuối năm	2.386.800.000
Phản lỗ sau khi đầu tư vào công ty liên kết:	
Số đầu năm	(688.954.041)
Phản lỗ từ công ty liên kết	(178.753.064)
Số cuối năm	(867.707.105)
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	1.697.845.959
Số cuối năm	1.519.092.895

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đang trong quá trình thu hồi khoản đầu tư vào E.DYE theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 15-2019/NQHĐQT/TK và số 16-2019/NQHĐQT/TK ngày 19 tháng 6 năm 2019.

14.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty TNHH Dintsun Việt Nam	5	6.097.134.018	-	-

Công ty TNHH Dintsun Việt Nam là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2200764052 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 5 năm 2019. Hoạt động chính theo Giấy chứng nhận Đăng ký Đầu tư ("GCNĐKĐT") của Dintsun là đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng. Dintsun có trụ sở chính đăng ký tại Ấp Xây Đá B, Xã Hồ Đắc Kiện, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	5.737.949.327	7.684.573.766
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.529.685.356	5.764.297.394
Chi phí thuê xe	1.740.029.437	1.644.860.512
Khác	468.234.534	275.415.860
Dài hạn	131.068.041.788	135.294.053.341
Tiền thuê đất (quyền sử dụng đất) (*)	115.387.977.620	116.122.079.350
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	15.648.479.102	18.778.727.849
Khác	31.585.066	393.246.142
TỔNG CỘNG	136.805.991.115	142.978.627.107

(*) Như được trình bày trong Thuyết minh số 20.2, Nhóm Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tainan Spinning Co., Ltd.	100.793.520.100	143.907.844.735
Unifi Textile (Suzhou) Co., Ltd.	64.746.072.350	32.058.075.500
Chori Co., Ltd	39.194.833.440	14.467.661.640
Thai Toray Synthetics Co., Ltd.	19.117.870.000	12.361.568.256

	Khác		37.714.766.270	26.031.312.106
	TỔNG CỘNG		261.567.062.160	228.826.462.237
17.	NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN			
			Số cuối năm	Số đầu năm
	Các bên khác			
	Lear Corporation - Kenansville		13.053.879.216	-
	Công ty TNHH Global Dyeing		11.209.107.360	-
	Công ty TNHH Dệt nhuộm Nam Phương		3.781.339.848	10.132.537.779
	Treasure Star International Limited		3.344.845.959	11.576.002.964
	Khác		12.288.257.820	17.196.026.992
	TỔNG CỘNG		43.677.430.203	38.904.567.735
18.	THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC			
			Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/ cán trừ trong năm
		Số đầu năm		Số cuối năm
	Phải trả			
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.713.164.081	20.384.083.120	(17.552.647.197)
	Thuế xuất, nhập khẩu	255.901.763	5.784.749.294	(5.789.525.187)
	Thuế thu nhập cá nhân	-	48.316.420.363	(48.230.680.245)
	Thuế giá trị gia tăng	42.757.599	1.061.548.407	(1.104.306.006)
	Khác	-	23.874.527	(23.874.527)
	TỔNG CỘNG	2.011.823.443	75.570.675.711	(72.701.033.162)
			Số phải thu trong năm	Số đã cán trừ trong năm
		Số đầu năm		Số cuối năm
	Phải thu			
	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	18.502.698.844	94.458.794.911	(104.788.667.255)
	Khác	85.883.074	6.776.063.478	(6.738.143.261)
	TỔNG CỘNG	18.588.581.918	101.234.858.389	(111.526.810.516)
19.	CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN			
			Số cuối năm	Số đầu năm
	Chi phí tiện ích		3.064.460.161	3.486.222.748
	Chi phí hoa hồng bán hàng		1.759.156.676	2.660.074.708
	Chi phí lãi vay		238.727.919	988.796.358
	Khác		80.538.788	110.000.000
	TỔNG CỘNG		5.142.883.544	7.245.093.814
20.	PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC			
			Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ tức		3.092.177.775	3.337.350.476
	Bảo hiểm xã hội		195.256.065	126.789.090
	Khác		2.886.381.921	1.846.389.597
	TỔNG CỘNG		6.173.815.761	5.310.529.163

VND

VND

VND

VND

21. VAY

	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm		Phân loại đến hạn trả	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	VND
		Tăng	Giảm			Số cuối năm
Ngắn hạn						
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.1)	361.452.671.910	725.560.629.230	(917.667.191.402)	-	(1.801.901.088)	167.544.208.650
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21.2)	149.021.559.688	-	(205.783.882.528)	112.434.167.477	(652.830.372)	55.019.014.265
	<u>510.474.231.598</u>	<u>725.560.629.230</u>	<u>(1.123.451.073.930)</u>	<u>112.434.167.477</u>	<u>(2.454.731.460)</u>	<u>222.563.222.915</u>
Dài hạn						
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.2)	164.112.248.703	-	-	(112.434.167.477)	-	51.678.081.226
TỔNG CỘNG	<u>674.586.480.301</u>	<u>725.560.629.230</u>	<u>(1.123.451.073.930)</u>	<u>-</u>	<u>(2.454.731.460)</u>	<u>274.241.304.141</u>

21.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Các khoản vay tín chấp từ các ngân hàng được thực hiện nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, chịu lãi suất dao động từ 2,98% đến 4,00%/năm (đối với dư nợ ngoại tệ). Chi tiết được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Nguyên tệ	Kỳ hạn trả gốc
	VND	USD	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông Việt Nam	88.348.045.500	3.839.550	Từ ngày 10 tháng 1 đến ngày 24 tháng 6 năm 2021
Ngân hàng TNHH CTBC	47.782.566.000	2.076.600	Từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 4 tháng 5 năm 2021
Ngân hàng TNHH Woori – Chi nhánh Sài Gòn	31.413.597.150	1.365.215	7 tháng 7 năm 2021
TỔNG CỘNG	<u>167.544.208.650</u>	<u>7.281.365</u>	

21.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng chịu lãi suất dao động từ 2,29% đến 5,20%/năm (đối với dư nợ ngoại tệ). Chi tiết được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Nguyên tệ	Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	VND	USD		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	69.056.196.885	3.001.139	Từ ngày 20 tháng 1 năm 2021 đến ngày 20 tháng 4 năm 2022	Tài sản hình thành từ khoản vay, bao gồm quyền sử dụng đất (<i>Thuyết minh số 14</i>) và máy móc thiết bị (<i>Thuyết minh số 10</i>) tại Chi nhánh Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh
Ngân hàng TNHH CTBC	37.640.898.606	1.635.849	Từ ngày 16 tháng 3 năm 2021 đến ngày 5 tháng 12 năm 2022	Tài sản hình thành từ khoản vay, bao gồm toàn bộ máy móc và thiết bị nhập khẩu (<i>Thuyết minh số 10</i>) (dùng trong giai đoạn 4 và 5 của dự án Trảng Bàng)
TỔNG CỘNG	106.697.095.491	4.636.988		
<i>Trong đó:</i>				
Vay dài hạn đến hạn trả	55.019.014.265			
Vay dài hạn	51.678.081.226			

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước:						
Số đầu năm	599.377.980.000	35.297.435.379	-	1.219.011.000	273.158.575.490	909.053.001.869
Tăng vốn	107.891.460.000	(204.236.507)	-	-	(41.953.660.000)	65.733.563.493

Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	214.423.398.058	214.423.398.058
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(106.090.416.000)	(106.090.416.000)
Số cuối năm	<u>707.269.440.000</u>	<u>35.093.198.872</u>	<u>-</u>	<u>1.219.011.000</u>	<u>339.537.897.548</u>	<u>1.083.119.547.420</u>

Năm nay:

Số đầu năm	707.269.440.000	35.093.198.872	-	1.219.011.000	339.537.897.548	1.083.119.547.420
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(42.410.550.000)	-	-	(42.410.550.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	144.360.663.988	144.360.663.988
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	-	(102.277.941.000)	(102.277.941.000)
Số cuối năm	<u>707.269.440.000</u>	<u>35.093.198.872</u>	<u>(42.410.550.000)</u>	<u>1.219.011.000</u>	<u>381.620.620.536</u>	<u>1.082.791.720.408</u>

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 ngày 22 tháng 6 năm 2020 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 09-2020/NQHĐQT/TK ngày 1 tháng 7 năm 2020 phê duyệt tỷ lệ cổ tức bằng tiền là 15% mệnh giá cổ phiếu (tương đương 1.500 VND/cổ phiếu).

22.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

VND

Vốn cổ phần đã góp	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	707.269.440.000	599.377.980.000
Tăng trong năm	-	107.891.460.000
Số cuối năm	707.269.440.000	707.269.440.000
Cổ tức đã công bố	(102.277.941.000)	(106.090.416.000)
Cổ tức đã trả bằng tiền	(102.209.474.025)	(106.009.143.674)
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu	-	(41.953.660.000)

22.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phiếu đã được duyệt	70.726.944	707.269.440.000	59.937.798	599.377.980.000
Cổ phiếu đã phát hành				
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	70.726.944	707.269.440.000	70.726.944	707.269.440.000
Cổ phiếu phổ thông	70.726.944	707.269.440.000	70.726.944	707.269.440.000
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)				
Cổ phiếu phổ thông	(2.541.650)	(42.410.550.000)	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	68.185.294	664.858.890.000	70.726.944	707.269.440.000

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng

VND

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp	1.767.404.091.979	2.231.825.707.808
<i>Trừ:</i>		
Giảm giá hàng bán	(1.353.692.169)	(764.230.502)
Hàng bán bị trả lại	(384.061.171)	(2.076.853.643)
Doanh thu thuần	1.765.666.338.639	2.228.984.623.663

22. DOANH THU (tiếp theo)

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	4.312.095.867	8.941.157.186
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	7.171.602.046	5.337.442.584

	TỔNG CỘNG	11.483.697.913	14.278.599.770	
23.	CHI PHÍ TÀI CHÍNH			VND
		Năm nay	Năm trước	
	Lãi tiền vay	16.392.410.718	30.714.160.176	
	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.245.423.070	4.490.844.833	
	TỔNG CỘNG	21.637.833.788	35.205.005.009	
24.	CHI PHÍ BÁN HÀNG			VND
		Năm nay	Năm trước	
	Phí vận chuyển	7.941.574.982	12.084.996.155	
	Phí phát hành thư tín dụng (L/C), chứng từ xuất khẩu	7.663.485.108	6.947.349.102	
	Chi phí hoa hồng bán hàng	3.175.722.341	4.575.738.209	
	Khác	4.898.637.948	3.298.148.355	
	TỔNG CỘNG	23.679.420.379	26.906.231.821	
25.	CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP			VND
		Năm nay	Năm trước	
	Chi phí nhân công	27.690.996.727	26.527.207.472	
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.023.613.378	12.310.256.871	
	Chi phí phụ tùng, vật phẩm	9.252.765.927	8.102.156.780	
	Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10 và 11)	1.814.399.292	2.165.473.870	
	Chi phí khác	8.441.158.392	8.815.510.540	
	TỔNG CỘNG	57.222.933.716	57.920.605.533	
26.	CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ			VND
		Năm nay	Năm trước	
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.051.554.154.248	1.353.106.128.093	
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	233.558.115.107	276.729.700.158	
	Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định (Thuyết minh số 10 và 11)	133.576.172.429	136.956.773.221	
	Chi phí nhân công	124.868.261.515	133.247.271.009	
	Chi phí khác	47.740.498.006	59.641.204.435	
	TỔNG CỘNG	1.591.297.201.305	1.959.681.076.916	
27.	THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP			
	Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty như sau:			
	-			
	Đối với trụ sở Củ Chi, thuế suất thuế TNDN áp dụng là 20% lợi nhuận chịu thuế.			
	-			
	Đối với Chi nhánh Trảng Bàng, thuế TNDN áp dụng theo từng loại sản phẩm. Cụ thể:			

Thu nhập từ sản phẩm FDY và DTY giai đoạn từ 2015 trở đi, được miễn thuế TNDN trong bốn năm (2016 - 2020) và được giảm 50% số thuế TNDN trong chín năm tiếp theo (2020 - 2028). Thuế suất áp dụng thuế suất là 20%.

Thu nhập từ sản phẩm POY giai đoạn 3 được miễn thuế trong hai năm (2016 - 2017) và giảm 50% số thuế TNDN trong bốn năm tiếp theo (2018 - 2021). Thuế suất áp dụng là 20%.

- Đối với Unitex, thuế suất thuế TNDN áp dụng là 20% lợi nhuận chịu thuế. Unitex được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo.

Báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do vậy, việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế

27.1 CHI PHÍ THUẾ TNDN

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	16.793.155.624	22.984.249.920
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	3.590.927.496	13.205.213.902
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(255.503.778)	2.307.292.759
TỔNG CỘNG	20.128.579.342	38.496.756.581

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	164.489.243.330	252.920.154.639
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty	32.897.848.666	50.584.030.928
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Các khoản chi phí không được khấu trừ thuế	1.352.933.896	1.348.237.810
Ưu đãi thuế ở Chi nhánh Trảng Bàng	(16.842.664.035)	(23.683.089.306)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	3.590.927.496	13.205.213.902
Lợi nhuận chưa thực hiện	(870.466.681)	(2.957.636.753)
Chi phí thuế TNDN	20.128.579.342	38.496.756.581

27.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Trích trước lương thưởng	2.368.139.814	3.828.333.066	(1.460.193.252)	384.974.131
Lỗi thuế chuyển qua những kỳ sau	1.736.575.132	-	1.736.575.132	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	719.485.220	832.884.959	(113.399.739)	(176.421.847)
Chi phí phải trả	415.431.336	555.577.715	(140.146.379)	193.164.909
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	238.680.000	-	238.680.000	-
Trợ cấp thôi việc phải trả	67.383.517	74.454.142	(7.070.625)	5.303.942
Dự phòng thuế nhập khẩu	-	-	-	(2.733.745.103)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	21.747.944	20.689.303	1.058.641	19.431.209
	5.567.442.963	5.311.939.185		
Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			255.503.778	(2.307.292.759)

28. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Hưng Lợi	Bên liên quan do người thân của thành viên HĐQT của Nhóm Công ty đầu tư	Bán hàng	59.814.773.065	8.655.709.290
Công ty TNHH P.A.N Châu Á	Bên liên quan do thành viên HĐQT của	Bán hàng	8.822.791.669	18.383.946.860

VND

Nhóm Công ty
đầu tư

Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Liên An	Bên liên quan do thành viên HĐQT của Nhóm Công ty đầu tư	Bán hàng -	17.877.581.900
--	--	------------	----------------

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6)				
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Hưng Lợi	Bên liên quan do người thân của thành viên HĐQT của Nhóm Công ty đầu tư	Bán hàng	368.101.545	355.526.818
Công ty TNHH P.A.N Châu Á	Bên liên quan do thành viên HĐQT của Nhóm Công ty đầu tư	Bán hàng	-	1.307.646.387
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Liên An	Bên liên quan do thành viên HĐQT của Nhóm Công ty đầu tư	Bán hàng	-	43.405
			368.101.545	1.663.216.610

Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 16)

Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Liên An	Bên liên quan do thành viên HĐQT của Nhóm Công ty đầu tư	Ứng trước tiền mua sợi	-	119.330.088
--	---	---------------------------	---	-------------

Thu nhập của các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, và Ban kiểm soát trong năm như sau:

VND

	Năm nay	Năm trước
Ban Tổng Giám đốc	2.451.939.965	3.971.493.802
Hội đồng Quản trị	924.000.000	540.000.000
Ban Kiểm soát	240.000.000	144.000.000
TỔNG CỘNG	3.615.939.965	4.655.493.802

29. **LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

VND

	Năm nay	Năm trước (đã điều chỉnh lại)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	144.360.663.988	214.423.398.058
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	69.053.344	67.800.573
Lãi trên cổ phiếu (mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu)		
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.091	3.163
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.091	3.163

(*) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ này đã được điều chỉnh do việc mua 2.541.650 cổ phiếu quỹ.

Không có cổ phiếu phổ thông có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Dưới 1 năm	340.500.000	113.470.000	
Từ 1 đến 5 năm	1.362.000.000	1.362.000.000	
Trên 5 năm	9.335.345.000	9.902.875.000	
TỔNG CỘNG	11.037.845.000	11.378.345.000	

31. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ chính:		
Đô la Mỹ (USD)	317.258	167.437

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Người lập
Phan Thanh Phú

Kế toán trưởng
Phan Như Bích

Tổng Giám đốc
Đặng Triệu Hòa

Ngày 22 tháng 3 năm 2021